

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 776 /BC-CP

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng kết công tác nhiệm kỳ 2021 - 2026 của Chính phủ

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 4.5.19.20.25

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Căn cứ Kế hoạch tổng kết công tác nhiệm kỳ 2021 - 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ báo cáo Quốc hội về công tác nhiệm kỳ 2021 - 2026 của Chính phủ¹ như sau:

I. BỐI CẢNH

1. Bối cảnh thế giới, khu vực

Nhiệm kỳ 2021 - 2026 diễn ra trong bối cảnh thế giới có những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường, chưa từng có tiền lệ, vượt ngoài dự báo, tác động đa chiều trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... của nước ta; có cả thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Xu hướng phân tuyến, phân tách, cạnh tranh chiến lược, nhất là giữa các nước lớn gay gắt hơn; tập hợp lực lượng gia tăng, thể hiện rõ nét qua các sáng kiến liên kết chính trị, an ninh, kinh tế do các nước lớn dẫn dắt; xung đột vũ trang ở Ucraina, khu vực Trung Đông kéo dài, leo thang. Đại dịch COVID-19 để lại hậu quả nặng nề, làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, giá dầu thô, hàng hóa cơ bản, nguyên vật liệu biến động mạnh, dịch vụ vận tải biển tăng cao...; nhiều quốc gia thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất, tình hình nợ công, lạm phát tiếp tục tăng cao². Chính trị nội bộ của các nước lớn, các trung tâm quyền lực lớn, nhất là Mỹ, EU, Nhật Bản, Ấn Độ có nhiều biến động sâu sắc, tác động nhiều mặt đến quan hệ quốc tế trên bình diện toàn cầu. Năm 2025, tình hình thế giới liên tục xuất hiện nhiều diễn biến mới, phức tạp hơn; việc Mỹ áp thuế đối ứng lên nhiều quốc gia đã đẩy thành "chiến tranh thương mại" toàn cầu³, làm gia tăng nguy cơ suy thoái kinh tế thế giới⁴. Các nước đẩy mạnh cải cách thể chế, tăng cường tự chủ

¹ Các số liệu Báo cáo tổng hợp đến hết tháng 8 năm 2025, ước cả năm 2025 và tiếp tục được cập nhật

² Tháng 8/2022, lạm phát tại Mỹ là 8,3%, gần mức cao nhất trong hơn 40 năm; châu Âu là 9,1%, trong đó, Cộng hòa Liên bang Đức, Vương quốc Anh cao nhất trong gần 50 năm qua, Tây Ban Nha cao nhất từ giữa những năm 80 ở mức 10,4%. Trong khu vực, Thái Lan là 7,86%, cao nhất trong 14 năm; Singapore là 7,5% cao nhất trong vòng 14 năm...

³ Trung Quốc siết chặt xuất khẩu đất hiếm và áp mức thuế 125% đối với toàn bộ hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ từ 12/4/2025; tiến trình đàm phán thương mại Mỹ - Trung gặp nhiều thách thức. EU tuyên bố áp đặt thuế quan trả đũa đối với hàng hóa, các dịch vụ trực tuyến của Mỹ; Brazil thông qua luật cho phép đáp trả thuế quan của Mỹ. Ngày 31/7/2025, Tổng thống D.Trump đã ký sắc lệnh thuế quan đối ứng mới, công bố mức thuế của 69 đối tác thương mại, dao động từ 10 - 41%, có hiệu lực từ ngày 07/8/2025.

⁴ Theo Báo cáo số 4958/BC-BNG-NGKT ngày 04/8/2025 của Bộ Ngoại giao, đến tháng 8/2025, nhiều tổ chức quốc tế điều chỉnh giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 so với dự báo trước đó. Ngân hàng Thế giới (WB), Liên Hợp quốc dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025 đạt 2,4%; OECD dự báo đạt 2,9%; Quỹ Tiền tệ quốc tế dự báo đạt 2,8%... Trong khu vực, WB dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2025 của Phi-li-pin là 5,3%; In-đô-nê-xi-a là 4,7%; Thái Lan là 1,8%; Việt Nam là 5,8%. IMF dự

chiến lược, nỗ lực tận dụng chuyển dịch dòng đầu tư quốc tế, xu hướng hình thành các liên kết kinh tế mới, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn... để vừa phục hồi sau Covid-19 và cải thiện vị trí trong các chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu.

Bên cạnh đó, khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ với nhiều bước đột phá lớn, khẳng định vai trò động lực chủ chốt thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Nhiều xu thế mới, nhất là trí tuệ nhân tạo (AI), chip bán dẫn, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh... định hình ngày càng rõ nét, được nhiều quốc gia lựa chọn, tăng cường đầu tư, nghiên cứu. Các nước đẩy nhanh việc thực thi, “pháp lý hóa” các tiêu chuẩn, tiêu chí mới trong thương mại và đầu tư quốc tế⁵ đã tác động trực tiếp đến các nước đang phát triển, đặt ra yêu cầu phải có sự điều chỉnh, thích ứng cả trong ngắn hạn và dài hạn. Các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh mạng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh năng lượng... ngày càng phức tạp, tác động trực tiếp, đa chiều đến phát triển của nhiều quốc gia, khu vực.

2. Bối cảnh trong nước

Ở trong nước, dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư, các đồng chí Lãnh đạo chủ chốt; sự đồng hành của Quốc hội; sự vào cuộc quyết liệt, nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị; sự đồng thuận, tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp; sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế; đất nước ta đã đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện, nhiều điểm sáng nổi bật, cơ bản hoàn thành các mục tiêu chủ yếu đề ra, trở thành nước thu nhập trung bình cao.

Bước vào đầu nhiệm kỳ (năm 2021), đại dịch Covid-19 bùng phát ở nhiều địa phương với biến chủng Delta có tốc độ lây lan rất nhanh, nguy hiểm hơn nhiều so với chủng gốc, gây hậu quả nặng nề ở các trung tâm kinh tế, đô thị lớn... Với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, “chuyển từ phòng ngự sang tấn công, lấy xã, phường, thị trấn là pháo đài, lấy người dân là chiến sỹ, là trung tâm, là chủ thể phòng, chống dịch”, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc, sức khỏe của Nhân dân, của cộng đồng lên trên hết, trước hết; chúng ta đã tập trung huy động các nguồn lực, chi viện kịp thời chi các địa phương có dịch và có nguy cơ bùng phát mạnh để nhanh chóng dập dịch; kiên định thực hiện “mục tiêu kép”, phòng, chống, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”, hạn chế tác động đứt gãy chuỗi cung ứng, thúc đẩy phục hồi, phát triển KTXH.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, nền kinh tế đạt được nhiều kết quả nổi bật, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, tăng trưởng được thúc đẩy, lạm phát được kiểm soát,

báo tăng trưởng kinh tế năm 2025 của Phi-li-pin đạt 5,5%; In-đô-nê-xi-a đạt 4,7%; Thái Lan đạt 1,8%; Ma-lai-xi-a đạt 4,1%; Việt Nam đạt 5,4%.

⁵ Như: thuế tối thiểu toàn cầu, thuế các-bon xuyên biên giới, các quy định về tính bền vững của chuỗi cung ứng, các nguyên tắc trong lĩnh vực công nghệ như tự do dịch chuyển dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân...

bảo đảm các cân đối lớn; nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài được kiểm soát tốt; chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác được phối hợp đồng bộ, hài hòa, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả. An ninh năng lượng, an ninh lương thực được bảo đảm. Đầu tư công được phân bổ, sử dụng có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả hơn... Các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo được triển khai hiệu quả; đời sống của người dân được nâng lên, nhất là ở khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Hai năm cuối nhiệm kỳ (2024 - 2025), Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Tổng Bí thư, Quốc hội, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, ban hành nhiều quyết sách mang tính lịch sử, có ý nghĩa chiến lược, mở ra bước ngoặt lớn trong tiến trình phát triển của đất nước, nhất là cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn bộ máy ở Trung ương, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, kết thúc sứ mệnh lịch sử của cấp huyện và tổ chức chính quyền địa phương (CQĐP) 2 cấp; đột phá trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, rà soát, loại bỏ sự chồng chéo, bất hợp lý, thiếu thống nhất, tháo gỡ các “điểm nghẽn”, “nút thắt” trong hệ thống pháp luật; đẩy mạnh cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính (TTHC), phân cấp, phân quyền; giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài; đẩy nhanh tiến độ triển khai, xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, điện hạt nhân; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng và triển khai phương án tăng trưởng kinh tế cao, tạo nền tảng tăng trưởng hai con số cho giai đoạn 2026 - 2030; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến trung học phổ thông công lập, cơ bản hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát, triển khai xây dựng 1 triệu căn nhà ở xã hội; củng cố niềm tin của Nhân dân; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế... Công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cấp, các ngành đã có những đóng góp tích cực vào kết quả chung, toàn diện với nhiều dấu ấn nổi bật về phát triển KTXH của đất nước trong 5 năm 2021 - 2026, tô đậm thêm những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 40 năm đổi mới.

Tại các Kỳ họp Quốc hội, Chính phủ đã báo cáo kết quả phát triển KTXH hàng năm và công tác quản lý, điều hành đối với từng lĩnh vực theo các Nghị quyết của Quốc hội. Thực hiện Kế hoạch số 1255/KH-UBTVQH15 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổng kết công tác nhiệm kỳ 2021 - 2026, các bộ, cơ quan ngang bộ đã triển khai tổng kết theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Báo cáo này tập trung đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ và các quy định pháp luật liên quan với các nội dung chính như sau:

II. PHƯƠNG CHÂM, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quán triệt phương châm xuyên suốt của cả nhiệm kỳ là “**Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương** -

Sáng tạo - Phát triển”, kế thừa kinh nghiệm quản lý, điều hành từ các nhiệm kỳ trước, không ngừng đổi mới, cải cách mạnh mẽ, kiên quyết, kiên định mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; nêu cao tinh thần đoàn kết, thống nhất “trên dưới đồng lòng”, “đọc ngang thông suốt”, quyết tâm thực hiện, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong các Nghị quyết của Đảng, của Quốc hội và Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021 - 2030; khẩn trương ban hành và tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ về: Chương trình hành động (CTHD) thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; CTHĐ của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025; CTHĐ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025⁶. Trên cơ sở thực tiễn và yêu cầu phát triển đặt ra, Chính phủ đã chủ động chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất và trình Trung ương Đảng, Quốc hội ban hành các Kết luận, Nghị quyết⁷ để chỉ đạo thực hiện các chính sách, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên, tạo tiền đề vững chắc cho giai đoạn 2026 - 2030...

2. Hằng năm, Chính phủ đề ra phương châm hành động, quan điểm điều hành và các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn và công tác chỉ đạo, điều hành để các bộ, ngành, địa phương quán triệt, quyết tâm thống nhất phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển KTXH đã đề ra với tinh thần “5 quyết tâm”, “5 bảo đảm”, “5 đẩy mạnh”⁸; “không nói không, không nói khó, không nói có mà không làm”. Những quan điểm điều hành

⁶ Các Nghị quyết số: 50/NQ-CP ngày 20/5/2021, 99/NQ-CP ngày 30/8/2021, 54/NQ-CP ngày 12/4/2022

⁷ Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của BCH Trung ương Đảng. Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội.

⁸ **5 quyết tâm** gồm: (1) Quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi thách thức để hoàn thành các mục tiêu, yêu cầu đề ra của năm 2024; (2) Quyết tâm thực hiện không nói không, không nói khó, không nói có mà không làm; không được chủ quan, lơ là, mất cảnh giác, “thắng không kiêu, bại không nản”; (3) Quyết tâm bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung, thúc đẩy phòng chống tiêu cực lợi ích nhóm; (4) Quyết tâm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp; tăng cường phân cấp phân quyền, cắt giảm TTHC, giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp; (5) Quyết tâm nỗ lực phấn đấu cao nhất, thúc đẩy các động lực tăng trưởng.

- **5 bảo đảm** gồm: (1) Bảo đảm thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Lãnh đạo chủ chốt, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; (2) Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế và kiểm soát lạm phát, tạo nền tảng, điều kiện thuận lợi thúc đẩy tăng trưởng, phát triển nhanh và bền vững; (3) Bảo đảm phát triển lành mạnh, công khai, minh bạch các loại thị trường: hàng hóa, dịch vụ; lao động; bất động sản; vốn; khoa học công nghệ... Thúc đẩy phát triển các loại thị trường mới như thị trường tín chỉ các-bon, thị trường dữ liệu và nâng hạng thị trường chứng khoán; (4) Bảo đảm đầy đủ điều kiện để triển khai chế độ tiền lương mới; (5) Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, an sinh xã hội, an ninh, an toàn, an dân để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

- **5 đẩy mạnh** gồm: (1) Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế trên các lĩnh vực, tiếp tục làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), nâng cao chất lượng tăng trưởng các động lực mới (chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế tri thức...); (2) Đẩy mạnh huy động mọi nguồn lực để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tạo công ăn việc làm, sinh kế cho người dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; (3) Đẩy mạnh 03 đột phá chiến lược; (4) Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế để góp phần củng cố, tăng cường vai trò và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế; (5) Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, nhất là truyền thông chính sách, tạo đồng thuận xã hội.

trọng tâm là: *Thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế và có thặng dư cao; giữ nhịp, tạo đà, tăng tốc, bứt phá, phấn đấu tốc độ tăng trưởng đạt hai con số. Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN); tháo gỡ các “điểm nghẽn”, “nút thắt”; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi thành pháp luật, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Tập trung nguồn lực, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại; thực hiện hiệu quả công tác quy hoạch, cơ cấu lại không gian kinh tế, thúc đẩy liên kết vùng, kết nối hệ thống giao thông. Phát triển mạnh mẽ kết cấu hạ tầng, kinh tế vùng, kinh tế đô thị và xây dựng nông thôn mới. Chú trọng phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai. Quyết liệt phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Cải cách sâu rộng quản trị nhà nước, hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị, sắp xếp tổ chức bộ máy, ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQDP 2 cấp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện hiệu quả cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia; giữ vững môi trường hòa bình để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông và kéo giảm tội phạm; phòng, chống cháy nổ. Đẩy mạnh công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, nâng cao uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Chú trọng công tác thông tin truyền thông, nhất là truyền thông chính sách, lan tỏa động lực tích cực, củng cố niềm tin và đồng thuận xã hội, tạo khí thế mới cho phát triển; tích cực đấu tranh, phản bác, chấn chỉnh quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, thông tin xấu độc...*

III. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đồng chí Tổng Bí thư, Lãnh đạo chủ chốt, Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Tổng Bí thư và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ tiếp tục kế thừa và phát huy những thành tựu qua các thời kỳ, kiên quyết, kiên trì, bản lĩnh vững vàng, không lùi bước trước khó khăn, thách thức, quyết tâm xây dựng bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương trong sạch, vững mạnh toàn diện; đoàn kết, liêm chính, kỷ luật, kỷ cương; tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; vì dân, gần

dân, trọng dân theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, đảng viên; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Trong chỉ đạo, điều hành tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác, nhưng cũng không hoang mang, dao động; luôn bình tĩnh, tự tin, bản lĩnh, chủ động, linh hoạt, sáng tạo, không chuyển trạng thái đột ngột, điều hành “giật cục”. Quyết liệt chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trên các lĩnh vực theo tinh thần *kết quả tháng sau phải tốt hơn tháng trước, quý sau phải cao hơn quý trước, năm sau phải cao hơn năm trước*. Đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu, chung sức, đồng lòng quyết tâm hành động để tạo nên sức mạnh tổng hợp, sự đồng tâm nhất trí của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; thích ứng linh hoạt, hiệu quả với bối cảnh, tình hình để “xoay chuyển tình thế”, “biến nguy thành cơ”; tranh thủ thời cơ, thuận lợi để phát triển KTXH; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất, hiệu quả, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Chính phủ chủ động, tích cực xây dựng các đề án trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo đúng Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư hằng năm; chỉ đạo các cơ quan trong hệ thống hành chính tham gia đầy đủ, nghiêm túc các hội nghị quán triệt các nghị quyết, kết luận của Trung ương. Triển khai kịp thời, cụ thể hóa những chỉ đạo của Lãnh đạo chủ chốt hằng tháng và thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện.

Triển khai các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KTXH và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) hằng năm, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02 để đề ra nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH, Dự toán NSNN, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia với các quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành, nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và nhiệm vụ, văn bản, đề án cụ thể, phấn đấu hoàn thành 15 chỉ tiêu chủ yếu và 77 chỉ tiêu cụ thể của Kế hoạch phát triển KTXH. Hằng quý, Chính phủ nghe báo cáo về tình hình thực hiện 02 Nghị quyết này để kịp thời đánh giá, chỉ đạo các nhiệm vụ, giải pháp và đôn đốc thực hiện. Chính phủ đã báo cáo Quốc hội về tình hình thực hiện một số Nghị quyết của Quốc hội khóa XIV về giám sát chuyên đề, chất vấn; Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề, chất vấn từ đầu nhiệm kỳ khóa XV; Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH...

Trong nhiệm kỳ, Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng và ban hành 85 CTHĐ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 28 chương trình, kế hoạch hành động hiện thực hóa các Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, trong đó có những chủ trương, quyết sách quan trọng như: CTHĐ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; CTHĐ thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo

đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; CTHĐ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; CTHĐ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”; CTHĐ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong tình hình mới; CTHĐ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; CTHĐ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; CTHĐ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/8/2022 của Bộ Chính trị về phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo, CTHĐ thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, CTHĐ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”. Đặc biệt, chỉ trong thời gian ngắn, đã tập trung chỉ đạo, khẩn trương ban hành các CTHĐ triển khai kịp thời các Nghị quyết “bộ tứ chiến lược” của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 57-NQ/TW, 59-NQ/TW, 66-NQ/TW, 68-NQ/TW... (Chi tiết tại Phụ lục I).

Hằng năm, Chính phủ ban hành Chương trình công tác trên cơ sở cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng, của Quốc hội, CTHĐ của cả nhiệm kỳ và yêu cầu quản lý, điều hành trên các lĩnh vực, phù hợp với tình hình thực tiễn. Việc xây dựng, thực hiện Chương trình công tác luôn được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định là một nhiệm vụ quan trọng; thường xuyên tổ chức kiểm điểm, đánh giá, đôn đốc thực hiện. Trong giai đoạn 2021 - 2025, các bộ, cơ quan đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ 2.410/2.458 đề án trong Chương trình công tác, đạt tỷ lệ 98%; còn 48 đề án chưa trình (chiếm 2%).

Các bộ, cơ quan, địa phương đã chủ động, kịp thời tổ chức quán triệt, xây dựng và ban hành các quyết định, kế hoạch, chương trình công tác để triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, nghị quyết, kết luận của Trung ương Đảng, Quốc hội, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhất là những nhiệm vụ trọng tâm về phục hồi và phát triển KTXH, tháo gỡ vướng mắc cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản, đầu tư công, công tác quy hoạch, thị trường lao động, việc làm, thúc đẩy phát triển du lịch, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

2. Về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ và Quy chế làm việc của Chính phủ

Ngay sau khi được kiện toàn và phê chuẩn, với tinh thần đoàn kết, thống nhất, trách nhiệm trước Nhân dân và đất nước, Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã nhanh chóng ổn định, giải quyết công việc không để gián đoạn; tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực; đồng thời đề ra 6 quan điểm, định hướng lớn, trong đó nhấn mạnh yêu cầu: xây dựng Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp đoàn kết, thống nhất cao, liêm chính, dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; hành động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; chỉ đạo, điều hành, giao nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể về chủ thể chịu trách nhiệm và bảo đảm tính khả thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực; bảo vệ người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thách thức và quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung, vì sự phát triển của đất nước; phát huy giá trị văn hóa và con người Việt Nam trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển KTXH⁹.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các thành viên Chính phủ quán triệt và chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, sự giám sát của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của Nhân dân; thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ và các quy định có liên quan; thể hiện đúng vị trí, chức năng của cơ quan hành chính nhà nước cao nhất và mối liên hệ, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trong hệ thống chính trị. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hệ thống hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương hoạt động thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công và kịp thời điều chỉnh phù hợp yêu cầu thực tiễn chỉ đạo, điều hành; đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ đã phân công các Phó Thủ tướng trực vào thứ Bảy, Chủ nhật hằng tuần để xử lý công việc đột xuất¹⁰.

Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN tại văn kiện Đại hội XIII, trên cơ sở Luật Tổ chức Chính phủ và theo yêu cầu chỉ đạo, điều hành trong tình hình mới, triển khai những nhiệm vụ, giải pháp trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của Chính phủ, cụ thể hóa quan điểm, định hướng chỉ đạo, điều hành nhiệm kỳ 2021 - 2026, với sự thống nhất cao của các thành viên Chính phủ, Chính phủ đã ban hành Quy chế làm việc, trong đó có nhiều quy định sửa đổi, bổ sung thể hiện rõ phân cấp, phân công, phân quyền, ủy quyền, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với phân bổ nguồn lực hợp lý và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; tăng cường kỷ luật, kỷ cương

⁹ Các Nghị quyết số: 45/NQ-CP ngày 16/4/2021, 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ.

¹⁰ Trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 09 Quyết định để phân công công tác của Thủ tướng và các Phó Thủ tướng và ban hành Công văn số 1367/TTg-TH ngày 15/12/2023.

hành chính; cải tiến cách thức, quy trình xử lý công việc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ¹¹. Trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Chính phủ luôn phát huy vai trò, trí tuệ tập thể gắn với đề cao trách nhiệm cá nhân từng thành viên Chính phủ, nhất là vai trò của Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ giải quyết những việc thuộc thẩm quyền; không quyết định thay những việc đã phân cấp, ủy quyền hoặc thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan, địa phương; đẩy mạnh cá thể hóa trách nhiệm cá nhân theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đồng thời xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân gắn với đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và kiểm soát quyền lực. Thành viên Chính phủ chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc khi được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền, phân công, giao nhiệm vụ; bảo đảm nguyên tắc cấp dưới phục tùng, tuân thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo, phân công của cấp trên, góp phần hạn chế tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Năm 2025 với quy định mới tại Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức CQĐP, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kịp thời chỉ đạo các bộ, cơ quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) theo thẩm quyền để điều chỉnh kịp thời thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, CQĐP theo yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đồng bộ với việc triển khai mô hình CQĐP 2 cấp, tạo hành lang pháp lý, tháo gỡ “điểm nghẽn” về thể chế.

Chính phủ đã tích cực đổi mới, cải cách mạnh mẽ phương thức làm việc; trong năm đầu nhiệm kỳ, Thường trực Chính phủ tổ chức giao ban hàng tuần để đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành trong tuần, đề ra kế hoạch tuần tiếp theo và thời gian tới; khi tổ chức hoạt động đã vào nề nếp, Thường trực Chính phủ duy trì chế độ họp định kỳ hàng tuần để xem xét, cho ý kiến về những nội dung trước khi báo cáo Phiên họp Chính phủ và những vấn đề quan trọng, cấp bách, cần thiết khác, tạo sự đồng thuận, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. Để chuẩn hóa hồ sơ trình, Chính phủ yêu cầu thống nhất các mẫu tờ trình, báo cáo, nêu rõ căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn, quá trình xử lý, ý kiến các cơ quan liên quan và nội dung trình, vấn đề xin ý kiến. Công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc và chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các thành viên Chính phủ và hệ thống hành chính nhà nước được đẩy mạnh. Nhiều cuộc họp, hội nghị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được tổ chức trực tuyến đến cơ sở (cấp xã).

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn coi việc nắm chắc tình hình thực tiễn, sâu sát cơ sở là một trong những căn cứ quan trọng trong chỉ đạo điều hành, kịp thời xử lý, giải quyết những vấn đề quan trọng, cấp bách phát sinh từ thực tiễn. Từ năm 2021 đến 2025, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ đã có gần 400 chuyến công tác, làm việc với địa phương, cơ sở, trực tiếp kiểm tra, đôn đốc, giải quyết hàng nghìn kiến nghị, tháo gỡ khó khăn cho địa phương, người dân và doanh nghiệp. Nhiều chủ trương lớn, quyết sách quan trọng đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kịp thời quyết định trong điều kiện cam go, thời gian

¹¹ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ

cấp bách để đáp ứng yêu cầu thực tế, “biến khó thành dễ”, “biến không thể thành có thể”. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn đề cao tính chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả trong phản ứng chính sách đối với những vấn đề phát sinh không chỉ từ thực tiễn đất nước mà còn chủ động trước diễn biến thay đổi khó lường của thế giới. Các thành viên Chính phủ chủ động nắm bắt tình hình, nhận diện khó khăn, thách thức, đổi mới tư duy, cách thức tổ chức thực hiện, bám sát thực tiễn, làm việc không kể ngày đêm, phát huy cách làm hay, nhân rộng điển hình tốt và cụ thể hóa thành CTHĐ, kế hoạch cụ thể triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp trên các lĩnh vực; có đối sách, giải pháp phù hợp, xử lý kịp thời những nhiệm vụ lớn, cấp bách, những vấn đề quan trọng phát sinh, đột xuất.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện kịp thời, nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo trước Nhân dân, trước Quốc hội về công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, người phát ngôn của Chính phủ chủ trì họp báo Chính phủ thường kỳ hàng tháng để cung cấp thông tin về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hoạt động quản lý của các bộ, cơ quan, địa phương trong việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH của đất nước. Các bộ, ngành, địa phương chủ động phối hợp, cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tấn, báo chí để kịp thời truyền thông về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý, các vấn đề dư luận xã hội quan tâm.

3. Các đột phá trong công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật; tháo gỡ các “điểm nghẽn”, “nút thắt”; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi thành pháp luật

Đồng hành với quá trình phát triển KTXH của đất nước, bám sát nội dung Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết Hội nghị Trung ương khóa XIII, chỉ đạo, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội về công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao chất lượng tổ chức thi hành pháp luật, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật là khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu. Trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, cụ thể hóa các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đề xuất những định hướng chính sách lớn, then chốt trong cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, đưa luật, pháp lệnh thực sự đi vào cuộc sống, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển KTXH.

Ngay trong năm đầu nhiệm kỳ, Chính phủ đã trình cấp thẩm quyền để trình Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Kế hoạch số 81/KHUBTVQH15 ngày 05/11/2021 triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW về Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; trình Ban Chấp hành Trung

ương ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/12/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới và tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch số 11/KH-TW ngày 28/11/2022 thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW; trình Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật. Đặc biệt, đã đề xuất Ban Chấp hành Trung ương sửa đổi Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/12/2022 theo hướng chỉ đạo chuyên từ việc “xây dựng các đạo luật có nội dung cụ thể, hiệu lực trực tiếp” sang xây dựng “các luật phải cơ bản mang tính ổn định, có giá trị lâu dài”; tham mưu Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, tạo cơ sở chính trị vững chắc với nhiều định hướng quan trọng cho công cuộc cải cách thể chế sâu sắc, nhằm xây dựng hệ thống pháp luật hiện đại, thực chất, vì Nhân dân phục vụ, đồng thời tạo động lực bền vững cho công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh trong thế kỷ XXI.

Đột phá về đổi mới tư duy và phương pháp, quy trình xây dựng pháp luật. Chính phủ, các Thành viên Chính phủ đã tích cực dành nhiều thời gian, nguồn lực để triển khai thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng, nghị quyết của Quốc hội về xây dựng, hoàn thiện thể chế; kịp thời chỉ đạo các bộ, cơ quan nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan của Quốc hội đề xuất các giải pháp đổi mới công tác xây dựng pháp luật theo tư tưởng chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng, Quốc hội: “đầu tư cho xây dựng và hoàn thiện thể chế là đầu tư cho phát triển”. Ngay tại Phiên họp triển khai công việc của Chính phủ sau khi được kiện toàn tại Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 16/4/2021, nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện pháp luật và giao: “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật”. Tính từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Chính phủ đã ban hành 791 nghị định, tăng 4,7% so với nhiệm kỳ 2016 - 2021¹²; tổ chức 43 phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật; trình Quốc hội thông qua 121 luật, nghị quyết (tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV, Chính phủ dự kiến trình Quốc hội tiếp tục xem xét, thông qua 47 luật, nghị quyết)¹³. Thường trực Chính phủ thường xuyên tổ chức các phiên họp để thảo luận, cho ý kiến các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, đồng thời thảo luận, thống nhất nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật. Quy trình cho ý kiến thông qua các dự án, dự thảo luật, pháp lệnh được quy định theo hướng hợp lý hơn; theo đó bộ, cơ quan được giao chủ trì báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách xem xét, cho ý kiến, sau đó trình Thường trực Chính phủ cho ý kiến

¹² Trong nhiệm kỳ 2016 - 2021, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua 107 luật, nghị quyết; ban hành theo thẩm quyền 755 nghị định.

¹³ Trong đó: (i) năm 2021, trình Quốc hội thông qua 05 luật, nghị quyết; ban hành theo thẩm quyền 139 nghị định; (ii) năm 2022, trình Quốc hội thông qua 17 luật, nghị quyết; ban hành 127 nghị định; (iii) năm 2023, trình Quốc hội thông qua 20 luật, nghị quyết; ban hành 94 nghị định; (iv) năm 2024, trình Quốc hội thông qua 34 luật, nghị quyết; ban hành 185 nghị định; (v) từ tháng 01 - tháng 8/2025, Chính phủ trình Quốc hội thông qua 45 luật, nghị quyết; ban hành 244 nghị định.

trước khi trình Chính phủ xem xét, quyết định. Lãnh đạo Chính phủ, Thường trực Chính phủ tăng cường làm việc với các bộ, cơ quan để cho ý kiến, chỉ đạo về những vấn đề lớn, phức tạp, còn ý kiến khác nhau trong từng dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết; chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật tiếp tục được nâng lên, giúp ngăn ngừa tình trạng tham nhũng chính sách, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ¹⁴.

Bám sát chỉ đạo của Bộ Chính trị, ý kiến kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Đề án đổi mới quy trình xây dựng pháp luật của Đảng đoàn Quốc hội, với tinh thần đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, đồng thời, khắc phục những tồn tại, hạn chế qua hơn 08 năm thi hành Luật Ban hành VBQPPL 2015, thực hiện Nghị quyết số 59/2024/NQ-UBTVQH15 và Nghị quyết số 65/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng, trình Quốc hội thông qua Luật Ban hành VBQPPL tại Kỳ họp không thường lệ lần thứ 9 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL tại Kỳ họp thứ 9 với nhiều nội dung mới, quan trọng, đột phá về quy trình xây dựng pháp luật, phân định rõ thẩm quyền lập pháp và lập quy, tăng cường kiểm soát quyền lực; chỉ quy định cụ thể trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước và văn bản liên tịch. Đối với các VBQPPL còn lại sẽ quy định nguyên tắc, loại hình VBQPPL và giao Chính phủ quy định cụ thể trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành. Bổ sung hình thức nghị quyết quy phạm của Chính phủ để: (i) giải quyết các vấn đề cấp bách phát sinh từ thực tiễn, áp dụng pháp luật trong một thời gian, phạm vi nhất định thuộc thẩm quyền của Chính phủ; ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần nghị định của Chính phủ đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển KTXH, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; (ii) thực hiện thí điểm một số chính sách chưa có pháp luật điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Chính phủ hoặc khác với nghị định, nghị quyết hiện hành.

Hàng năm, Chính phủ chỉ đạo xây dựng, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội thông qua các Nghị quyết về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, trong đó, nêu rõ thứ tự ưu tiên cho các văn bản nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, các lĩnh vực trọng tâm, có ý nghĩa then chốt để tập trung nguồn lực thực hiện. Chính phủ, Thường trực Chính phủ ưu tiên dành nhiều thời gian cho công tác xây dựng pháp luật, thảo luận và cho ý kiến về dự thảo VBQPPL tại các Phiên họp thường kỳ và Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật; tổ chức Hội nghị chuyên đề về công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp quan trọng tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến mạnh mẽ công tác này; đồng thời, tích cực đôn đốc, theo dõi, hướng dẫn các bộ, ngành thực hiện tốt Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

Nhìn chung, hồ sơ chính sách, dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết được các bộ, cơ quan chuẩn bị cơ bản đầy đủ, kỹ lưỡng, chất lượng; tuân thủ trình tự, thủ tục;

¹⁴ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ

chú trọng hoạt động tổng kết thi hành VBQPPL, truyền thông chính sách, đổi mới hoạt động lấy ý kiến theo hướng ngày càng thực chất, cầu thị, lắng nghe ý kiến phản biện và tổ chức nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ. Đối với những dự án, dự thảo có tác động lớn, phức tạp, nhạy cảm, các cơ quan đã chủ động xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy Đảng. Ở giai đoạn lập đề nghị xây dựng cũng như giai đoạn soạn thảo VBQPPL, cơ quan, tổ chức lập đề nghị đã bám sát nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Lãnh đạo chủ chốt, bảo đảm việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL phù hợp với chủ trương của Đảng, Hiến pháp và đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật. Từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2024, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan đã xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 3.578 VBQPPL; các địa phương đã ban hành 19.471 VBQPPL cấp tỉnh, 10.250 VBQPPL cấp huyện và 9.078 VBQPPL cấp xã. Việc lập danh mục, phân công, soạn thảo văn bản quy định chi tiết và ban hành kế hoạch triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết được thực hiện bài bản; theo dõi, đôn đốc và kiểm tra tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết được thực hiện thường xuyên với nhiều giải pháp tương đối hiệu quả góp phần giảm thiểu đáng kể tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh so với trước.

Tháo gỡ các điểm nghẽn và rào cản. Trước bối cảnh đất nước ta bước vào “kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, phấn đấu tăng trưởng kinh tế “hai con số” và thế giới đang có những thay đổi mang tính thời đại, để kịp thời thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, đáp ứng những yêu cầu mới thì cần phải có những giải pháp, cơ chế, chính sách kịp thời, đặc biệt, mang tính “đột phá của đột phá” trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật để khắc phục ngay “điểm nghẽn” về thể chế, phát huy, khai thác tối đa các nguồn lực để đưa thể chế, pháp luật thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển; Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng và trình Quốc hội ban hành “Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”, tập trung vào 03 chính sách, định hướng lớn, gồm: (i) cơ chế tài chính, (ii) bảo đảm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (iii) ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số; qua đó, tạo bước đổi mới đột phá, chiến lược, kịp thời, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Bên cạnh đó, Chính phủ đã chỉ đạo kịp thời triển khai Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật, cho phép Chính phủ quyết định một số vấn đề khác luật trong một thời gian nhất định để xử lý thực tế các vấn đề quan trọng, cấp bách, phát sinh¹⁵.

Với quyết tâm kiên quyết gỡ bỏ những quy định pháp luật chồng chéo, mâu thuẫn, không rõ ràng, gây khó khăn, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh và để đáp ứng yêu cầu hội nhập, Chính phủ đã tập trung rà soát, xác định các “điểm nghẽn”, “nút thắt” về thể chế kìm hãm sự phát triển, tập trung tháo gỡ quy định

¹⁵ Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội

mâu thuẫn, chông chéo, bất cập hoặc không phù hợp thực tiễn, khơi thông các nguồn lực, tạo thuận lợi thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh phát triển các ngành, lĩnh vực, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, Chính phủ đã đề xuất Quốc hội sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện các luật liên quan đến hoạt động đầu tư, xây dựng, kinh doanh và triển khai các cam kết quốc tế, các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết¹⁶...

Tiếp tục hoàn thiện thể chế đối với các lĩnh vực mới và thực hiện đầy đủ các cam kết trong các FTA, các điều ước quốc tế. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xây dựng, trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền các VBQPPL, các chiến lược quan trọng, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các lĩnh vực mới như: kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và quản lý rác thải hiệu quả, phát triển thị trường carbon, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển các công nghệ lõi, AI... tạo động lực cho các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp quốc tế¹⁷.

Công tác theo dõi thi hành pháp luật tiếp tục là một trong những nhiệm vụ quan trọng, được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo sát sao, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ theo thẩm quyền và chức năng, nhiệm vụ được giao đã ban hành các văn bản pháp luật để thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết có nhiều chuyển biến tích cực; giai đoạn 2021 - 2025, Chính phủ đã ban hành 182 nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 25 quyết định quy phạm pháp luật, trong đó có nhiều văn bản được ban hành có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của luật. Hằng năm, Chính phủ đều có báo cáo kết quả công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL. Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật (thay cho Tổ công tác về rà soát VBQPPL đã hoàn thành nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025)¹⁸; trên cơ sở đó, xây dựng Báo cáo kết quả rà soát, trình Quốc hội khóa XV tại Kỳ họp thứ 10.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được chú trọng với nhiều mô hình, cách làm mới hiệu quả, hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn; thể hiện sự chuyển biến trong nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về tầm quan trọng của việc phổ biến, quán triệt các luật, pháp lệnh, nghị quyết mới. Bên cạnh việc áp dụng hình thức truyền thống, điểm mới trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin;

¹⁶ Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Luật Thủ đô, Luật Công chứng, Luật Đất đai, Luật Các tổ chức tín dụng...

¹⁷ Luật An ninh mạng, Luật Giao dịch điện tử...; Nghị quyết về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam; Nghị định số 94/2025/NĐ-CP ngày 29/4/2025...

¹⁸ Quyết định số 1512/QĐ-TTg ngày 04/12/2024

giúp Nhân dân tiếp cận nhanh chóng, kịp thời, rộng rãi nội dung các văn bản. Công tác trợ giúp pháp lý được triển khai hiệu quả, góp phần bảo đảm quyền tiếp cận công lý cho người dân, nhất là các đối tượng yếu thế trong xã hội.

4. Thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp ĐVHC các cấp và tổ chức CQĐP 2 cấp theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả

Quán triệt chủ trương của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL); ý kiến của Bộ Chính trị về cơ cấu tổ chức của Chính phủ khóa XV (nhiệm kỳ 2021 - 2026), các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, coi công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm, bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, khoa học, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Về sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính. Trong nhiệm kỳ, công tác tổ chức triển khai sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy được thực hiện quyết liệt, đồng bộ từ trung ương đến địa phương; tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp được kiện toàn, số lượng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ cấu tổ chức bên trong, đầu mối đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan đã giảm đáng kể.

- Về cơ cấu Chính phủ: Giai đoạn 2021 - 2024, trên cơ sở kết quả đánh giá cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XIV, Chính phủ đã trình cấp có thẩm quyền đề án cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XV theo hướng giữ ổn định như nhiệm kỳ trước để thực hiện tổng kết, đánh giá và nghiên cứu đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo lộ trình. Từ tháng 3 năm 2025, thực hiện Kết luận số 121-KL/TW của Bộ Chính trị, tổ chức bộ máy của Chính phủ được sắp xếp, tinh gọn còn 14 bộ, 03 cơ quan ngang bộ (*giảm 05 bộ, cơ quan, tương ứng 22,7%*)¹⁹; 05 cơ quan thuộc Chính phủ (*giảm 03 cơ quan, tương ứng 37,5%*)²⁰.

- Về đầu mối tổ chức bên trong các bộ, cơ quan: Chính phủ đã ban hành 27/27 nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, ngành; theo đó, giảm 17 tổng cục và tổ chức tương đương, 10 cục, 144 vụ, ban thuộc tổng cục và thuộc bộ, 22 đơn vị SNCL, 108 phòng trong vụ; các tổ chức được tổ chức theo ngành dọc từ trung ương đến địa phương (như: thuế, hải quan,

¹⁹ Gồm: (1) Bộ Quốc phòng; (2) Bộ Công an; (3) Bộ Ngoại giao; (4) Bộ Nội vụ; (5) Bộ Tư pháp; (6) Bộ Tài chính; (7) Bộ Công Thương; (8) Bộ Nông nghiệp và Môi trường; (9) Bộ Xây dựng; (10) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (11) Bộ Khoa học và Công nghệ; (12) Bộ Giáo dục và Đào tạo; (13) Bộ Y tế; (14) Bộ Dân tộc và Tôn giáo; (15) NHNNVN; (16) Thanh tra Chính phủ; (17) Văn phòng Chính phủ.

²⁰ Gồm: (1) Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; (2) Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; (3) Đài Truyền hình Việt Nam; (4) Đài Tiếng nói Việt Nam; (5) Thông tấn xã Việt Nam

kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội, quản lý thị trường, thống kê, dự trữ nhà nước, thi hành án dân sự...) đã được tổ chức sắp xếp quản lý theo khu vực liên tỉnh, liên huyện²¹. Từ tháng 11/2024 đến tháng 5/2025, các bộ, ngành đã thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong, giảm cấp trung gian theo đúng chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo của Chính phủ²².

- Về sắp xếp, kiện toàn cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: Để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, liên thông trong quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực từ Trung ương đến cấp huyện; thực hiện sắp xếp giảm đầu mối bên trong gắn với giảm biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản định hướng một số nội dung về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và ban hành Nghị định quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện thống nhất²³. Trên cơ sở đó, các địa phương hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, bảo đảm tương đồng với việc sắp xếp các bộ, ngành ở Trung ương²⁴; đồng thời, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, số lượng cấp phó thuộc sở, phòng theo hướng tinh gọn, giảm cấp trung gian, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng tiêu chí thành lập tổ chức, số lượng cấp phó²⁵.

- Việc sắp xếp đơn vị SNCL, các tổ chức phối hợp liên ngành được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo sát sao, bám sát chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp tại các Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW. Theo đó, giai đoạn 2015 - 2023, các bộ, ngành, địa phương đã giảm 8.295 đơn vị SNCL, tương ứng 14,8% (bộ, ngành giảm 146 đơn vị; địa phương giảm 8.149 đơn vị). Việc chuyển các đơn vị SNCL thành công ty cổ phần đã đạt được một số kết quả tích cực, thu hút thêm

²¹ Kho bạc Nhà nước giảm 465 đầu mối; (2) Tổng cục Hải quan giảm 226 đơn vị (16 chi cục, 210 tổ, đội); (3) Tổng cục Thuế giảm 2.512 đơn vị (85 phòng, 296 chi cục, 2.131 tổ, đội); (4) Tổng cục Thống kê giảm 255 phòng, chi cục; (5) Tổng cục Dự trữ Nhà nước giảm 317 phòng, chi cục, bộ phận; (6) Tổng cục Quản lý thị trường giảm 19 cục, tinh gọn còn 305 đội; (7) Bảo hiểm xã hội Việt Nam giảm 732 đơn vị.

²² Giảm 13/13 tổng cục và tổ chức tương đương (tương ứng giảm 100%), 509 cục và tổ chức tương đương (tương ứng giảm 76,2%), 232 vụ và tổ chức tương đương (tương ứng giảm 57,4%), 3.377 chi cục và tương đương chi cục (tương ứng giảm 93,8%), hơn 200 đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó, sắp xếp giảm 81/204 đơn vị sự nghiệp công lập trong cơ cấu tổ chức quy định tại các Nghị định của Chính phủ, tương ứng giảm 39,7%).

²³ Các văn bản số: 24/CV-BCĐTKNQ18 ngày 18/12/2024, 05/CV-BCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025, 35/CV-BCĐTKNQ18 ngày 23/01/2025, 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025; các Nghị định số: 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025, 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

²⁴ Kết quả đến ngày 10/3/2025 (trước khi sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 2 cấp), các địa phương giảm 343 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (giảm 29,1%), giảm 1.454 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (giảm 17,5%). Sau ngày 01/7/2025, các địa phương tiếp tục giảm 366 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (giảm 44% so với trước khi sáp nhập); giảm 100% cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và thành lập các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

²⁵ Kết quả đã sắp xếp giảm 07 sở và 06 tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; giảm 2.572 tổ chức cấp phòng (phòng, chi cục thuộc sở và phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

nguồn lực xã hội trong việc cung cấp dịch vụ công; bố trí, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực theo hướng cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức theo vị trí việc làm, đổi mới quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị SNCL sau chuyển đổi, nâng cao thu nhập cho người lao động. Đến ngày 15/3/2025 có 127 tổ chức đang hoạt động, không còn hoạt động hoặc đang được đề xuất giải thể, giảm so với giai đoạn trước, gồm: 108 tổ chức do Thủ tướng Chính phủ thành lập, 19 tổ chức phối hợp liên ngành được thành lập theo quy định của luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định. Năm 2024 - 2025, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, cơ quan thực hiện trình tự, thủ tục giải thể theo quy định đối với 36 tổ chức phối hợp liên ngành đã hoàn thành nhiệm vụ, hoạt động không hiệu quả hoặc không hoạt động; kiện toàn, tổ chức lại 07 tổ chức phối hợp liên ngành khác.

Công tác quản lý biên chế và tinh giản biên chế tiếp tục được Chính phủ thực hiện theo đúng chủ trương, quy định của Bộ Chính trị tại Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022, Quy định số 70-QĐ/TW và Quyết định số 73-QĐ/TW, có sự tham gia, vào cuộc của cả hệ thống chính trị, bảo đảm thống nhất trong quản lý, theo lộ trình tinh giản biên chế của giai đoạn 2022 - 2026; kết quả đạt được đúng mục tiêu, yêu cầu, tạo sự đồng thuận lớn trong xã hội và dư luận. Việc tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từng bước đưa ra khỏi bộ máy những người không đáp ứng được yêu cầu công việc, góp phần ngày càng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tạo niềm tin cho người dân. Qua đó đã tiết kiệm đáng kể chi NSNN, đồng thời giải quyết căn bản những tồn tại, vướng mắc trong việc bố trí, sử dụng và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Chính phủ đã tổ chức tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, phân cấp, phân quyền gắn với việc thực hiện mô hình tổ chức CQĐP 2 cấp và hoàn thành các báo cáo trình Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương²⁶. Trình Quốc hội thông qua Luật Tổ chức Chính phủ; Nghị quyết về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; ban hành các văn bản chỉ đạo, đơn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy²⁷; các nghị định quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị²⁸. Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp²⁹. Đến nay, tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoạt động ổn định, hiệu quả, đáp ứng các nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn phát triển mới.

²⁶ Các Báo cáo của Ban cán sự đảng Chính phủ: 3882-BC/BCSĐCP ngày 13/01/2025; 3883-BC/BCSĐCP ngày 13/01/2025; Các Báo cáo của Đảng ủy Chính phủ: 13-BC/ĐU ngày 08/4/2025, 25-BC/ĐU ngày 28/5/2025, 26-BC/ĐU ngày 29/5/2025.

²⁷ Gồm các văn bản số: 05/CV-BCĐTKNQ18, 06/CV-BCĐTKNQ18, 32/CVBCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025; 35/CV-BCĐTKNQ18 ngày 23/01/2025.

²⁸ Các Nghị định số: 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024; 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025...

²⁹ Quyết định số 608/QĐ-TTg ngày 15/3/2025.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tập trung, chỉ đạo quyết liệt công tác sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 2 cấp³⁰; hướng dẫn phân cấp, phân quyền, định hướng bố trí biên chế, tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã mới và một số nội dung đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi thực hiện sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 2 cấp³¹. Chính phủ đã ban hành 30 nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền giữa trung ương và địa phương, giữa CQĐP cấp tỉnh, cấp xã khi kết thúc hoạt động của cấp huyện; chỉ đạo các bộ, cơ quan ban hành 66 thông tư để tiếp tục phân cấp, phân định thẩm quyền, hướng dẫn các nội dung chuyển tiếp, TTHC đồng bộ, thống nhất³². Chính phủ ban hành 06 nghị định, 14 nghị quyết và chỉ đạo hoàn thiện, trình ban hành 11 nghị định liên quan đến cán bộ, công chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, vị trí việc làm, tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 về Đề án của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, 34 Đề án của Chính phủ về sắp xếp ĐVHC cấp xã; xem xét, cho ý kiến đối với 23 hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh (23 cấp tỉnh mới), 63 hồ sơ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã (theo 34 đơn vị cấp tỉnh mới). Đến nay, sau sắp xếp, cả nước có 34 ĐVHC cấp tỉnh (6 thành phố, 28 tỉnh), giảm 29 tỉnh (đạt 46%); có 3.321 ĐVHC cấp xã (2.621 xã, 687 phường, 13 đặc khu), giảm 6.714 ĐVHC cấp xã (đạt 66,91%).

Các hồ sơ Đề án về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã năm 2025 do Chính phủ trình được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đánh giá cao về chất lượng, bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật, đã được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện các Nghị định: phân loại ĐVHC quy định chi tiết khung số lượng Phó Chủ tịch, số lượng Ủy viên Ủy ban nhân dân các cấp, trình tự, thủ tục bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân, trình tự, thủ tục điều động, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp CQĐP.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo sát sao các bộ, cơ quan thành lập Bộ phận thường trực theo Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tổ chức công khai đường dây nóng để kịp thời tiếp nhận, hướng dẫn, giải quyết vướng mắc, khó khăn, đề xuất, kiến nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên tục, thông suốt, không bị gián đoạn khi tổ chức mô hình CQĐP 2 cấp.

³⁰ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025; Quyết định số: 758/QĐ-TTg, 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025

³¹ Văn bản số: 10/CV-BCĐ ngày 03/6/2025, 11/CV-BCĐ ngày 04/6/2025, 12/CV-BCĐ ngày 20/6/2025, 68/CV-BCĐ ngày 28/5/2025, 09/CV-BCĐ ngày 30/5/2025, 69/CV-BCĐ ngày 03/6/2025.

³² Phân cấp, phân quyền từ trung ương xuống địa phương 556 TTHC (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 262 TTHC, Chủ tịch UBND cấp tỉnh 217 TTHC, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh 70 TTHC, UBND cấp xã 06 TTHC, Chủ tịch UBND cấp xã 01 TTHC, bãi bỏ 24 TTHC). Phân định thẩm quyền giải quyết 346 TTHC thuộc thẩm quyền của cấp huyện (chuyển thẩm quyền giải quyết TTHC về cấp tỉnh 18 TTHC, cấp xã 278 TTHC, bãi bỏ 50 TTHC); tổng số TTHC sau khi phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền: cấp tỉnh 2161 TTHC, cấp xã 463 TTHC.

5. Đẩy mạnh phục hồi, phát triển KTXH, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả; huy động, mở rộng, thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển

a) Đẩy mạnh phục hồi, phát triển KTXH, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, sức cạnh tranh, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả

Sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 16/2021/QH15 về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 31/8/2021 về CTHĐ của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều giải pháp đột phá và đề xuất cấp có thẩm quyền nhiều cơ chế, chính sách phát triển KTXH, đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, đồng thời triển khai thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp để phục hồi và phát triển KTXH.

Năm 2021, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, nhiều giải pháp quyết liệt, đồng bộ đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo để thực hiện thành công “mục tiêu kép”: vừa kiểm soát dịch bệnh, vừa phục hồi và phát triển KTXH. Ngày 11/10/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP về quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19”, khôi phục hoạt động sản xuất, kinh doanh trên cả nước; nền kinh tế mở cửa trở lại hoàn toàn từ đầu năm 2022, là tiền đề quan trọng để các ngành kinh tế tăng tốc trong năm 2022 và những năm tiếp theo. Song song với phòng, chống dịch, Chính phủ triển khai nhiều chính sách an sinh xã hội như: miễn giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế, phí và tiền thuê đất; hỗ trợ tiền mặt cho lao động bị mất việc làm; cho vay lãi suất thấp qua Ngân hàng Chính sách xã hội... Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH với quy mô gần 350 nghìn tỷ đồng. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/11/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển KTXH và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội³³. Các chính sách đã hỗ trợ khoảng 105 nghìn tỷ đồng cho trên 1,4 triệu lượt người sử dụng lao động, trên 68,4 triệu lượt người lao động gặp khó khăn; miễn giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất; dành khoảng 175,5 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư từ ngân sách trung ương (NSTW) cho Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, các dự án kết cấu hạ tầng, y tế. Mặc dù chịu tác động nặng nề của đại dịch COVID-19 và thương mại toàn cầu suy giảm, tốc độ tăng GDP 02 năm 2020 - 2021 của nước ta vẫn đạt 2,7%/năm; năm 2022 phục hồi mạnh mẽ, đạt mức tăng 8,54%, cao hơn nhiều so với kế hoạch (6 - 6,5%), là mức tăng cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong giai đoạn 2023 - 2024, Chính phủ xác định trọng tâm phát triển KTXH là ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát

³³ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021

lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh. Năm 2025, trên cơ sở đánh giá kỹ tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển, Chính phủ chủ động đề xuất, trình Trung ương Đảng, Quốc hội ban hành Kết luận, Nghị quyết điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 đạt từ 8% trở lên (thay vì mục tiêu ban đầu là 6,5%)³⁴. Chính phủ đã giao mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng cụ thể năm 2025 cho từng ngành, lĩnh vực và địa phương; yêu cầu các cơ quan, địa phương xây dựng kịch bản tăng trưởng theo tháng, quý và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện để làm cơ sở chỉ đạo, điều hành, kịp thời xử lý vấp đề phát sinh³⁵. Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất định, nhiều quốc gia phải hạ thấp chỉ tiêu tăng trưởng, việc Chính phủ đặt ra mức tăng trưởng cao trong năm 2025 là một tín hiệu mạnh mẽ về ý chí vượt khó và khát vọng bứt phá, khẳng định quyết tâm hoàn thành thắng lợi Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025, tạo tiền đề vững chắc cho tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030.

Tập trung cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo, xây dựng và trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025 và ban hành theo thẩm quyền CTHĐ thực hiện Nghị quyết, trong đó xác định: cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm; nâng cao hiệu quả đầu tư công; phát triển kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ; thúc đẩy liên kết vùng và phát triển các ngành động lực; đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng³⁶. Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành và triển khai Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, *cơ cấu lại đầu tư công*, phân bổ vốn tập trung, tránh dàn trải, ưu tiên dự án động lực quốc gia, kết nối vùng, liên vùng, hạ tầng chiến lược.

Song song với quá trình cơ cấu lại ngành kinh tế và cơ cấu đầu tư công, *công tác cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng* (TCTD), đặc biệt là xử lý các ngân hàng yếu kém, xử lý nợ xấu, nâng cao an toàn hệ thống tài chính, đã được Chính phủ thực hiện quyết liệt, bám sát mục tiêu của Nghị quyết số 31/2021/QH15; đã ban hành và triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025³⁷; đồng thời chỉ đạo sửa đổi Luật các TCTD, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý bảo đảm an toàn hệ thống, tăng cường vai trò giám sát của Nhà nước; xử lý dứt điểm, chuyển giao bắt buộc 04 ngân hàng yếu kém³⁸, giữ vững ổn định hệ thống, không để xảy ra đổ vỡ, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, duy trì niềm tin thị trường tài chính - ngân hàng.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, Chính phủ đã ban hành các nghị định tạo hành lang pháp lý trong việc đổi mới nâng cao chất lượng,

³⁴ Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025 của BCH Trung ương Đảng về Đề án phát triển KTXH năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; Nghị quyết số 192/2025/QH15 của Quốc hội ngày 19/02/2025 về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên.

³⁵ Các Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025, 226/NQ-CP ngày 05/8/2025

³⁶ Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022

³⁷ Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 8/6/2022

³⁸ Ngân hàng Xây dựng, Ngân hàng Đại dương, Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, Ngân hàng Đông Á.

hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL³⁹. Các quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị SNCL từng bước được hoàn thiện theo hướng đẩy mạnh giao quyền tự chủ tài chính, lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, xác định mức tự chủ tài chính và cơ chế tự chủ chi trả tiền lương. Ngoài ra, việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giúp các đơn vị SNCL chủ động sử dụng nguồn lực hiệu quả, mở rộng các hoạt động dịch vụ sự nghiệp, thay thế nguồn chi thường xuyên từ NSNN, từng bước giảm gánh nặng cho NSNN.

Chú trọng cơ cấu lại ngành công nghiệp. Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045, với việc xác định công nghiệp là động lực trọng tâm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, Chính phủ đã ban hành, triển khai đồng bộ các CTHĐ về phát triển công nghiệp, chỉ đạo đẩy mạnh tái cơ cấu ngành công nghiệp, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, chế biến, chế tạo, điện tử, cơ khí chính xác, vật liệu mới, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao; khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới, tăng cường liên kết với doanh nghiệp FDI, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, phát triển sản phẩm chủ lực quốc gia.

Chính phủ quan tâm phát triển mạnh mẽ công nghiệp xanh, công nghiệp số, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trong ngành công nghiệp, ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xây dựng sản xuất thông minh, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc tế⁴⁰. Nhiều doanh nghiệp công nghiệp lớn đã chủ động đầu tư công nghệ tiết kiệm năng lượng, vật liệu mới thân thiện môi trường, sử dụng năng lượng tái tạo, số hóa quy trình sản xuất. Đến năm 2025, tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp triển khai chuyển đổi số đạt trên 70%, tỷ trọng điện năng lượng tái tạo trong sản xuất công nghiệp tăng mạnh, nhiều sản phẩm công nghiệp Việt Nam đã đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu sang các thị trường có yêu cầu cao. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi, sản xuất thông minh, giúp doanh nghiệp công nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, phát triển sản phẩm công nghệ cao “Make in Vietnam”⁴¹. Ban Chỉ đạo xử lý các dự án, doanh nghiệp yếu kém ngành Công Thương đã tập trung tháo gỡ, tái cơ cấu, giải phóng nguồn lực nhà nước, tăng hiệu quả sử dụng vốn, nhiều dự án lớn chuyển từ lỗ sang có lãi hoặc phục hồi sản xuất. Công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đầu tư công nghiệp được tăng cường, đảm bảo công khai, minh bạch, phòng chống thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội⁴².

Nhờ các giải pháp đồng bộ, chỉ đạo sát sao của Chính phủ, giai đoạn 2021 - 2025, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân 7,5%/năm; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đến năm 2025 đạt 26,64%, tăng 2% so với

³⁹ Nghị định số: 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025.

⁴⁰ Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22/7/2023, Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021

⁴¹ Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 25/3/2025.

⁴² Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2023. Quyết định số 1274/QĐ-TTg ngày 31/10/2023.

đầu nhiệm kỳ; xuất khẩu sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm trên 88% tổng kim ngạch xuất khẩu quốc gia. Việt Nam đã từng bước trở thành trung tâm sản xuất mới của khu vực châu Á, hội nhập sâu rộng vào các chuỗi giá trị toàn cầu, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát triển nhanh và bền vững.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác *phát triển nông nghiệp, nông thôn* và nâng cao đời sống nông dân. Các mục tiêu, giải pháp trọng tâm về cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông thôn mới, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế nông nghiệp xanh, tuần hoàn, nâng cao thu nhập và đời sống người dân nông thôn được xác định trong các Nghị quyết, CTHĐ của Chính phủ⁴³. Bên cạnh đó, các giải pháp phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, xây dựng vùng sản xuất tập trung, phát triển ngành hàng xuất khẩu chủ lực (lúa gạo, cà phê, rau quả, thủy sản, gỗ,...) được ban hành kịp thời, giúp tổ chức lại sản xuất, đầu tư hạ tầng, tăng tỷ trọng chế biến sâu, xây dựng thương hiệu nông sản quốc gia. Chỉ đạo quyết liệt các chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với điều kiện từng vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, nước, giảm phát thải khí nhà kính⁴⁴; tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp nông nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng, mở rộng thị trường, tận dụng tối đa các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đẩy mạnh xuất khẩu nông sản, nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc...⁴⁵.

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự vào cuộc của các bộ, ngành, địa phương, ngành nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò trụ đỡ của nền kinh tế, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng GDP, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng bình quân trên 3,6%/năm; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025 đạt trên 79,3%, nhiều tỉnh, vùng hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2025 dự kiến đạt 65 tỷ USD, Việt Nam liên tục giữ vững vị trí hàng đầu thế giới về xuất khẩu gạo, cà phê, hạt điều, hồ tiêu, sầu riêng, gỗ, tôm cá nước ngọt; nhiều sản phẩm nông sản xuất sang thị trường EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc. Nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng chuyển đổi số, phát triển kinh tế hợp tác, xây dựng vùng nguyên liệu lớn... trở thành động lực mới giúp nông nghiệp Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, nâng cao đời sống người dân nông thôn, khẳng định vị thế quốc gia nông nghiệp xuất khẩu trong chuỗi giá trị toàn cầu.

*Thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ nhằm cơ cấu lại và thúc đẩy các ngành dịch vụ phát triển nhanh, bền vững, hội nhập sâu rộng với thị trường quốc tế*⁴⁶.

⁴³ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023

⁴⁴ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022, 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2022, 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 18/6/2022.

⁴⁵ Công điện số 265/CĐ-TTg ngày 17/4/2023

⁴⁶ Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/3/2023; các Quyết định số: 2282/QĐ-TTg ngày 31/12/2022, 2215/QĐ-TTg ngày 18/12/2022, 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022, 50/NQ-CP ngày 17/4/2023.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quán triệt và tổ chức thực hiện xuyên suốt các mục tiêu phát triển nhanh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, phát triển thương hiệu quốc gia cho dịch vụ, thúc đẩy xuất khẩu, mở rộng thị trường, nâng cao tỷ trọng dịch vụ trong GDP. Đặc biệt, chú trọng cơ cấu lại các ngành dịch vụ trọng điểm như tài chính, ngân hàng, logistics⁴⁷, thương mại điện tử, công nghệ thông tin, du lịch, giáo dục, y tế, bảo hiểm..., hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ số, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, chủ động tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ dựa trên tri thức, tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh, bền vững. Chính phủ thường xuyên chỉ đạo phát triển thị trường trong nước, mở rộng xuất khẩu dịch vụ, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm dịch vụ Việt Nam. Công tác xây dựng, sửa đổi, bổ sung pháp luật về dịch vụ được đẩy mạnh, hoàn thiện hành lang pháp lý cho các mô hình dịch vụ mới, dịch vụ số, dịch vụ công hiện đại⁴⁸, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, thu hút đầu tư xã hội hóa vào phát triển dịch vụ. Nhiều chính sách đặc thù cho các ngành dịch vụ mũi nhọn được ban hành, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn lớn trong quản lý, vận hành, cung ứng dịch vụ, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh trên toàn cầu. *(Tình hình thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế tại Phụ lục III).*

b) Kiên quyết, kiên trì giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế và có thặng dư cao; giữ đà, giữ nhịp và tăng tốc, bút phá, phấn đấu tăng trưởng đạt 8% trở lên

(1) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác, góp phần ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu được Quốc hội giao, bảo đảm cung ứng đủ, kịp thời vốn cho quá trình phục hồi và phát triển KTXH; giữ vững ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và an toàn hệ thống các TCTD.

Điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến thị trường, mục tiêu chính sách tiền tệ. Từ năm 2021 đến tháng 9 năm 2022, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo kiên định giữ nguyên lãi suất điều hành, tạo điều kiện cho các TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Từ cuối tháng 9 năm 2022, lạm phát toàn cầu neo cao, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo triển khai kịp thời, đồng bộ các biện pháp ưu tiên kiểm soát lạm phát, giữ ổn định tỷ giá, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng⁴⁹; yêu cầu các TCTD tiết giảm chi phí, TTHC, các khoản chi không cần thiết để giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn. Trong những tháng đầu năm 2023, trên cơ sở các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, NHNN đã điều chỉnh giảm liên tục 4 lần các mức lãi suất điều hành với mức giảm

⁴⁷ Quyết định số 493/QĐ-TTg ngày 19/4/2022, Nghị quyết số 163/NQ-CP ngày 16/12/2022.

⁴⁸ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021

⁴⁹ NHNN điều chỉnh tăng 0,8-2%/năm các mức lãi suất các tháng 9, 10/2022, phù hợp với xu hướng chung tăng lãi suất thế giới để ưu tiên kiểm soát lạm phát, giữ ổn định tỷ giá, đảm bảo an toàn hệ thống.

0,5 - 2,0%/năm; lãi suất cho vay bình quân toàn hệ thống TCTD đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ giảm 1,1%/năm so với cuối năm 2022.

Từ năm 2024 đến nay, các mức lãi suất điều hành tiếp tục được giữ nguyên nhằm hỗ trợ nền kinh tế; đồng thời, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo NHNN yêu cầu các TCTD công bố thông tin lãi suất cho vay trên trang thông tin điện tử của ngân hàng để khách hàng nghiên cứu, tham khảo khi tiếp cận vốn vay; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các TCTD cạnh tranh lãi suất không lành mạnh, không đúng quy định. Kết quả, năm 2024 mặt bằng lãi suất cho vay bình quân của toàn hệ thống TCTD đối với các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ tiếp tục giảm 1,24%/năm; đến ngày 10/8/2025, lãi suất cho vay bình quân đối với các giao dịch phát sinh mới của các NHTM ở mức 6,38%/năm, giảm 0,55%/năm so với cuối năm 2024.

Điều hành tỷ giá linh hoạt, kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường ngoại tệ, bảo đảm giá trị đồng tiền Việt Nam. Trước biến động phức tạp của thị trường ngoại tệ từ năm 2021 đến nay, tạo áp lực đa chiều tới tỷ giá và cung - cầu thị trường, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo NHNN tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt (từ tháng 10/2022, NHNN tăng biên độ biến động tỷ giá từ +/-3% lên +/-5%), phù hợp với tình hình thị trường và mục tiêu chính sách tiền tệ, sẵn sàng thực hiện các biện pháp mua, bán can thiệp ngoại tệ trên thị trường khi cần thiết⁵⁰, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với các công cụ chính sách tiền tệ khác, ổn định thị trường ngoại tệ, củng cố vị thế đồng Việt Nam⁵¹. Trong giai đoạn 2021 - 2025, mặc dù thị trường tài chính thế giới có nhiều biến động nhưng thị trường ngoại tệ trong nước cơ bản ổn định, đồng Việt Nam vẫn duy trì ổn định. Trong một số giai đoạn thị trường quốc tế biến động mạnh, đồng Việt Nam duy trì tương đối ổn định, mức mất giá thấp hơn nhiều đồng tiền khác⁵²; thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ.

Điều hành tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế, nâng cao chất lượng tín dụng, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế và lạm phát được Quốc hội đặt ra hằng năm, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo NHNN xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng của hệ thống các TCTD và điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế⁵³; từ

⁵⁰ Trong thời gian cân đối cung - cầu ngoại tệ thuận lợi (năm 2021, đầu năm 2023), NHNN mua ngoại tệ từ các TCTD để duy trì hoạt động thông suốt của thị trường ngoại tệ, bổ sung Dự trữ ngoại hối Nhà nước, giúp chuyển hóa nguồn lực thành tiền đồng để hỗ trợ phát triển kinh tế; Trong giai đoạn thị trường trong nước chịu tác động bất lợi từ thị trường quốc tế (năm 2022, một số thời gian năm 2024, đầu năm 2025), NHNN bán ngoại tệ để hỗ trợ thanh khoản cho thị trường.

⁵¹ Tháng 4/2021, Hoa Kỳ xác định Việt Nam không thao túng tiền tệ. Tháng 11/2022, Hoa Kỳ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách giám sát về thao túng tiền tệ.

⁵² Biến động tỷ giá USD/VND từ năm 2021 đến nay: năm 2021: -1,32%; năm 2022: +3,46%; năm 2023: +2,89%; năm 2024: +5,03%; ngày 19/8/2025: +3,25%. Đến ngày 30/5/2025, biến động các đồng tiền so với USD như sau: TWD +8,79%; JPY +8,36%; KRW +6,42%; CNY +1,37%; CHF +10,30%.

⁵³ Năm 2021: khoảng 12%; năm 2022: khoảng 14%; năm 2023: khoảng 14-15%; năm 2024: khoảng 15%; năm 2025: khoảng 16%.

năm 2024, yêu cầu NHNN giao toàn bộ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm cho các TCTD và thông báo công khai nguyên tắc xác định tăng trưởng tín dụng, tiếp tục triển khai lộ trình hạn chế và tiến tới xóa bỏ việc điều hành phân bổ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho từng TCTD theo Nghị quyết số 62/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội. Đồng thời, yêu cầu các TCTD thực hiện nghiêm các chỉ đạo về hoạt động tiền tệ, tín dụng, các quy định về cấp tín dụng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, bảo đảm an toàn hệ thống và ổn định thị trường tiền tệ, hạn chế nợ xấu phát sinh; đơn giản hóa thủ tục cho vay, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận tín dụng ngân hàng, góp phần hạn chế, đẩy lùi “tín dụng đen”; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, động lực tăng trưởng kinh tế⁵⁴, kiểm soát chặt chẽ lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro⁵⁵. Giai đoạn 2021 - 2024, tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân hằng năm khoảng 14,17%/năm⁵⁶, đến ngày 18/8/2025 tăng 10,65% so với cuối năm 2024, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế.

Các chương trình, chính sách tín dụng đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm được quan tâm, triển khai hiệu quả. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản, mở rộng phạm vi, đối tượng thành Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản và nâng quy mô lên 100.000 tỷ đồng⁵⁷; tích cực tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy giải ngân Chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ⁵⁸; cho vay người trẻ dưới 35 tuổi mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội; triển khai Chương trình tín dụng 500.000 tỷ đồng cho vay doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, công nghệ số⁵⁹, Chương trình cho vay liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo chất lượng cao và phát thải thấp vùng đồng bằng sông Cửu Long

⁵⁴ - Tín dụng theo ngành kinh tế: Bình quân giai đoạn 2021 - 2025, tín dụng ngành nông, lâm, thủy sản tăng 7,15%/năm; tín dụng ngành công nghiệp và xây dựng tăng 10,63%/năm; tín dụng ngành thương mại và dịch vụ tăng 16,46%/năm. Đến tháng 5/2025, tăng trưởng tín dụng đối với 3 ngành này lần lượt tăng 3,38%, 5,06%, 7,64% so với cuối năm 2024.

- Tín dụng đối với các lĩnh vực ưu tiên: Bình quân giai đoạn 2021-2025, tín dụng lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tăng 12,64%/năm, Tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 10,88%/năm, tín dụng xuất khẩu tăng 5,63%/năm, tín dụng ngành công nghiệp hỗ trợ tăng 19,91%/năm, Tín dụng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 17,51%/năm. Đến tháng 6/2025, tăng trưởng tín dụng đối với các lĩnh vực này lần lượt tăng 8,54%, 9,67%, 3,88%, 15,44%, 11,74% so với cuối năm 2024.

⁵⁵ Tín dụng lĩnh vực bất động sản (BDS) tăng bình quân 18,05%/năm, trong đó tín dụng tiêu dùng BĐS chiếm tỷ trọng lớn; đến 30/6/2025 dư nợ tăng 14,58% so với cuối năm 2024. Tín dụng các dự án BOT, BT giao thông giảm dần qua các năm (năm 2021 giảm 5,83%, năm 2022 giảm 9,98%, 2023 giảm 6,79%, 2024 giảm 7,76%); đến 30/6/2025 dư nợ giảm 17,25% so với cuối năm 2024. Tín dụng chứng khoán tăng bình quân 57,26%/năm nhưng chiếm tỷ trọng nhỏ trong dư nợ nền kinh tế; đến 30/6/2025 dư nợ tăng 44,26% so với cuối năm 2024.

⁵⁶ Năm 2021: 13,61%, năm 2022: 14,2%, năm 2023: 13,78%; năm 2024: 15,09%.

⁵⁷ Đến cuối tháng 6/2025, doanh số giải ngân lũy kế của Chương trình trên 106.000 tỷ đồng cho gần 28.333 lượt khách hàng vay vốn, hoàn thành mục tiêu Chương trình.

⁵⁸ Đến cuối tháng 7/2025, các NHTM đã giải ngân 4.578 tỷ đồng (tăng 60,9% so với cuối năm 2024), gồm: 3.853 tỷ đồng cho chủ đầu tư tại 28 dự án; 725 tỷ đồng cho người mua nhà tại 27 dự án.

⁵⁹ Đến nay, 21 NHTM đã chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực 500.000 tỷ đồng cho vay theo Chương trình.

theo Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ⁶⁰. Kịp thời đáp ứng nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác, bảo đảm nguồn lực giải ngân các chương trình tín dụng chính sách⁶¹.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ lãi suất 2% từ NSNN đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh⁶²; chỉ đạo NHNN hướng dẫn các TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi phí, giữ nguyên nhóm nợ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng đại dịch Covid-19⁶³ hoặc gặp khó khăn⁶⁴; khuyến khích TCTD cho vay mới để khách hàng duy trì, phục hồi sản xuất kinh doanh, từng bước vượt qua khó khăn, trả nợ đúng hạn theo thời hạn cơ cấu lại. Trước thiệt hại nặng nề do bão Yagi (tháng 9/2024), ngành ngân hàng đã kịp thời triển khai các chương trình tín dụng, cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của bão⁶⁵.

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng được chú trọng, bảo đảm hệ thống ngân hàng an toàn, từng bước áp dụng chuẩn mực quốc tế. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật Các TCTD (sửa đổi), Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi), Luật Bảo hiểm tiền gửi và dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD; thúc đẩy quá trình cơ cấu lại, lành mạnh hóa hệ thống các TCTD, bảo đảm quyền lợi của khách hàng, người gửi tiền. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 17 Nghị định, 07 Quyết định; Thống đốc NHNN ban hành 166 Thông tư hướng dẫn, hoàn thiện hành lang pháp lý trong quản lý nhà nước về lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng và thực hiện cơ chế, chính sách tiền tệ, tín dụng, thanh tra, giám sát ngân hàng...

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo ngành ngân hàng phải tiên phong trong thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Giai đoạn 2021 - 2025, hoạt động chuyển đổi số ngân hàng đạt nhiều kết quả nổi bật; hệ thống thanh toán điện tử liên ngân

⁶⁰ Đến nay, ngoài Agribank là ngân hàng chủ lực thực hiện Chương trình còn 6 NHTM đăng ký tham gia giai đoạn thí điểm (đến hết năm 2025) với quy mô khoảng 16.729,5 tỷ đồng. Đến cuối tháng 6/2025, các NHTM tham gia Chương trình đã cho vay với doanh số giải ngân lũy kế đạt khoảng 5.200 tỷ đồng.

⁶¹ Đến 30/6/2025, tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội đạt 394.039 tỷ đồng, tăng 7,18% so với năm 2024 với hơn 6,8 triệu khách hàng dư nợ. Các chương trình tín dụng có quy mô dư nợ lớn: Cho vay hộ nghèo đạt 33.251 tỷ đồng; Cho vay hộ cận nghèo đạt 40.054 tỷ đồng; Cho vay hộ mới thoát nghèo đạt 46.614 tỷ đồng; Cho vay học sinh, sinh viên đạt 20.996 tỷ đồng; Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn đạt 24.230 tỷ đồng; Cho vay giải quyết việc làm đạt 125.627 tỷ đồng; Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2024/NĐ-CP đạt 19.027 tỷ đồng.

⁶² Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022..

⁶³ Đến cuối tháng 6/2022 (kết thúc chính sách), các TCTD đã thực hiện: (i) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ với giá trị nợ lũy kế là 722.334 tỷ đồng cho 1.090.725 khách hàng; (ii) Miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ với giá trị nợ lũy kế là 92.425 tỷ đồng cho 561.989 khách hàng.

⁶⁴ Lũy kế từ khi triển khai (24/4/2023) đến thời điểm kết thúc chương trình (31/12/2024), có 72 TCTD thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho 300.173 lượt khách hàng với tổng giá trị nợ gốc và lãi được cơ cấu là 269.603,27 tỷ đồng. Tại thời điểm 30/6/2025, có 12.233 khách hàng còn dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ với số dư nợ được cơ cấu lại là 40.772,3 tỷ đồng.

⁶⁵ Đến 30/6/2025, có 17 TCTD thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư 53 cho 244 lượt khách hàng với tổng số dư nợ gốc và lãi được cơ cấu lũy kế là 4.510,75 tỷ đồng; có 170 khách hàng còn dư nợ được cơ cấu với tổng dư nợ gốc và lãi là 3.589,17 tỷ đồng.

hàng hoạt động ổn định, an toàn, thông suốt, giúp cho các giao dịch thanh toán trong nền kinh tế an toàn, nhanh chóng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế⁶⁶.

(2) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo đồng bộ nhiều giải pháp tăng cường kỷ luật, kỷ cương chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách nhà nước, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung cho chi đầu tư phát triển, an sinh xã hội. Giai đoạn 2021 - 2025, cân đối ngân sách nhà nước được bảo đảm, nhất là trong bối cảnh thực hiện nhiều nhiệm vụ mới, cấp thiết như chi cho phòng, chống dịch COVID-19, miễn, giảm, giãn, hoãn, gia hạn các loại thuế, phí, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, phục hồi sản xuất kinh doanh, đáp ứng đầy đủ nhu cầu đầu tư phát triển, đồng thời tích lũy đủ nguồn lực thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết 27-NQ/TW.

Về chi ngân sách nhà nước, tổng chi NSNN 5 năm 2021 - 2025 ước đạt 10,5 triệu tỷ đồng, đạt mục tiêu kế hoạch tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 (khoảng 10,26 triệu tỷ đồng); bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng phát triển KTXH của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội. Tỷ trọng bố trí dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT) tăng từ mức 28,3% năm 2021 lên 31% năm 2025. Tổng nguồn NSNN bố trí chi ĐTPT trong 5 năm đạt khoảng 3,4 triệu tỷ đồng (vượt mục tiêu tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 là 2,87 triệu tỷ đồng)⁶⁷. Chi ĐTPT của NSTW đã được bố trí nguồn cơ bản đáp ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn theo phê duyệt, trong đó cũng đã xử lý các nhiệm vụ chi ĐTPT khác theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền và bảo đảm bố trí thêm nguồn 176,4 nghìn tỷ đồng (ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn) thực hiện Chương trình hỗ trợ phục hồi KTXH theo Nghị quyết 43/2022/QH15. Chi ĐTPT của ngân sách địa phương (NSDP) đã bố trí dự toán vượt kế hoạch (1,37 triệu tỷ đồng) để thực hiện các nhiệm vụ của địa phương theo phân cấp.

Đối với công tác quản lý chi thường xuyên, giai đoạn 2021 - 2025 đã giảm dần tỷ trọng dự toán chi thường xuyên hằng năm, năm 2025 xuống dưới 60% theo đúng mục tiêu tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội. Ưu tiên chi NSNN cho phòng chống dịch, bảo đảm an sinh xã hội, dành nguồn cho chi đầu tư phát triển. Ngay khi các áp lực lạm phát giảm, đã bảo đảm nguồn lực thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, tăng lương cơ sở khu vực công, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp ưu đãi người có công và điều chỉnh một số chính sách xã hội với mức tăng cao nhất từ trước đến nay⁶⁸. Việc bố trí chi thường xuyên bảo đảm đủ để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách; các chế độ, chính sách an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh trong tình hình mới; bố trí vốn thực hiện 03 chương trình MTQG, Đề án đầu tư xây dựng 1 triệu căn nhà ở xã hội, Quỹ nhà ở quốc gia,

⁶⁶ Năm 2024 so với năm 2021, tổng giao dịch qua các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt tăng 342,43% về số lượng và 77,55% về giá trị; trong đó, qua Internet tăng 360,11% về số lượng và 113,03% về giá trị; qua điện thoại di động tăng 489,45% về số lượng và 212,29% về giá trị; qua QR Code tăng 1.195,31% về số lượng và 737,37% về giá trị; qua POS tăng 74,63% về số lượng và 66,34% về giá trị.

⁶⁷ Trong đó số dự toán NSNN hằng năm được Quốc hội quyết định cả giai đoạn là 1,97 triệu tỷ đồng.

⁶⁸ Trong đó: Trợ giúp xã hội tăng 85%; trợ cấp ưu đãi người có công tăng 71,7%; lương cơ sở các năm 2023 - 2024 tăng 57%; lương hưu tăng 38,9%.

chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát. Chính phủ đã trình Quốc hội điều chỉnh, bổ sung dự toán NSNN năm 2025 để bảo đảm nguồn lực cho các nhiệm vụ quan trọng, chi trả chế độ, chính sách khi thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy; thực hiện chính sách miễn học phí và các nhiệm vụ phát sinh do tổ chức bộ máy; cân đối bố trí đạt 3% tổng chi NSNN năm 2025 cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bố trí tối thiểu 0,5% tổng chi NSNN cho công tác xây dựng pháp luật, bổ sung vốn từ nguồn tăng thu NSTW năm 2024 và tiết kiệm 10% chi thường xuyên NSNN năm 2025 để xây dựng các trường nội trú, bán trú cho học sinh phổ thông vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo... Thủ tướng Chính phủ quyết định phân bổ sử dụng nguồn tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; chỉ đạo các cấp, các ngành tiết kiệm chi thường xuyên năm 2025 để bổ sung đầu tư cho tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; hỗ trợ kinh phí cho các địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC; bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho các địa phương chi trả chế độ, chính sách theo quy định...

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh các giải pháp quản lý thu, chống thất thu NSNN; tăng cường chuyển đổi số, điện tử hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế; mở rộng cơ sở thu, tăng tỷ trọng thu nội địa, bảo đảm tỷ trọng hợp lý giữa thuế gián thu và thuế trực thu, khai thác tốt thuế thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý thu các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm. Đẩy mạnh chống chuyên giá, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý thu nợ thuế, chuyển giá, thương mại điện tử, kinh doanh qua mạng. Dự kiến thu NSNN giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt 9,5 triệu tỷ đồng, vượt mục tiêu đề ra là 8,3 triệu tỷ đồng, gấp 1,36 lần so với kết quả thực hiện giai đoạn 2016 - 2020. Tỷ lệ huy động vào NSNN đạt trên 18% GDP, trong đó từ thuế, phí khoảng trên 14% GDP, đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội.

Trên cơ sở khung pháp lý, bám sát mục tiêu tại Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội, Chính phủ quản lý, điều hành chặt chẽ bội chi NSNN; bình quân các năm 2021 - 2025, bội chi NSNN ở mức 3,1 - 3,2% GDP, giảm so với giai đoạn 2016 - 2020 (3,45%) và đạt mục tiêu kế hoạch (không quá 3,7% GDP). Kiểm soát chặt chẽ nợ công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay, thực hiện các giải pháp cơ cấu lại danh mục nợ công theo hướng an toàn, bền vững; ưu tiên tập trung sử dụng vốn vay cho các dự án trọng điểm nhằm nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực; các chỉ tiêu nợ công đảm bảo trong giới hạn an toàn nợ đã được phê duyệt tại Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm⁶⁹.

Công tác quản lý điều hành giá được thực hiện chủ động, kịp thời, thận trọng, bám sát thực tiễn. Để kiểm soát lạm phát theo mục tiêu Quốc hội đề ra, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan theo dõi sát diễn biến

⁶⁹ Tỷ lệ nợ công giảm từ 42,7% GDP năm 2021 xuống 34% GDP năm 2024 và dự kiến khoảng 36-37% GDP cuối năm 2025, thấp hơn đáng kể so với mức trần 60% được Quốc hội phê duyệt.

kinh tế, chính trị thế giới, chủ động phân tích, dự báo, kịp thời cảnh báo các nguy cơ tác động đến mặt bằng giá trong nước; xây dựng kịch bản lạm phát, kiến nghị các giải pháp điều hành giá tổng thể cả năm cũng như các biện pháp quản lý, điều hành giá một số mặt hàng quan trọng, thiết yếu. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt các giải pháp bảo đảm thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hoá, dịch vụ, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, điện, vật liệu xây dựng...; tăng cường kết nối logistics thúc đẩy tiêu thụ, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản. Giá cả các hàng hóa, dịch vụ trong danh mục nhà nước định giá cơ bản ổn định và có các chính sách hỗ trợ, miễn, giảm phù hợp về giá điện, nước sạch sinh hoạt, các dịch vụ: hàng không, chứng khoán, giáo dục... Việc điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý được thực hiện chặt chẽ, kỷ lưỡng với mức độ phù hợp, bảo đảm nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường và hỗ trợ kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, không tăng giá đột ngột hoặc tăng giá vào cùng một thời điểm. Theo đó, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 tăng 1,84%, năm 2022 tăng 3,15%, năm 2023 tăng 3,25%, năm 2024 tăng 3,66% (lạm phát mục tiêu do Quốc hội đề ra các năm 2021, 2022, 2023 và 2024 tương ứng là 4%, 4%, 4%-4,5% và 4%-4,5%). CPI bình quân 7 tháng đầu năm 2025 tăng 3,26% so với cùng kỳ, trong kịch bản điều hành giá của Ban Chỉ đạo điều hành giá và trong phạm vi Quốc hội đề ra mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2025 là 4,5-5%.

(3) Quản lý, phát triển các loại thị trường (như: thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản, lao động...) lành mạnh, an toàn, bền vững, hiệu quả, nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp hoàn thiện khung khổ pháp lý phát triển đồng bộ, bền vững các loại thị trường. Nhiều hội nghị đánh giá, thúc đẩy phát triển các thị trường vốn, lao động, bất động sản, khoa học công nghệ... được tổ chức, kịp thời có giải pháp điều hành, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong ngắn hạn và dài hạn⁷⁰. Chính phủ đã ban hành các văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện hiệu quả Luật Chứng khoán năm 2019. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030⁷¹; ban hành nhiều cơ chế, chính sách quan trọng về phát triển thị trường, các đề án về tổ chức, hoạt động của các thị trường giao dịch chứng khoán... Các giải pháp nâng hạng thị trường chứng khoán được triển khai quyết liệt; đã đưa Hệ thống công nghệ thông tin mới (KRX) vận hành từ ngày 05/5/2025; chỉ đạo tích cực xây dựng Nghị định về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ để ban hành trong năm 2025. Công tác quản lý, thanh tra, giám sát thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường chứng khoán được tăng cường, đảm bảo phát triển lành mạnh, bền vững; đồng thời, có sự điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình; các hành vi vi phạm pháp luật được xử lý nghiêm minh. Thị trường bảo hiểm ổn định; đã ban hành Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam đến năm 2030.

⁷⁰ Nghị quyết số: 06/NQ-CP ngày 10/01/2023, 33/NQ-CP ngày 11/3/2023, 86/NQ-CP ngày 11/7/2022.

⁷¹ Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, thị trường chứng khoán hoạt động ổn định, an toàn và được nhà đầu tư tin tưởng⁷²; quy mô vốn hóa thị trường tăng trưởng mạnh, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế⁷³. Thanh khoản thị trường cổ phiếu cải thiện mạnh với dòng tiền vững chắc từ các nhà đầu tư trong nước; bình quân giai đoạn 2021 đến tháng 7 năm 2025, giá trị giao dịch trên thị trường cổ phiếu đạt 21.890 tỷ đồng/phần, tăng gấp 4,1 lần so với giai đoạn 2016 - 2020, trong đó nhiều phiên giao dịch vượt hơn 1 tỷ USD, cho thấy mức độ quan tâm ngày càng cao của nhà đầu tư đối với thị trường cổ phiếu Việt Nam. Đối với thị trường bảo hiểm, tổng tài sản của thị trường năm 2021 là 708,5 nghìn tỷ đồng, năm 2024 là hơn 1 nghìn tỷ đồng, tăng 42,1%; đến tháng 3 năm 2025, tổng tài sản của thị trường bảo hiểm ước đạt 1,038 nghìn tỷ đồng. Sản phẩm bảo hiểm được phát triển ngày càng đa dạng, linh hoạt với khoảng 2.124 sản phẩm, trong đó, khoảng 1.624 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, 500 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và sức khỏe.

Đối với thị trường vàng, từ giữa năm 2021 đến nay, giá vàng thế giới biến động phức tạp theo xu hướng tăng, kéo theo giá vàng trong nước tăng mạnh. Từ năm 2022 đến tháng 4 năm 2024, chênh lệch lớn giữa giá vàng miếng trong nước và thế giới, có những thời điểm lên đến 18 triệu đồng/lượng (khoảng 25%). Trước tình hình đó, Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ đã chỉ đạo nhiều giải pháp quyết liệt, đồng bộ để bình ổn thị trường, xử lý tình trạng chênh lệch cao giữa giá vàng trong nước và thế giới, không để “vàng hóa” nền kinh tế, ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ giá, lãi suất, thị trường tiền tệ, ngoại hối và an ninh, an toàn tài chính quốc gia, phát triển thị trường vàng lành mạnh, an toàn, hiệu quả, bền vững. Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát thị trường vàng để xử lý nghiêm hành vi vi phạm; yêu cầu thực hiện nghiêm quy định về hóa đơn điện tử trong hoạt động kinh doanh, mua, bán vàng; rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách liên quan đến quản lý thị trường vàng và hoạt động kinh doanh vàng; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống buôn lậu, kinh doanh vàng trái phép; thực hiện can thiệp bán vàng miếng tăng cung ra thị trường. Thị trường lao động có những bước phát triển tích cực, từng bước tiệm cận với khu vực và thế giới. Các chỉ số của thị trường lao động phát triển theo chiều hướng tốt, cung - cầu lao động được hình thành và kết nối; số lượng và chất lượng việc làm không ngừng tăng; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm giảm; thu nhập của người lao động tăng; phát triển các hình thức giao dịch việc làm trực tuyến, các phiên giao dịch việc làm được kết nối online liên tỉnh, liên vùng; thí điểm sàn giao dịch việc làm trực tuyến toàn quốc.

Thị trường khoa học và công nghệ được thúc đẩy và từng bước phát huy vai trò kết nối, xúc tiến hoạt động ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ cho

⁷² Từ năm 2021 đến tháng 7/2025, có hơn 7,7 triệu tài khoản của nhà đầu tư, tăng 6,4 lần giai đoạn 2016 - 2020, đưa tổng số tài khoản trên thị trường chứng khoán lên 10,5 triệu, tương đương 9% dân số

⁷³ Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu 3 sàn HOSE, HNX và UPCoM ngày 31/7/2025 đạt 8.315,98 nghìn tỷ đồng, tăng 15,9% so với cuối năm 2024, tương đương 72,2% GDP ước tính năm 2024. Tính đến cuối 7/2025, thị trường có 717 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 02 Sở giao dịch chứng khoán và 887 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM với tổng giá trị niêm yết, đăng ký giao dịch đạt 2.472 nghìn tỷ đồng, tăng 63,3% so với cuối năm 2020, tương đương 21,5% GDP ước tính năm 2024.

các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước. Hiện cả nước có trên 800 tổ chức trung gian, trong đó có 22 sàn giao dịch công nghệ cấp tỉnh, 2 sàn giao dịch công nghệ cấp vùng đang hoạt động. Các hoạt động kết nối cung cầu công nghệ, chợ công nghệ và thiết bị, chợ công nghệ và thiết bị trực tuyến, hỗ trợ địa phương, cơ quan, doanh nghiệp xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu công nghệ tiếp tục được triển khai hiệu quả; cơ sở dữ liệu công nghệ liên tục được cập nhật.

Thế chế phát triển thị trường bất động sản và quyền sử dụng đất được chú trọng; đã chỉ đạo cơ quan chức năng theo dõi sát diễn biến thị trường, thông tin, dự báo, kịp thời có giải pháp ứng phó, xử lý các vấn đề phát sinh. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững; thành lập Tổ công tác về rà soát, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện dự án bất động sản cho các địa phương, doanh nghiệp, đến nay đã đạt được một số kết quả tích cực.

c) Quyết liệt, tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công, triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia

Công tác giải ngân vốn đầu tư công được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo sát sao, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu, động lực chính trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị và Quốc hội, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, địa phương nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, nhất là khâu lựa chọn dự án, chuẩn bị đầu tư; rà soát, đề xuất giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho các dự án đã báo cáo Quốc hội, đã hoàn thiện thủ tục đầu tư; tập trung hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án quan trọng quốc gia để trình Quốc hội phê duyệt. Căn cứ các Nghị quyết số: 29/2021/QH15, 93/2023/QH15 của Quốc hội, trên cơ sở tổng mức vốn và các nguyên tắc, tiêu chí được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, Thủ tướng Chính phủ đã giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương⁷⁴; đồng thời, ban hành Chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công, giao kế hoạch hằng năm.

Vốn đầu tư công được bố trí tập trung, có trọng tâm, trọng điểm hơn, dồn lực cho các dự án quan trọng quốc gia, tác động lan tỏa, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán. Trong tổng số 4.533 dự án triển khai giai đoạn 2021 - 2025, có 9 dự án quan trọng quốc gia, 3.563 dự án nhóm A, nhóm B (102 dự án trọng điểm, liên vùng); 2.272 dự án khởi công mới, giảm một nửa so với giai đoạn 2016 - 2020. Các bộ, cơ quan, địa phương kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định pháp luật. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định Luật Đầu tư công, thu hồi toàn bộ vốn NSTW đã ứng trước thuộc trách nhiệm của trung ương nhưng chưa thu hồi.

⁷⁴ Tổng số: 2,87 triệu tỷ đồng, trong đó, NSTW là gần 1,5 triệu tỷ đồng, NSĐP là hơn 1,37 triệu tỷ đồng.

Pháp luật về đầu tư công tiếp tục được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật Đầu tư công năm 2024 với nhiều chính sách đột phá⁷⁵, các luật liên quan đến đầu tư công như Luật Đất đai, Luật NSNN, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu...; các Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển các địa phương nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng XIII “ưu tiên cho liên kết và phát triển vùng, ưu tiên tăng trưởng vùng kinh tế trọng điểm”. Chính phủ ban hành theo thẩm quyền các nghị định hướng dẫn về hoạt động đầu tư công, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến đầu tư công; chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát, sửa đổi các thông tư liên quan đến đầu tư công, xây dựng, đất đai...; tăng cường phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa TTHC, phát huy tính linh hoạt, chủ động, sáng tạo của các bộ, ngành, địa phương trong quản lý thực hiện dự án, kế hoạch đầu tư công.

Chính phủ chỉ đạo hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công. Toàn bộ dự án đầu tư sử dụng vốn NSTW triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025 và trong từng năm của các bộ, cơ quan, địa phương đã được đưa lên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công. Việc ứng dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trong kiểm soát chi tại hệ thống Kho bạc Nhà nước đã giúp giảm tối đa thời gian, chi phí đi của chủ đầu tư, minh bạch quá trình xử lý hồ sơ kiểm soát thanh toán vốn đầu tư công, thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

Để thúc đẩy việc phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, công điện, văn bản chỉ đạo, điều hành; tổ chức nhiều hội nghị, cuộc họp, buổi làm việc, kịp thời hướng dẫn, đôn đốc các bộ, cơ quan, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tại các Phiên họp Chính phủ thường kỳ đều có nội dung đánh giá tình hình phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, giúp Chính phủ nắm bắt kết quả thực hiện của từng bộ, cơ quan, địa phương, phân tích, chỉ rõ nguyên nhân giải ngân chậm, từ đó chỉ đạo kịp thời, phù hợp nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả giải ngân. Thủ tướng Chính phủ đã thành lập các Tổ công tác do các Phó Thủ tướng Chính phủ và Thành viên Chính phủ làm Tổ trưởng để làm việc, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn cho các địa phương; các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cũng thành lập các Tổ công tác chỉ đạo, đôn đốc giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm của bộ, ngành, địa phương mình. Kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công được siết chặt, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả giải ngân của đơn vị, coi đây là tiêu chí đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân. Hằng tháng, Chính phủ công khai tỷ lệ giải ngân vốn của các bộ, cơ quan, địa phương trên cả nước có tỷ lệ giải ngân dưới mức trung bình, từ đó, rút ra bài học kinh nghiệm để triển khai tốt hơn. Trước tình trạng giải ngân vốn đầu tư công tại một số thời điểm còn thấp so với yêu cầu đặt ra, một số bộ, cơ quan, địa phương chưa hoàn thành phân bổ kế hoạch vốn, Chính phủ đã nghiêm túc phê bình, chỉ đạo xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân để xảy ra chậm trễ, điều chuyển, thay thế cán bộ yếu kém, né tránh trách nhiệm; những đơn vị hoàn thành tốt được biểu dương và

⁷⁵ Luật số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

tạo điều kiện tiếp cận thêm nguồn lực. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sử dụng linh hoạt các biện pháp điều hành vốn, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, bảo đảm vốn cho các dự án đầu tư; cương quyết điều chuyển vốn từ những dự án giải ngân không hiệu quả, giải ngân chậm sang dự án có tiến độ giải ngân tốt, thiếu vốn; khuyến khích các địa phương chủ động ứng vốn, linh hoạt điều chỉnh kế hoạch đầu tư trong năm (trong phạm vi được phép) để đẩy nhanh tiến độ dự án. Công tác kiểm tra, giám sát, bảo đảm chất lượng công trình, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong giải ngân đầu tư công được thực hiện nghiêm túc.

Nhờ các giải pháp quyết liệt, đồng bộ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, công tác giải ngân vốn đầu tư công trong giai đoạn 2021 - 2025 đạt kết quả tích cực hơn qua từng năm; phát huy vai trò dẫn dắt, thu hút các nguồn lực đầu tư từ các khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Giai đoạn 2021 - 2024, tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công đạt trên 90%⁷⁶, năm 2025 phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đầu tư công được Thủ tướng Chính phủ giao trước ngày 31/12/2025; ước đến hết tháng 8 năm 2025 giải ngân 409,2 nghìn tỷ đồng, đạt 46,3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; qua đó, đưa một lượng vốn lớn ra nền kinh tế, giải quyết đầu ra cho nhiều ngành, lĩnh vực, tạo công ăn, việc làm cho người lao động, hỗ trợ tăng trưởng, mở rộng năng lực sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh, góp phần tạo động lực tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế trong trung và dài hạn.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, nước ta triển khai đồng thời 3 Chương trình MTQG có phạm vi lớn, tác động sâu rộng đến KTXH. Việc triển khai 3 chương trình MTQG diễn ra trong bối cảnh có nhiều thuận lợi (được kế thừa thành tựu của giai đoạn trước và sự đồng thuận cao của xã hội), nhưng cũng gặp không ít thách thức do lần đầu tiên triển khai đồng thời, đòi hỏi cơ chế phối hợp mới và năng lực thực hiện mạnh mẽ ở các cấp. Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của các chương trình, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã sớm đề ra nhiều giải pháp mạnh mẽ để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025⁷⁷; các địa phương đã thành lập Ban chỉ đạo các cấp, tạo nên mạng lưới điều hành thống nhất từ trung ương đến cơ sở. Về thể chế, Chính phủ ban hành theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền ban hành các VBQPPL tạo khung khổ pháp lý cho triển khai thực hiện các chương trình. Sau quá trình giám sát giữa kỳ của Quốc hội về 03 Chương trình MTQG, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện các chương trình, Chính phủ đã báo cáo Quốc hội thông qua Nghị quyết số 111/2024/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình với 08 nhóm cơ chế, chính sách đặc thù⁷⁸.

⁷⁶ Trong đó, năm 2021: 94,94%; năm 2022: 93,42%, năm 2023: 93,12%; năm 2024: 93,06%.

⁷⁷ Các Quyết định số: 1945/QĐ-TTg ngày 18/11/2021, 1061/QĐ-TTg ngày 02/6/2025.

⁷⁸ (i) Phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên NSTW hằng năm; (ii) Điều chỉnh dự toán NSNN, điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn NSNN hằng năm; (iii) Quy định trình tự, thủ tục, tiêu chí, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án phát triển sản xuất; (iv) Sử dụng NSNN trọng trường hợp giao chủ dự án tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án phát triển sản xuất; (v) Quản lý, sử dụng tài sản hình thành trong dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; (vi) Ủy thác vốn của NSDP qua hệ thống Ngân hàng Chính

Chính phủ, Ban Chỉ đạo trung ương thường xuyên tổ chức các đoàn công tác, hội nghị trực tuyến với các địa phương để nắm bắt tình hình, chỉ đạo các bộ, ngành rà soát toàn bộ thông tư, quyết định liên quan 3 chương trình để khẩn trương sửa đổi, bãi bỏ quy định không phù hợp; yêu cầu các bộ, cơ quan chủ chương trình tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực thực thi cho đội ngũ cán bộ về quản lý dự án đầu tư, quy trình giải ngân, thủ tục thanh quyết toán.

Về chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: trong 09 nhóm mục tiêu cụ thể được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 120/2020/QH14, có 06 nhóm mục tiêu cơ bản hoàn thành và vượt mức đề ra⁷⁹, còn 03 nhóm mục tiêu chưa đạt⁸⁰. Các chỉ số phát triển cơ bản như giáo dục, y tế, điện lưới, nước sạch ở vùng dân tộc thiểu số đều cải thiện; nhiều công trình hạ tầng thiết yếu được đầu tư xây dựng tại thôn bản như đường giao thông, trường học, trạm y tế, công trình nước sinh hoạt; hỗ trợ sắp xếp, ổn định cho hàng chục nghìn hộ ở vùng có nguy cơ sạt lở, thiếu đất sản xuất, bảo đảm an cư cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Về chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Đến hết năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều là 2,3%, tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo là 24,86%, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn 12,55%, đạt chỉ tiêu Quốc hội giao; có 19 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn và 03 huyện nghèo thoát nghèo. Ước tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2025 duy trì mức giảm 0,8 - 1%/năm; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số năm 2025 giảm trên 3%/năm; tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo năm 2025 giảm từ 4 - 5%/năm; 30% huyện nghèo, 30% xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn, đạt mục tiêu Quốc hội giao.

Về chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Đến 30/6/2025, cả nước có 6.084/7.669 xã (79,3%) đạt chuẩn nông thôn mới (cơ bản hoàn thành mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025), trong đó: 42,2% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 12,2% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Bình quân cả nước đạt 17,5 tiêu chí/xã (tăng 0,5 tiêu chí so với cuối năm 2021); 07/16 huyện nghèo đã ra khỏi danh sách huyện “trắng xã nông thôn mới”. Có 329/646 đơn vị cấp huyện (51%)

sách xã hội; (vii) Thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình giai đoạn 2024 - 2025; (viii) Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, đầu tư vốn hằng năm đối với dự án đầu tư xây dựng có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp.

⁷⁹ Gồm: (i) tỷ lệ giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số; (ii) thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số; (iii) nhóm mục tiêu về công tác giáo dục; (iv) nhóm mục tiêu lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề; (v) nhóm mục tiêu về bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; (vi) nhóm mục tiêu về tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc, sức khỏe hiện đại, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

⁸⁰ Gồm: (i) nhóm mục tiêu về cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (3/8 nội dung chưa đạt); (ii) nhóm mục tiêu số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn (2/2 nội dung chưa đạt); (iii) nhóm mục tiêu về công tác định canh, định cư, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào (5/8 nội dung chưa đạt).

đạt chuẩn nông thôn mới (vượt mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025), trong đó: 29 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 24 tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 15 tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 13 tỉnh đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (đạt 87% mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025).

d) Thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới; cơ cấu lại khu vực doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước (DNNN), phát triển doanh nghiệp tư nhân

Trước thay đổi nhanh chóng của kinh tế toàn cầu và mô hình tăng trưởng truyền thống đã giới hạn, Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh các động lực tăng trưởng mới, trong đó coi kinh tế số là động lực chính để nâng cao năng suất, hiệu quả, tính bền vững và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ được thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, nền tảng số hiện đại, AI, dữ liệu lớn, kết nối thông minh. Doanh nghiệp, tổ chức được khuyến khích chuyển đổi quy trình vận hành, quản trị, cung ứng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, hình thành hệ sinh thái kinh tế số. Các chương trình phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn được triển khai quyết liệt, tạo chuyển biến rõ nét⁸¹. Chính phủ khuyến khích tiết kiệm năng lượng, phát triển mô hình kinh tế các-bon thấp, thúc đẩy sản xuất sạch, tiêu dùng xanh, gia tăng tỷ lệ tái chế, tái sử dụng tài nguyên; thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, sản xuất các sản phẩm công nghệ lõi, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp, khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và đối tác quốc tế để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, đưa Việt Nam trở thành điểm đến mới của các tập đoàn lớn về AI, bán dẫn, công nghệ cao và thương mại điện tử⁸²; tạo điều kiện để DNNN đầu tư vào dự án hạ tầng chiến lược, năng lượng, công nghiệp nền tảng, đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hợp tác, liên doanh liên kết, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gia tăng năng lực cạnh tranh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh năng lượng, lương thực, tài chính quốc gia.

Với việc xác định khu vực DNNN là giữ vai trò quan trọng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và quy định của pháp luật, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt xây dựng Đề án cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng tiếp tục thực hiện sắp xếp lại DNNN, tập trung giữ những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; địa bàn quan trọng về quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư; củng cố, phát triển một số tập đoàn kinh tế nhà nước có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế trong một số ngành, lĩnh vực then chốt⁸³; hoàn tất việc sắp xếp lại khối DNNN và xử lý cơ bản xong những yếu kém, thất thoát, những dự án,

⁸¹ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022, 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021, 882 ngày 22/7/2022, Chỉ thị số 44/CT-TTg ngày 09/12/2024.

⁸² Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024

⁸³ Đến ngày 20/7/2025, có 137/676 doanh nghiệp được phê duyệt Đề án cơ cấu lại theo Quyết định số 360/QĐ-TTg, đạt 20%; trong đó: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 09/09 doanh nghiệp thuộc thẩm quyền; các cơ quan đại diện chủ sở hữu, đại hội đồng cổ đông phê duyệt 128/676 doanh nghiệp thuộc thẩm quyền.

công trình chậm tiến độ, đầu tư kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước⁸⁴; thúc đẩy tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn ngoài ngành tại các tập đoàn, tổng công ty lớn⁸⁵.

Để phát triển DNNN theo hướng hiện đại, hiệu quả, hội nhập, Chính phủ đã tập trung hoàn thiện thể chế quản lý và ban hành đồng bộ các văn bản, sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, thúc đẩy áp dụng chuẩn mực quản trị tiên tiến, tách bạch quyền chủ sở hữu nhà nước với quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, nâng cao cơ chế giám sát, minh bạch hoạt động, tăng trách nhiệm giải trình. Năm 2025, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách mới của Đảng, tháo gỡ căn bản vướng mắc, tạo không gian, chủ động cho DNNN phát triển. Giai đoạn 2021 - 2024, Chính phủ đã ban hành 07 Nghị định; Thủ tướng Chính phủ ban hành 06 Quyết định, định hướng cho việc sắp xếp, cơ cấu lại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước⁸⁶. Công tác công khai, minh bạch, kiểm soát nội bộ, phòng chống tham nhũng, lãng phí cũng được tăng cường, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm an toàn, hiệu quả, hạn chế thất thoát, lãng phí⁸⁷. Nhờ đó, tổng tài sản khu vực DNNN đến hết năm 2024 đạt trên 4,3 triệu tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt gần 2 triệu tỷ đồng; tổng doanh thu đạt gần 3 triệu tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt trên 256 nghìn tỷ đồng/năm.

Bám sát chủ trương của Đảng, Chính phủ đã quán triệt và tổ chức thực hiện nhất quán chủ trương phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế, trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân trong thời kỳ mới; chỉ đạo sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, bình đẳng và thông thoáng cho doanh nghiệp tư nhân phát triển. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kịp thời có các văn bản chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ tài chính, tín dụng, miễn giảm thuế, giãn, hoãn các nghĩa vụ tài chính cho doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới mô hình sản xuất, kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới, tiếp cận vốn đầu tư mạo hiểm và thị trường quốc tế⁸⁸.

⁸⁴ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 26/4/2025 triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 để Vietnam airlines sớm phục hồi, phát triển bền vững; tăng vốn điều lệ cho Vietinbank; chuyển giao 18 tập đoàn, tổng công ty từ Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về Bộ Tài chính, Tổng công ty Mobifone về Bộ Công an...

⁸⁵ Các Chỉ thị số: 16/CT-TTg ngày 06/6/2025, 46/CT-TTg ngày 23/12/2024, 07/CT-TTg ngày 22/02/2024, 09/CT-TTg ngày 21/3/2025.

⁸⁶ Các Quyết định số: 13/2025/QĐ-TTg ngày 14/5/2025, 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021, 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022, 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021, 14/2024/QĐ-TTg ngày 25/10/2024, 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022, 184/QĐ-TTg ngày 20/02/2024, 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022.

⁸⁷ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 21/4/2025

⁸⁸ Các Quyết định số: 2112/QĐ-TTg ngày 16/12/2022, 488/QĐ-TTg ngày 08/4/2022, 211/QĐ-TTg ngày 17/5/2025; các Chỉ thị số: 08/CT-TTg ngày 24/3/2022, 12/CT-TTg ngày 23/5/2022, 10/CT-TTg ngày 13/4/2023; các Công điện số: 470/CD-TTg ngày 19/5/2023, 803/CD-TTg ngày 17/8/2024

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thường xuyên tổ chức các hội nghị, diễn đàn đối thoại lớn như Hội nghị Thủ tướng với doanh nghiệp, Diễn đàn kinh tế tư nhân Việt Nam... trực tiếp lắng nghe, tháo gỡ vướng mắc và truyền cảm hứng cho cộng đồng doanh nghiệp tư nhân; tinh thần dám nghĩ, dám làm, đồng hành cùng doanh nghiệp được lan tỏa, khơi dậy khát vọng phát triển, khuyến khích tinh thần doanh nhân quốc gia. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo được thúc đẩy mạnh mẽ, hình thành các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế, tham gia sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Nhiều chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế, đất đai, đầu tư cho doanh nghiệp tư nhân đổi mới sáng tạo, đầu tư vào các lĩnh vực then chốt, động lực tăng trưởng mới được ban hành⁸⁹. Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia đã kết nối các nguồn lực để hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thiết lập hệ sinh thái đổi mới sáng tạo với hơn 1.000 đối tác, trong đó có các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới như NVIDIA, Meta, Google, Qualcomm, Samsung...; phát triển Mạng lưới Đổi mới sáng tạo Việt Nam với hơn 2.000 chuyên gia, trí thức tại hơn 20 quốc gia, vùng lãnh thổ; khẳng định vai trò là cơ quan đầu mối quốc gia về đổi mới sáng tạo, triển khai các chương trình, hoạt động hợp tác và phát triển hệ sinh thái trong 09 ngành, lĩnh vực ưu tiên.

Thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí Thư về phát triển kinh tế tư nhân, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã khẩn trương, kịp thời chỉ đạo, tập trung thời gian, nguồn lực xây dựng, trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Kế hoạch hành động triển khai thực hiện 2 Nghị quyết trên đã được Chính phủ ban hành nhanh chóng, kịp thời, tạo bước chuyển rất căn bản, thể hiện quyết tâm chính trị, tinh thần đổi mới tư duy và hành động mạnh mẽ nhằm đưa kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng, góp phần đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững, hội nhập sâu rộng⁹⁰. Nhờ sự chỉ đạo mạnh mẽ, xuyên suốt của Đảng, Nhà nước, khu vực doanh nghiệp tư nhân đã phát triển vượt bậc cả về số lượng lẫn chất lượng; đóng góp gần 45% GDP, thực hiện 40% vốn đầu tư xã hội, tạo việc làm cho 85% lao động cả nước, và chiếm 25 - 35% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu⁹¹.

Trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, thu hút FDI tiếp tục là điểm sáng, đóng góp lớn vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới công nghệ và hội nhập sâu rộng với kinh tế toàn cầu. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng, trong đó đã

⁸⁹ Nghị quyết số: 27/NQ-CP ngày 23/3/2022 và 68/NQ-CP ngày 12/4/2022, 68/NQ-CP ngày 12/6/2023, 211/NQ-CP ngày 17/5/2025

⁹⁰ Các Nghị quyết số: 138/NQ-CP ngày 16/5/2025, 139/NQ-CP ngày 17/5/2025

⁹¹ Số doanh nghiệp thành lập mới bình quân hằng năm đạt trên 144.000 (tăng 11,6% so với giai đoạn 2015 - 2020), đến hết tháng 8/2025, trên 950.000 doanh nghiệp đang hoạt động (tăng 37,4% so với năm 2020). Nhiều tập đoàn tư nhân lớn như Vingroup, Masan, FPT, Thaco... không ngừng mở rộng, vươn tầm khu vực, dẫn đầu các lĩnh vực đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, thương mại điện tử, logistics, tài chính - ngân hàng số. Việt Nam duy trì vị trí top 3 hệ sinh thái khởi nghiệp lớn nhất ASEAN với gần 4.000 startup và nhiều doanh nghiệp gọi vốn quốc tế thành công (VNG, MoMo, Tiki...).

phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài⁹². Tổng vốn FDI đăng ký giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt trên 160 tỷ USD, vốn thực hiện đạt trên 104 tỷ USD. Chất lượng FDI được nâng cao rõ rệt: tỷ trọng dự án đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, công nghệ cao, năng lượng tái tạo, dịch vụ logistics ngày càng lớn (chiếm khoảng gần 60% tổng vốn FDI mới). Liên kết FDI - doanh nghiệp trong nước ngày càng chặt chẽ, số lượng doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam trở thành nhà cung ứng cho các tập đoàn FDI tăng lên hằng năm⁹³. Đến năm 2025 có hơn 2.500 dự án FDI áp dụng công nghệ cao; 65% doanh nghiệp FDI có hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp trong nước; nhiều chương trình hỗ trợ, đào tạo kỹ sư, kỹ thuật viên được liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu lớn của Việt Nam. Việc triển khai đồng bộ các chính sách giúp Việt Nam tăng bậc về xếp hạng môi trường đầu tư⁹⁴. *(Kết quả thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội tại Phụ lục IV).*

đ) Chủ động rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh; xử lý các dự án, doanh nghiệp kém hiệu quả, tồn đọng, chậm tiến độ, bổ sung nguồn lực cho phát triển KTXH

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Chính phủ đã xác định tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp là nhiệm vụ cấp bách, từ đó, tập trung triển khai mạnh mẽ các giải pháp hỗ trợ trực tiếp về tài chính, tín dụng, miễn, giảm thuế, phí, giãn nợ, tiền thuê đất, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công; đồng thời chủ động rà soát, xử lý nhanh các vướng mắc, điểm nghẽn TTHC⁹⁵. Nhờ đó, mặc dù 02 năm chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 và thương mại toàn cầu suy giảm, kinh tế nước ta vẫn đạt tốc độ tăng trưởng dương với mức 2,7%/năm. Sau giai đoạn cấp bách phục hồi kinh tế, từ năm 2022 - 2024⁹⁶, Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh triển khai các giải pháp cải cách TTHC, cắt giảm điều kiện kinh doanh gây khó khăn cho doanh nghiệp; yêu cầu các bộ, ngành, địa phương rà soát toàn diện hệ thống quy định về đầu tư kinh doanh, cắt giảm tối thiểu 20% các điều kiện, thủ tục không cần thiết, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, thuế, hải quan, logistics, kiểm tra chuyên ngành, cấp phép đầu tư; đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tích hợp các DVCTT nhằm rút ngắn thời gian, giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp⁹⁷.

⁹² Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 03/6/2022, 308/QĐ-TTg ngày 28/3/2023

⁹³ Có 346 doanh nghiệp cung ứng cấp 1 cho Samsung vào năm 2025, trong đó có 140 doanh nghiệp Việt Nam, 202 doanh nghiệp FDI, 04 doanh nghiệp của Samsung; tỷ lệ nội địa hóa linh kiện điện tử, ô tô, máy tính đạt 40 - 45% ở nhiều sản phẩm chiến lược.

⁹⁴ Năm 2024 Việt Nam đứng thứ 19 toàn cầu về thu hút FDI mới

⁹⁵ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022, các Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022, 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022, 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022, 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023, 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023, 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023, 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024, 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, 82/2025/NĐ-CP ngày 30/5/2025, 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025, Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 03/10/2021

⁹⁶ Giai đoạn 2022 - 2024 kinh tế đạt mức tăng trưởng 6,9%/năm.

⁹⁷ Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 06/7/2023; các Công điện số: 644/CĐ-TTg ngày 13/7/2023, 103/CĐ-TTg ngày 07/10/2024, Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 03/12/2024

Công tác xử lý các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả có nhiều chuyển biến rõ rệt. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 63-KL/TW, của Quốc hội tại Nghị quyết số 31/2021/QH15, ngay từ năm 2021, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo quyết liệt. Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành công thương; phối hợp liên ngành, tháo gỡ cơ chế, giám sát quá trình tái cơ cấu, xử lý các vướng mắc pháp lý, tài chính, lao động, đất đai; chỉ đạo rà soát, phân loại, đề xuất phương án xử lý từng dự án/doanh nghiệp phù hợp thực tiễn (giải thể, phá sản, bán tài sản, tái cấu trúc hoặc tiếp tục đầu tư)⁹⁸. Đến tháng 6 năm 2025, đã xử lý cơ bản, đưa vào hoạt động trở lại hoặc giải quyết tồn đọng 10/12 dự án yếu kém ngành công thương; nhiều dự án, doanh nghiệp thuộc diện tái cơ cấu đã được cổ phần hóa, thoái vốn hoặc sáp nhập thành công, bảo toàn vốn nhà nước, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Bên cạnh đó, trước thực tiễn nhiều dự án quan trọng tồn đọng gây lãng phí nguồn lực, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo về giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng kéo dài (hợp nhất từ 7 Ban Chỉ đạo, Tổ công tác) để tháo gỡ cho hơn 2.600 dự án⁹⁹; đến nay đã giải quyết được một số dự án năng lượng, tái tạo, bất động sản và các dự án liên quan đến đất đai. Nhờ các giải pháp linh hoạt, đồng bộ, tổng thể, hoạt động sản xuất kinh doanh trên cả nước được duy trì liên tục, quy mô nền kinh tế mở rộng nhanh; các ngành, lĩnh vực then chốt như công nghiệp chế biến - chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao, logistics, công nghệ số... đều tăng trưởng, tạo thêm hàng triệu việc làm mới...

e) Mở rộng, đa dạng hóa thị trường, mặt hàng xuất khẩu; thúc đẩy quan hệ thương mại quốc tế hài hòa, bền vững; phát triển thị trường trong nước; chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả

Trong bối cảnh môi trường đầu tư, thương mại toàn cầu thay đổi, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định việc *mở rộng, đa dạng hóa thị trường, mặt hàng xuất khẩu và chuỗi cung ứng là giải pháp căn cơ* để giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống. Chỉ đạo tận dụng tối đa ưu đãi từ 17 FTA đã ký kết như CPTPP, EVFTA, RCEP, VIFTA, CEPA...; đẩy nhanh đàm phán, ký kết các FTA, liên kết kinh tế mới với các thị trường tiềm năng ở Trung Đông, châu Phi, Mỹ La-tinh, Trung Á, Nam Âu... Công tác xúc tiến thương mại được đẩy mạnh với nhiều hình thức; hàng trăm hội chợ triển lãm, hội nghị giao thương được tổ chức theo hình thức trực tuyến và trực tiếp, giúp doanh nghiệp kết nối với bạn hàng quốc tế. Chính phủ đã chỉ đạo mở thêm các Văn phòng xúc tiến thương mại tại các khu vực thị trường mới nổi nhằm hỗ trợ kịp thời cộng đồng xuất khẩu, phát huy vai trò cầu nối, cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp kết nối đối tác.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp tuân thủ các chuẩn mực, cam kết quốc tế về lao động, môi trường,

⁹⁸ Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2021

⁹⁹ Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 11/4/2025

sở hữu trí tuệ... trong các FTA thế hệ mới; thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình thị trường nước ngoài, các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện có thể tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam để có giải pháp nhanh chóng thích ứng; rà soát, hoàn thiện khung pháp lý trong nước phù hợp với các cam kết đã ký, bảo đảm môi trường thương mại minh bạch, tin cậy. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan tích cực hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại ở nước ngoài, ngăn chặn nguy cơ mất thị trường do bị áp thuế bất lợi; tăng cường năng lực phòng vệ thương mại, chủ động sử dụng công cụ phòng vệ để bảo vệ ngành sản xuất trong nước; thúc đẩy dịch vụ logistics và hạ tầng cảng biển, phát triển mô hình “cảng cạn” nội địa để giảm chi phí vận tải, nâng cao khả năng thông quan hàng hóa nhanh chóng.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đặc biệt coi trọng việc phát triển quan hệ thương mại với các đối tác quốc tế theo hướng hài hòa, ổn định lâu dài và tuân thủ các nguyên tắc bền vững, hạn chế tối đa tranh chấp. Trong quan hệ với các thị trường trọng điểm, Việt Nam chủ động đối thoại và hợp tác để giải quyết các vấn đề phát sinh. Đối với Hoa Kỳ, ngay sau khi Hoa Kỳ công bố áp thuế đối ứng đối với hàng hóa nhập khẩu từ tất cả các đối tác thương mại, trong đó áp thuế 46% lên hàng hóa từ Việt Nam, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo, triển khai nhiều giải pháp¹⁰⁰; chủ động trao đổi qua kênh ngoại giao, vận động sự ủng hộ qua hoạt động gặp gỡ với các tổ chức, doanh nghiệp, hiệp hội liên quan; xúc tiến đàm phán với Hoa Kỳ, bảo đảm phù hợp với tổng thể quan hệ thương mại Việt Nam với các nước, bảo vệ lợi ích chính đáng của Việt Nam. Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Tổ công tác về tăng cường hợp tác, chủ động thích ứng với điều chỉnh chính sách kinh tế, thương mại của Hoa Kỳ và Đoàn đàm phán Chính phủ về các vấn đề thương mại với Hoa Kỳ¹⁰¹. Đoàn đàm phán của Chính phủ đã tổ chức nhiều cuộc họp, buổi làm việc cấp Bộ trưởng, cấp kỹ thuật, tích cực rà soát, chuẩn bị cho các phiên đàm phán; đến nay, hai đoàn đàm phán của hai nước đã thống nhất Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ về khuôn khổ Hiệp định thương mại đối ứng, công bằng và cân bằng.

Trong quan hệ với Trung Quốc - đối tác thương mại lớn và là láng giềng của Việt Nam, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo chuyển nhanh, chuyển mạnh sang xuất khẩu chính ngạch; thúc đẩy hợp tác xây dựng hạ tầng thương mại biên giới, phát triển logistics, tăng cường trao đổi, phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả và điều tiết tốt tốc độ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu thuộc biên giới, nhất là các mặt hàng nông sản, thủy sản có tính thời vụ. Trong giai đoạn 2021 - 2022, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan chức năng tích cực làm việc với bạn, thiết lập “luồng xanh” thông quan và điều chỉnh quy trình kiểm dịch hài hòa, giải quyết tình trạng nông sản Việt Nam bị ùn ứ tại cửa khẩu, không để đứt gãy thương mại. Sau khi Trung Quốc mở cửa trở lại năm 2023, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc nhanh chóng phục hồi và

¹⁰⁰ Từ ngày 02/4/2025 đến tháng 8/2025, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì 22 cuộc họp về nội dung hợp tác kinh tế, thương mại cân bằng, bền vững với Hoa Kỳ.

¹⁰¹ Các Quyết định số: 713/QĐ-TTg ngày 03/4/2025, 753/QĐ-TTg ngày 12/4/2025.

đạt 61,2 tỷ USD (tăng 6,4% so với 2022), cho thấy hiệu quả của việc duy trì quan hệ thông suốt, ổn định với thị trường láng giềng quan trọng.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030, đặt mục tiêu nâng cao tỷ trọng các mặt hàng chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu¹⁰². Đã chỉ đạo nâng tỷ trọng nông sản chế biến, xây dựng chuỗi cung ứng lạnh, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tăng tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng trong sản phẩm xuất khẩu.

Xác định thị trường trong nước là trụ cột quan trọng của nền kinh tế, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Chính phủ đã tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021 - 2025¹⁰³. Chỉ đạo đẩy mạnh các giải pháp kích cầu tiêu dùng, tổ chức chương trình khuyến mại toàn quốc, hỗ trợ phát triển sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh cho hàng hóa và doanh nghiệp Việt Nam. Chú trọng phát triển mạng lưới phân phối văn minh, hiện đại, đưa hàng hóa về nông thôn, khu công nghiệp, vùng sâu vùng xa; khuyến khích các sàn thương mại điện tử lớn trong nước triển khai chương trình ưu đãi, khuyến mãi cho sản phẩm nội địa. Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được triển khai mạnh mẽ, trở thành điểm nhấn trong phát triển kinh tế nông thôn¹⁰⁴. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã được khuyến khích tham gia chương trình, nâng tầm nông sản, đặc sản địa phương thành hàng hóa thương mại có thương hiệu; đồng thời, hỗ trợ xúc tiến thương mại trong nước cho sản phẩm OCOP, kết nối vào hệ thống siêu thị. Các bộ, ngành tổ chức nhiều khóa tập huấn, tư vấn giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng, mẫu mã bao bì, áp dụng tiêu chuẩn ISO, VietGAP... Nhờ đó, hệ thống phân phối hàng hóa Việt Nam ngày càng phủ rộng; nhiều thương hiệu Việt đã khẳng định được chỗ đứng vững chắc, được người tiêu dùng tin cậy lựa chọn.

Chính phủ đã ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại, tăng mức phạt đối với hành vi buôn bán hàng cấm, hàng giả, gian lận xuất xứ¹⁰⁵. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục. Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Ban Chỉ đạo 389) tiếp tục được kiện toàn về tổ chức và phương thức làm việc; ban hành các kế hoạch cao điểm theo từng năm, tập trung vào các tuyến, địa bàn và mặt hàng trọng điểm, cao điểm trước, trong và sau các dịp lễ, Tết. Các địa phương biên giới thành lập các Đoàn liên ngành đặc biệt để tuần tra, kiểm soát những “điểm nóng” về buôn lậu qua

¹⁰² Quyết định số 493/QĐ-TTg ngày 19/4/2022

¹⁰³ Quyết định số 386/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁰⁴ Tính đến hết tháng 6/2025, cả nước có 16.855 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên (tăng 12.368 sản phẩm so với năm 2020), trong đó 76,2% sản phẩm 3 sao, 22,7% sản phẩm 4 sao, 126 sản phẩm 5 sao, còn lại là tiềm năng 5 sao. Có 9.822 chủ thể OCOP (tăng 7.378 chủ thể so với năm 2020), trong đó có 32,9% HTX, 25,3% doanh nghiệp nhỏ, 33,5% cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh, còn lại là tổ hợp tác. Có 40% chủ thể là phụ nữ, 17,1% là người dân tộc thiểu số. Hơn 3.000 HTX tham gia sản xuất sản phẩm OCOP.

¹⁰⁵ Nghị định số 24/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ.

biên giới; các tỉnh, thành phố củng cố lực lượng quản lý thị trường chuyên trách kiểm tra, xử lý hàng giả, hàng lậu trong nội địa và thương mại điện tử.

Tháng 5 năm 2025, Thủ tướng Chính phủ đã trực tiếp chỉ đạo mở đợt cao điểm đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (từ ngày 15/5 - 15/6/2025), tập trung vào thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng, sữa giả, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp, an toàn sức khỏe cho nhân dân¹⁰⁶. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả được đẩy mạnh; kịp thời chấn chỉnh hoạt động quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin kịp thời về tình hình, phương thức, thủ đoạn hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả giai đoạn 2021 - 2025 chuyển biến tích cực; nhiều vụ việc, vụ án, chuyên án lớn được phát hiện; xử lý hình sự nhiều đối tượng, tăng cường răn đe, “tuyên chiến không khoan nhượng” với tình trạng thuốc giả, thực phẩm giả, góp phần bảo đảm trật tự thị trường, bảo vệ sản xuất trong nước và quyền lợi, sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng¹⁰⁷.

(Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu phát triển KTXH 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tại Phụ lục II).

6. Tập trung nguồn lực, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại; thực hiện hiệu quả công tác quy hoạch, cơ cấu lại không gian kinh tế, thúc đẩy liên kết vùng, kết nối hệ thống giao thông

a) Tập trung nguồn lực, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết liệt chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tích cực chuẩn bị, hoàn thiện thủ tục đầu tư để kịp thời báo cáo Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư các dự án đường bộ cao tốc, trong đó ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông các vùng động lực, vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và các vùng khó khăn. Với tinh thần khẩn trương, trách nhiệm, ngay từ đầu năm 2022, Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan tham mưu làm việc không kể ngày đêm để hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư 06 dự án quan trọng quốc gia¹⁰⁸, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền thực hiện đầu tư, nâng cao trách nhiệm của các địa phương trong đầu tư các công trình hạ tầng quốc gia. Chính phủ ban hành cơ chế chỉ định thầu, rút ngắn thời gian giải

¹⁰⁶ Công điện số: 65/CD-TTg ngày 15/5/2025, 72/CD-TTg ngày 24/5/2025, Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 17/5/2025 của TTg.

¹⁰⁷ Năm 2022, đã phát hiện, xử lý 139.758 vụ vi phạm (tăng 1,17% so với 2021); xử lý hành chính, thu nộp ngân sách 12.829 tỷ đồng tiền phạt, truy thu thuế và bán hàng tịch thu. Năm 2023, 2024, số vụ vi phạm giảm. Trong 6 tháng đầu năm 2025, đã bắt giữ, xử lý 49.717 vụ việc vi phạm, thu nộp ngân sách nhà nước hơn 6.459,2 tỷ đồng (tăng 6,47% so với cùng kỳ), khởi tố hình sự 1.899 vụ (tăng 192,15% so với cùng kỳ) và 3.271 đối tượng (tăng 70,99% so với cùng kỳ). Trong đợt cao điểm 01 tháng (15/5 - 16/6/2025), đã phát hiện, xử lý 10.437 vụ; tạm giữ tang vật trị giá hơn 4.075 tỷ đồng.

¹⁰⁸ Gồm cao tốc: Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Biên Hòa - Vũng Tàu; Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; Vành đai 3 TP. Hồ Chí Minh; Vành đai 4 vùng thủ đô Hà Nội.

phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, rút ngắn thủ tục cấp phép khai thác vật liệu xây dựng, trực tiếp giao mỏ nguyên vật liệu cho nhà thầu thi công.

Ban Chỉ đạo Nhà nước về các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban đã tổ chức 18 Phiên họp trực tuyến kết nối với nhiều địa phương, tập trung thảo luận, đôn đốc và tháo gỡ vướng mắc cho các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia, những dự án có tính liên tỉnh, liên vùng, đặc biệt là các tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam, cảng hàng không và cảng biển quan trọng.

Ngày 18/8/2024, Thủ tướng Chính phủ đã phát động phong trào thi đua “500 ngày đêm thi đua hoàn thành 3.000 km đường bộ cao tốc” cùng với các chỉ đạo triển khai thi công với tinh thần quyết tâm cao, nỗ lực lớn, “vượt nắng, thắng mưa”, “chỉ bàn làm, không bàn lùi”, “3 ca, 4 kíp”, “ăn tranh thủ, ngủ khẩn trương”, “xuyên lễ, xuyên Tết, xuyên ngày nghỉ”, “làm việc nào dứt việc đó”, “đã cam kết phải thực hiện, đã hứa phải làm” để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án. Kết quả cho thấy, kết cấu hạ tầng đường bộ có nhiều đột phá, đảm nhận vai trò chủ yếu trong kết nối vùng miền và quốc tế; đã hoàn thành đưa vào khai thác toàn bộ các dự án thành phần cao tốc Bắc Nam giai đoạn 2017 - 2020¹⁰⁹, nâng tổng số chiều dài đưa vào khai thác 2.268 km (tính đến tháng 5 năm 2025), trong đó giai đoạn 2021 - 2024 đưa vào khai thác 1.105 km (khoảng 49% tổng số chiều dài đường cao tốc), tốc độ đầu tư gấp khoảng 4 lần giai đoạn trước năm 2020; riêng 5 tháng đầu năm 2025 đã hoàn thành 247 km. Đã tổ chức triển khai thi công đồng loạt 12 dự án thành phần cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, dự án thành phần 2 của cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, dự án thành phần 2 cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; 13 đoạn tuyến quốc lộ, đường vành đai, tuyến tránh¹¹⁰..., bảo đảm mục tiêu 3.000 km đường bộ cao tốc vào cuối năm 2025.

- *Về hàng không*: Đã hoàn thành đưa vào khai thác Dự án đường cất hạ cánh và đường lăn tại Cảng hàng không quốc tế (HKQT) Nội Bài và Tân Sơn Nhất, Cảng hàng không Điện Biên, nhà ga hành khách T3 Cảng HKQT Tân Sơn Nhất; đang triển khai quyết liệt Dự án Cảng HKQT Long Thành (Giai đoạn 1) theo đúng kế hoạch.

- *Về đường sắt*: Chính phủ đã trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; trình Quốc hội thông qua Luật Đường sắt; ban hành các Nghị quyết triển khai các Nghị quyết của Quốc hội về các Dự án đường sắt và Nghị định số 123/2025/NĐ-CP quy định chi tiết về thiết kế kỹ thuật tổng thể và cơ chế đặc thù cho một số dự án đường sắt. Ban Chỉ đạo các công trình trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia lĩnh vực đường sắt đã tổ chức 03 Phiên họp triển khai nhiệm vụ

¹⁰⁹ Cao Bồ - Mai Sơn - QL.45 - Nghi Sơn - Diễn Châu - Bãi Vọt, Cam Lộ - La Sơn, Nha Trang - Cam Lâm - Vĩnh Hảo - Phan Thiết - Dầu Giây, cầu Mỹ Thuận 2, cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ.

¹¹⁰ QL.9 tỉnh Quảng Trị; QL12A tỉnh Quảng Bình; QL.31 tỉnh Bắc Giang; QL.32C tỉnh Phú Thọ; QL.30 tỉnh Đồng Tháp; QL.1 tỉnh Bình Định; QL.7 tỉnh Nghệ An; VĐ3 đoạn Tân Vạn - Nhơn Trạch; QL.2C tỉnh Tuyên Quang; Tuyến tránh TP. Cao Bằng; QL.20 tỉnh Lâm Đồng, QL.6 tránh TP. Hòa Bình; tuyến nối QL91 và tránh TP. Long Xuyên.

trọng tâm. Đến nay, đã hoàn thành đưa vào khai thác 02 dự án thuộc nhóm các dự án đường sắt quan trọng trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh; dự kiến trong năm 2025 tiếp tục hoàn thành 05 dự án khởi công mới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025¹¹¹.

Phát triển hệ thống năng lượng, triển khai các công trình dự án trọng điểm ngành năng lượng, nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió, hydrogen...) là một trong những trọng tâm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với tinh thần “bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, thúc đẩy chuyển đổi xanh”¹¹². Thông qua việc phê duyệt Quy hoạch điện VIII, Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, thành lập Ban Chỉ đạo Quốc gia về phát triển điện lực, Ban Chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo¹¹³, Chính phủ đã kịp thời tháo gỡ vướng mắc khó khăn trong quy hoạch, thủ tục đầu tư, đấu nối và cơ chế giá... Triển khai kết luận của Hội nghị Trung ương về chủ trương tái khởi động dự án điện hạt nhân Ninh Thuận, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận. Các cơ chế, chính sách về điện tái tạo, điện khí LNG, lưới truyền tải, quy hoạch nguồn và lưới điện thông minh được hoàn thiện từng bước, tạo động lực cho phát triển ngành năng lượng hiện đại, bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng không vào năm 2050 của Việt Nam¹¹⁴. Chỉ số hiệu quả sử dụng năng lượng (TPES/GDP) tăng 5,3%/năm. Hệ thống điện quốc gia vận hành an toàn, không xảy ra tình trạng thiếu điện, kể cả trong dịp lễ, Tết và các sự kiện lớn của đất nước. Hệ thống truyền tải điện được đầu tư đồng bộ, hiện đại: hoàn thành, đưa vào vận hành đường dây 500kV mạch 3 từ Quảng Trạch đến Phố Nối; nhiều dự án điện khí, LNG lớn ở Bạc Liêu, Quảng Ninh, Long An, Sóc Trăng... được phê duyệt, khởi công; các dự án điện gió ngoài khơi quy mô lớn được cấp phép và bắt đầu triển khai khảo sát, đầu tư.

Phát triển hạ tầng số quốc gia được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định là một trong ba “đột phá mới” của mô hình tăng trưởng hiện đại hóa đất nước. Chính phủ trình Quốc hội ban hành Luật Viễn thông sửa đổi, trong đó bổ sung quy định quản lý đối với dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet phù hợp với xu thế phát triển lĩnh vực viễn thông, xu hướng hội tụ giữa viễn thông, công nghệ thông tin, xu hướng dịch chuyển của hạ tầng viễn thông. Trên cơ sở các quy hoạch ngành, chiến lược dữ liệu quốc gia, chiến lược phát triển kinh tế số, xã hội số, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 xác lập hạ tầng số là “hạ tầng của nền kinh tế”, góp phần nâng cao

¹¹¹ 04 Dự án trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh: Hòa Duyệt - Thanh Luyến, Hà Nội - Vinh, Vinh - Nhà Trang, Nha Trang - Sài Gòn; Dự án cải tạo các ga trên các tuyến đường sắt phía Bắc.

¹¹² Luật Điện lực số 61/2024/QH15, các Quyết định số: 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023, 215/QĐ-TTg ngày 01/3/2024, 165/QĐ-TTg ngày 07/02/2024.

¹¹³ Quyết định số: 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025, 751/QĐ-TTg ngày 11/4/2025, 1410/QĐ-TTg ngày 17/8/2021

¹¹⁴ Nghị định số: 56/2025/NĐ-CP, 57/2025/NĐ-CP, 58/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025, 61/2025/NĐ-CP, 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025

hiệu quả quản lý, phục vụ người dân và doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Hạ tầng các khu công nghệ thông tin tập trung tiếp tục được mở rộng¹¹⁵. Các cơ chế thí điểm, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, thúc đẩy phát triển hạ tầng số quốc gia góp thúc đẩy triển khai nhanh hạ tầng 5G; đầu tư nâng cấp và triển khai các tuyến cáp quang biển mới¹¹⁶; thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp; từng bước phủ sóng đến hầu hết các vùng miền của đất nước. Hạ tầng Internet quốc gia phát triển mạnh mẽ; tốc độ Internet di động tại Việt Nam tăng 32 bậc toàn cầu so với năm 2021; phát triển hệ thống i-Speed giúp người dùng chủ động đo tốc độ truy cập Internet, tỷ lệ sử dụng giao thức Internet thế hệ mới IPv6 không ngừng tăng cao, đưa Việt Nam vào nhóm 10 quốc gia dẫn đầu thế giới, cao hơn Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản...¹¹⁷; đầu giá thành công quyền sử dụng các băng tần quan trọng cho 5G, đánh dấu bước đột phá trong quản lý tần số, chuyển từ quản lý kỹ thuật thuần túy sang kinh tế - kỹ thuật¹¹⁸. Công tác xử lý SIM rác được đẩy mạnh¹¹⁹.

b) Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; cơ cấu lại không gian kinh tế, phát triển cân đối, hài hòa giữa các vùng, thúc đẩy liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn; xây dựng nông thôn mới

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chủ động, quyết liệt, mạnh mẽ trong chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo tinh thần “vừa chạy vừa xếp hàng” nhằm đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch. Các quy hoạch được lập đã bám sát các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chiến lược phát triển KTXH của đất nước giai đoạn 2021 - 2030 với quan điểm phát triển có trọng tâm, trọng điểm và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững tài nguyên. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia

¹¹⁵ Tính đến tháng 5/2025, có 8 khu CNTT tập trung được thành lập, mở rộng và công nhận theo quy định, gồm: Công viên phần mềm Quang Trung, Khu CNTT tập trung Cầu Giấy - Hà Nội, Công viên phần mềm Đà Nẵng, Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội, Khu CNTT tập trung Đà Nẵng, Khu CNTT tập trung Cần Thơ, Khu Phức hợp Văn phòng FPT Đà Nẵng, Khu CNTT tập trung Bình Dương.

¹¹⁶ Có 04 doanh nghiệp viễn thông đăng ký triển khai 09 tuyến cáp quang biển tới năm 2030, trong đó có 02 tuyến cáp quang biển do Việt Nam làm chủ.

¹¹⁷ Việt Nam nhiều năm trong top 10 nước tiên phong toàn cầu chuyển đổi Internet sang thế hệ mới IPv6. Tính đến 31/3/2025, tỷ lệ sử dụng IPv6 đạt 65%, tương đương 93% mục tiêu năm 2025, đứng thứ 2 ASEAN và thứ 9 thế giới. Năm 2024, lượng tên miền quốc gia “.vn” thứ 10 khu vực châu Á- Thái Bình Dương, 40 thế giới, tăng 6 bậc so với 2020.

¹¹⁸ Tính đến hết tháng 6/2025, các doanh nghiệp viễn thông đã triển khai 12.263 trạm 5G tại 100% các tỉnh, thành phố trên toàn quốc, phủ sóng 5G hơn 26% dân số; năm 2025, số trạm 5G dự kiến sẽ đạt 57,5% số trạm 4G, phủ sóng 90% dân số; đến năm 2030 sẽ phủ sóng 99% dân số. Theo Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, năm 2024, tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 18,3% GDP, dự kiến năm 2025 đạt 20,5% GDP; tổng giá trị giao dịch thương mại điện tử đạt 25 tỷ USD, đứng thứ 2 Đông Nam Á; dự kiến năm 2025 đạt 20% GDP. Doanh nghiệp công nghệ số 73.000. 90% DVC đủ điều kiện triển khai trực tuyến toàn trình; 100% bộ, ngành, tỉnh hoàn thành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

¹¹⁹ 100% SIM thuê bao di động hiện có trên thị trường (hơn 125 triệu thuê bao) đã được đối soát thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; qua đó, xử lý khoảng 17 triệu SIM có thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ (chuẩn hóa thông tin cho 11 triệu SIM, chặn chiều đối với 6 triệu SIM).

được thực hiện theo cách tiếp cận và phương pháp mới, từng bước phát huy kết quả tích cực vào thực tiễn và tạo ra các cơ hội mới, không gian mới, giá trị mới cho quốc gia, vùng, địa phương. Đến nay, có 108/110 (đạt 98,2%) quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, trong đó có 06 quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030¹²⁰, 06 kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng¹²¹, 63 quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 và 04 điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tạo hành lang pháp lý đồng bộ để phân bổ nguồn lực, thu hút đầu tư, khai thác tiềm năng vùng, miền. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức CQĐP 2 cấp, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tổ chức rà soát, điều chỉnh các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030. Trong đó, định hướng điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia và phương án phân vùng KTXH (06 vùng) đã được Chính phủ trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho ý kiến tại Hội nghị 12; các quy hoạch cấp quốc gia khác và quy hoạch tỉnh đang được khẩn trương rà soát, điều chỉnh để phù hợp địa giới hành chính mới và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng “02 con số” trong giai đoạn 2026 - 2030.

Cơ cấu lại không gian kinh tế, phát triển cân đối, hài hòa giữa các vùng, thúc đẩy liên kết vùng, liên kết đô thị - nông thôn; xây dựng nông thôn mới. Việc tổ chức không gian phát triển hợp lý, kết nối vùng, quy hoạch đồng bộ đã góp phần giải quyết tốt tình trạng phát triển không đồng đều, giảm chênh lệch vùng miền, phát huy tiềm năng từng địa phương, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển bền vững, hội nhập sâu rộng. Đến tháng 6 năm 2025, đã hình thành, vận hành cơ chế phối hợp điều phối phát triển 6/6 vùng kinh tế lớn; nhiều chương trình, dự án liên kết vùng về hạ tầng giao thông, logistics, công nghiệp, phát triển thị trường lao động và khoa học công nghệ, các cụm cảng biển, trung tâm logistics liên vùng, các khu công nghiệp và khu công nghệ cao đa tỉnh được triển khai. Các vùng động lực, vùng động lực tăng trưởng mới, hành lang kinh tế lớn được hình thành và củng cố¹²², đóng góp bình quân 63 - 68% GDP và hơn 70% thu NSNN. Liên kết vùng - liên tỉnh góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tối ưu hóa sử dụng nguồn lực, thu hút đầu tư, tạo thị trường chung liên vùng. Quy mô các dự án đầu tư liên vùng, liên tỉnh trong nhiệm kỳ chiếm gần 40% tổng vốn đầu tư công trung hạn. *Hệ thống đô thị lớn*, trung tâm kinh tế vùng được mở rộng và nâng tầm với 6 thành phố trực thuộc Trung ương, nhiều đô thị vệ tinh, các trung tâm tài chính, khoa học công nghệ, giáo dục quốc tế quy mô khu vực và quốc tế được thành lập. Quy mô kinh tế đô thị tăng nhanh, tỷ lệ đô thị hóa đạt 44,3% (vượt chỉ tiêu đề ra), hệ thống đô thị động lực phát triển mạnh, hình thành các khu đô thị

¹²⁰ Quyết định số: 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022, 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024, 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024, 376/QĐ-TTg ngày 04/5/2024, 377/QĐ-TTg ngày 04/5/2024, 370/QĐ-TTg ngày 04/5/2024.

¹²¹ Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023, 1161/QĐ-TTg ngày 11/10/2024; Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 11/10/2024, 1281/QĐ-TTg ngày 29/10/2024, 1337/QĐ-TTg ngày 06/11/2024, 1325/QĐ-TTg ngày 04/11/2024, 816/QĐ-TTg ngày 07/7/2023.

¹²² Các vùng động lực, các hành lang kinh tế Bắc - Nam, hành lang kinh tế Đông - Tây, ven biển Đông Nam Bộ, công nghiệp - dịch vụ phía Đông Đồng bằng sông Hồng, các cụm công nghiệp - đô thị - dịch vụ ở Hải Phòng - Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai, Đà Nẵng - Thừa Thiên Huế, Cần Thơ - Hậu Giang - Sóc Trăng...

công nghiệp - công nghệ cao, đô thị ven biển... Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tại khu vực đô thị tăng bình quân 12,2%/năm.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế biển, hoàn thiện Quy hoạch không gian biển quốc gia, khung pháp lý và văn bản chỉ đạo cụ thể thúc đẩy khai thác, bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên biển¹²³; tạo nền tảng phát triển các ngành công nghiệp biển, logistics, du lịch biển, nâng cao năng lực quản lý, giám sát và phối hợp liên ngành; từng bước đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển¹²⁴. Chương trình xây dựng nông thôn mới đã cơ bản đạt và vượt các mục tiêu được giao trong giai đoạn 2021 - 2025. Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2024 đạt 54 triệu đồng/người/năm (tăng 1,34 lần so với năm 2020).

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số quốc gia

a) Thực hiện đồng bộ cải cách hành chính, quản lý nền hành chính quốc gia thống nhất, thông suốt, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, khoa học, công khai, minh bạch, kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả phục vụ Nhân dân

Trong giai đoạn 2021 - 2030, Đảng ta xác định cải cách hành chính (CCHC) nhà nước có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh trọng tâm cải cách gồm: cải cách TTHC, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ Nhân dân với quan điểm xuyên suốt là xây dựng nền hành chính “liêm chính, dân chủ, phục vụ, kiến tạo phát triển”, trong đó người dân và doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm - vừa là đối tượng phục vụ, vừa là chủ thể giám sát hoạt động của bộ máy hành chính. Những định hướng này đã được Chính phủ thể chế hóa tại Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đặt ra mục tiêu chủ yếu: “tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân”, tập trung vào 6 nội dung cải cách gồm: thể chế, TTHC, tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, chế độ công vụ, tài chính công và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số¹²⁵. Thủ tướng Chính phủ đã kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ với thành viên là các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ (nay là Tổ công tác CCHC giúp việc Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo) đã tổ chức 09 phiên họp, ban hành kế hoạch hoạt động hằng năm, chỉ đạo

¹²³ Nghị quyết số: 48/NQ-CP ngày 03/04/2023, 37/NQ-CP ngày 27/02/2025, các Nghị định số: 42/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024, 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025, các Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 16/6/2022, 1117/QĐ-TTg ngày 07/10/2024, Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 24/11/2021

¹²⁴ GRDP 28 tỉnh ven biển duy trì mức đóng góp ổn định 49-51% cả nước, kinh tế cảng biển, logistics biển tăng trưởng bình quân trên 15%/năm.

¹²⁵ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021

tổng kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề ra nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030. Các bộ, ngành, địa phương chủ động triển khai kế hoạch CCHC của bộ, ngành, địa phương mình và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; từ năm 2022 đến nay, có 15.432 văn bản chỉ đạo, đơn đốc thực hiện nhiệm vụ CCHC đã được ban hành, trong đó, các bộ, cơ quan ban hành 1.854 văn bản, địa phương ban hành 13.578 văn bản. 02 công cụ quan trọng được triển khai là Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) đã hỗ trợ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đánh giá kết quả, tác động của CCHC toàn diện, khách quan, đa chiều, chuyên nghiệp, khoa học, hiệu quả.

Công tác thi đua, khen thưởng được chú trọng, ngày càng phát huy hiệu quả. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, để phát huy sức mạnh tổng lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KTXH hằng năm và Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị phát động thi đua, phê duyệt Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2022 - 2025”¹²⁶, 08 Quyết định về kế hoạch triển khai các phong trào thi đua, đợt thi đua cao điểm. Các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động được triển khai sâu rộng, thiết thực, hiệu quả, trở thành nòng cốt, định hướng cho các phong trào thi đua trong cả nước, lan tỏa khí thế, động lực toàn xã hội thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KTXH. Chính phủ đã ban hành nghị định quy định chi tiết Luật Thi đua, khen thưởng, 11 nghị định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực này; đồng thời chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất nội dung sửa đổi Luật Thi đua, khen thưởng phù hợp tình hình, tiếp tục hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng. Trên cơ sở quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, công tác thi đua, khen thưởng có nhiều chuyển biến tích cực, bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn, công khai, minh bạch, kịp thời động viên, khích lệ những tổ chức, cá nhân tiêu biểu, có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua và công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc¹²⁷.

b) Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

Nhằm góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển KTXH giai đoạn 2021 - 2025, công tác cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm, chỉ đạo quyết liệt thông qua việc ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP hằng năm, các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ, Nghị quyết chuyên đề về đẩy mạnh cải cách TTHC, đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, cung cấp DVCTT và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người

¹²⁶ Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 16/7/2021, Quyết định số 1526/QĐ-TTg ngày 09/12/2022

¹²⁷ Từ 2021 đến tháng 7/2025, Thủ tướng Chính phủ quyết định khen thưởng cho 501.977 tập thể, cá nhân, trong đó 50.233 tập thể, cá nhân được tặng Cờ Thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng cho 451.744 tập thể, cá nhân với các danh hiệu vinh dự Nhà nước (Anh hùng, Thầy thuốc, Nhà giáo, Nghệ sỹ, Nghệ nhân), Huân, Huy chương các loại...

dân, doanh nghiệp. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 14 Công điện, 04 Chỉ thị, Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm hằng năm¹²⁸, các Chương trình, Đề án và nhiều văn bản chỉ đạo đầy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, tiếp tục đổi mới triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng không phụ thuộc địa giới hành chính; kiện toàn Hội đồng tư vấn cải cách TTHC, thành lập Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ¹²⁹.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và Tổng Bí thư Tô Lâm, Chính phủ đã ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 với mục tiêu bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết; giảm ít nhất 30% thời gian giải quyết của các TTHC, 30% chi phí tuân thủ TTHC, cung cấp DVCTT, thực hiện TTHC phi địa giới hành chính¹³⁰. Cùng với việc ban hành các nghị định về phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia để thể chế hóa đầy đủ các chủ trương về sắp xếp ĐVHC, xây dựng CQĐP 2 cấp và triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất quốc gia, thông suốt, hiệu quả.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự nỗ lực của các bộ, cơ quan, địa phương, từ năm 2021 đến nay, công tác cải cách TTHC đạt nhiều kết quả tích cực. Các bộ, cơ quan, địa phương đã cắt giảm, đơn giản hóa 3.241 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại 275 VBQPPL, cắt giảm, đơn giản hóa 989/1.084 TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư tại 291 VBQPPL (đạt 91%); phân cấp giải quyết 490/699 TTHC tại 101 VBQPPL (đạt 70%); đã rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên nhiều lĩnh vực; hoàn thành công bố, công khai 100% TTHC (976 TTHC) tại 30 nghị định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền. Triển khai Nghị quyết số 66/NQ-CP, các bộ, cơ quan đã chủ động thực hiện cắt giảm 107 TTHC, 118 điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa 765 TTHC; hoàn thành tổng hợp, thống kê TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh¹³¹. Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp, tích hợp hơn 4.700 DVCTT; kết nối thông suốt với

¹²⁸ Các Công điện: số 78/CD-TTg ngày 29/5/2025, 63/CD-TTg ngày 12/5/2025, 56/CD-TTg ngày 04/5/2025, 22/CD-TTg ngày 09/3/2025, 131/CD-TTg ngày 11/12/2024, 644/CD-TTg ngày 13/7/2023, 90/CD-TTg ngày 28/02/2023; Chỉ thị số: 16/CT-TTg ngày 20/5/2024, 27/CT-TTg ngày 27/10/2023, 23/CT-TTg ngày 09/7/2023; Quyết định số: 933/QĐ-TTg ngày 06/8/2023, 104/QĐ-TTg ngày 25/01/2024, 240/QĐ-TTg ngày 04/02/2025.

¹²⁹ Quyết định số: 932/QĐ-TTg ngày 06/8/2023, 1682/QĐ-TTg ngày 26/12/2023, 1417/QĐ-TTg ngày 30/6/2025

¹³⁰ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025

¹³¹ 4.377/6.358 TTHC (chiếm 68,8%) liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; 8.977 điều kiện kinh doanh; 3.086 sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành; 886 tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến thực hiện TTHC sản xuất, kinh doanh; 640 chế độ báo cáo của doanh nghiệp; tổng số chi phí tuân thủ TTHC hằng năm là hơn 120 nghìn tỷ đồng/năm; tổng thời gian giải quyết của 4.377 TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định là: 185 tháng, 26.267 ngày làm việc, 46.010 ngày, 10.544 giờ làm việc, 715 giờ.

34/34 Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình CQĐP 2 cấp¹³²... Tổ Công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ tổ chức 05 phiên họp để quán triệt, phân công, đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp cải cách TTHC; làm việc với các bộ, địa phương, chỉ đạo, tháo gỡ hơn hơn 480 kiến nghị, đề xuất. Trên cơ sở báo cáo của Chính phủ tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội đánh giá cao sự nỗ lực, tích cực, chủ động, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương trong chỉ đạo, điều hành và triển khai hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, Đề án cải cách TTHC và ghi nhận “các kết quả đạt được là rất tích cực, khả quan”¹³³.

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số quốc gia

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số quốc gia tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt thông qua việc ban hành các Chương trình, Chiến lược, Đề án quan trọng¹³⁴; xác định Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) là khâu đột phá của chuyển đổi số quốc gia. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia; Thủ tướng Chính phủ ban hành 13 Chỉ thị để thúc đẩy chuyển đổi số, triển khai Đề án 06¹³⁵. Chính phủ đã ban hành CTHĐ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH-CN, ĐMST & CDS) quốc gia¹³⁶. Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển KH-CN, ĐMST & CDS và Đề án 06; thành lập Ban Chỉ đạo phát triển ngành công nghiệp bán dẫn¹³⁷.

Thể chế về khung pháp lý, tạo điều kiện triển khai các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số ngày càng được hoàn thiện. Các chính sách thúc đẩy sử dụng DVCTT, ứng dụng công nghệ thông tin trong khu vực công được chú trọng, tạo động lực để CCHC gắn với chuyển đổi số¹³⁸. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành văn bản quy định chi tiết về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; chữ ký

¹³² Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 19/8/2025, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến của khối tỉnh đạt 76%; khối bộ đạt 31,8% (theo số liệu của Cổng Dịch vụ công quốc gia).

¹³³ Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội

¹³⁴ Gồm: (i) Phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; (ii) Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (iii) Phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; (iv) An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; (v) Phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050; (vi) Hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

¹³⁵ Gồm các Chỉ thị số: 07/CT-TTg ngày 14/3/2025, 34/CT-TTg ngày 16/09/2024, 32/CT-TTg ngày 04/09/2024, 09/CT-TTg ngày 23/02/2024, 04/CT-TTg ngày 11/02/2024, 28/CT-TTg ngày 27/11/2023, 19/CT-TTg ngày 03/06/2023, 18/CT-TTg ngày 30/05/2023, 05/CT-TTg ngày 23/02/2023, 23/CT-TTg ngày 26/12/2022, 21/CT-TTg ngày 25/11/2022, 18/CT-TTg ngày 13/10/2022, 23/CT-TTg ngày 02/09/2021.

¹³⁶ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025

¹³⁷ Quyết định số: 791/QĐ-TTg ngày 05/8/2024, 929/QĐ-TTg ngày 15/5/2025

¹³⁸ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025, Nghị quyết số 1343/NQ-UBTVQH15 ngày 31/12/2024, Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025

số, dịch vụ chứng thực chữ ký số; chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy, thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động thương mại điện tử, tài chính số và các mô hình kinh doanh số khác¹³⁹. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp công nghệ số chiến lược được phát triển, ứng dụng mạnh mẽ, Đôn đốc các tập đoàn, doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số hàng đầu của đất nước xây dựng và triển khai kế hoạch hành động làm chủ các công nghệ số chiến lược, góp phần nâng cao năng lực tự chủ về công nghệ của quốc gia¹⁴⁰. Giai đoạn từ năm 2021 đến nay đã ghi nhận những bước tiến lớn trong công tác chuyển đổi số và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số. Thị trường viễn thông phát triển lành mạnh¹⁴¹; các khu công nghệ cao, công nghệ cao sinh học được thành lập, thu hút sự quan tâm từ nhiều tập đoàn, công ty lớn có uy tín đầu tư dự án thực hiện các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, phát triển sản phẩm công nghệ cao¹⁴². Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ 71 trong tổng số 193 quốc gia xếp loại về Chính phủ điện tử, tăng 15 bậc so với năm 2020¹⁴³. Sự phát triển và những đóng góp ngày càng quan trọng của công nghiệp công nghệ số đã chứng minh là một trong những động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế¹⁴⁴.

Công tác quản trị, điều hành hoạt động của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục được duy trì, đẩy mạnh triển khai trên môi trường số¹⁴⁵. Đề án 06 được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, đột phá lớn trong tiến trình xây

¹³⁹ Các Nghị định số: 137/2024/NĐ-CP, 48/2024/NĐ-CP, 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025.

¹⁴⁰ Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử xếp hạng từ vị trí 86 (2020) lên vị trí 71 (2024) và được xếp vào nhóm phát triển “Rất cao”; hồ sơ dịch vụ công toàn trình tăng 9 lần so với năm 2019. *Về dữ liệu số*: Đã xây dựng 10 cơ sở dữ liệu quốc gia, 430 cơ sở dữ liệu bộ ngành, hơn 2.500 cơ sở dữ liệu địa phương. Xếp hạng về DVCTT của Việt Nam theo đánh giá của Liên Hợp Quốc công bố gần nhất (năm 2024) đứng thứ 75, tăng 6 hạng so với năm 2020. Đến ngày 26/8/2025, theo số liệu trên Cổng DVCQG: Tỷ lệ TTHC được cung cấp DVCTT tại địa phương đạt trung bình là 89% (Hà Nội, Gia Lai đạt cao nhất - trên 99%, Lai Châu thấp nhất - 28,9%), tại bộ, ngành đạt trung bình là 29,8% (Bộ Khoa học và Công nghệ đạt cao nhất - 59,3%). Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện toàn trình được cung cấp DVCTT toàn trình tại địa phương là 73,6%, tại bộ, ngành là 42,5%. Tỷ lệ DVCTT toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến là 43,3%. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại địa phương là 66,5%, tại bộ, ngành là 80,6%.

¹⁴¹ Chỉ số Hạ tầng viễn thông (TII) năm 2024 đạt 0.8780 điểm, xếp thứ 67/193 quốc gia, vùng lãnh thổ, tăng 07 bậc so với năm 2022 (Liên Hợp Quốc xếp vào nhóm các nước có mức độ phát triển “Rất cao”). Chỉ số Phát triển Công nghệ Thông tin - Truyền thông (IDI) tăng 6 bậc, lên vị trí 72 thế giới. Tốc độ Internet di động đạt 136,21Mbps (download)/32,84 Mbps (upload), xếp thứ 27 thế giới; tốc độ Internet cố định đạt 176,68 Mbps (download)/151,86 Mbps (upload), xếp thứ 33 thế giới.

¹⁴² Gồm các Khu CNC: Hòa Lạc (1.586 ha), TP. Hồ Chí Minh (913 ha), Đà Nẵng (1.128 ha), Công nghệ sinh học Đồng Nai (207,8 ha), Sinh học Hà Nội (199,03ha), Hà Nam (663,19 ha).

¹⁴³ Theo Báo cáo khảo sát Chính phủ điện tử năm 2024 (EGDI) của Liên hợp quốc.

¹⁴⁴ Đến hết năm 2024, doanh thu lĩnh vực công nghiệp công nghệ số ước đạt 158 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 132,3 tỷ USD, tổng số lao động khoảng 1,8 triệu người, toàn ngành có khoảng 74 nghìn doanh nghiệp. Công nghiệp phần cứng, điện tử trở thành ngành có kim ngạch xuất khẩu cao nhất, quy mô xuất khẩu tương đương khoảng 30% GDP (trung bình hằng năm từ 2019 - 2023); đứng thứ 2 thế giới về xuất khẩu điện thoại di động; trở thành một trong 05 quốc gia sản xuất và cung cấp thiết bị thương mại 5G. Việt Nam xếp vị trí thứ 7 Chỉ số vị trí Dịch vụ toàn cầu. Giá trị Việt Nam trong tổng doanh thu công nghiệp CNS tăng từ 21,35% năm 2019 lên 31,8% vào năm 2024.

¹⁴⁵ Hệ thống Ecabinet đã phục vụ 120 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 3.005 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế khoảng 997.308 hồ sơ, tài liệu giấy; Trục liên thông văn bản quốc gia có 50.5 triệu văn bản gửi, nhận qua hệ thống.

dựng Chính phủ số, công dân số và xã hội số tại Việt Nam, là nền tảng quan trọng để thực hiện thành công chiến lược chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Qua gần 4 năm triển khai, Đề án 06 đã góp phần tạo bước chuyển căn bản trong CCHC, xây dựng nền hành chính phục vụ, công khai, minh bạch và lấy người dân làm trung tâm¹⁴⁶. Xác định chuyển đổi số là cuộc cách mạng toàn dân, toàn diện, Thủ tướng Chính phủ đã phát động phong trào *Bình dân học vụ số và Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số* nhằm huy động nhiều nguồn lực xã hội, nâng cao nhận thức, phổ cập tri thức công nghệ và kỹ năng số để người dân có thể tiếp cận, làm chủ công nghệ một cách hiệu quả.

8. Phát triển các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ; thông tin, truyền thông; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, bảo đảm an sinh, tiến bộ, công bằng xã hội

a) Thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, tạo đột phá về bao phủ vắc xin, kịp thời chuyển trạng thái sang thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19

Bước vào đầu nhiệm kỳ (năm 2021), đại dịch COVID-19 bùng phát ở nhiều địa phương, trên cơ sở bám sát chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo, công tác phòng, chống dịch COVID-19 thường xuyên, liên tục chỉ đạo, ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, công điện yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương, nhất là các lực lượng tuyến đầu, thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo phương châm “chống dịch như chống giặc” với mục tiêu ưu tiên cao nhất nhanh chóng kiểm soát dịch COVID-19, đặt sức khỏe, tính mạng của người dân lên trên hết, trước hết. Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng, Ban Chỉ đạo Quốc gia tổ chức họp định kỳ thường xuyên với các bộ, ngành, địa phương; vào những thời điểm cấp thiết, Thủ tướng Chính phủ họp giao ban trực tuyến đến cấp cơ sở, xã, phường. Lãnh đạo Chính phủ trực tiếp kiểm tra, đôn đốc phòng, chống dịch tại một số địa phương là điểm “nóng”, “tâm dịch”. Thủ tướng Chính phủ thành lập Tổ công tác đặc biệt của Chính phủ tại TP. Hồ Chí Minh để xử lý, giải quyết ngay những nhiệm vụ, vấn đề cấp bách, phát sinh trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố khu vực phía Nam.

Trên cơ sở chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các địa phương đã thiết lập khu cách ly, bệnh viện dã chiến, đẩy mạnh xét nghiệm, điều trị và đảm bảo oxy y tế trong giai đoạn cao điểm. Chính phủ ban hành nhiều chính sách để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước cùng với nguồn ngân sách nhà nước, đáp ứng yêu cầu cấp bách phòng, chống dịch, đẩy nhanh tiến độ mua vắc-xin, thuốc, hóa chất, vật tư, trang thiết bị, phương tiện phục vụ phòng, chống dịch COVID-19¹⁴⁷; Thủ tướng

¹⁴⁶ Đến nay, CSDL quốc gia về dân cư đã kết nối, chia sẻ với 15 bộ, cơ quan, 34 địa phương, 04 DNNN; gần 64 triệu tài khoản định danh điện tử đã được kích hoạt, cung cấp 56/74 dịch vụ công thiết yếu, cấp 100% căn cước công dân gắn chip...

¹⁴⁷ Nghị quyết số: 53/NQ-CP ngày 26/5/2021, 79/NQ-CP ngày 22/7/2021.

Chính phủ thành lập Quỹ vắc-xin phòng COVID-19¹⁴⁸. Đồng thời, đẩy mạnh chiến lược ngoại giao vắc-xin, tiếp cận các nguồn cung vắc-xin COVID-19 nhanh nhất, sớm nhất, nhiều nhất. Việc tiếp cận, đàm phán, mua sắm, tiếp nhận và phân bổ vắc-xin được triển khai minh bạch, công bằng; giúp Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có tỷ lệ bao phủ vắc-xin cao hàng đầu thế giới, giảm nhanh ca bệnh nặng và tử vong.

Khi tình hình dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát, thực hiện Kết luận của Trung ương, Chính phủ đã kịp thời ban hành, triển khai Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021, bảo đảm hài hòa giữa phòng, chống dịch và phục hồi, phát triển KTXH. Hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng được củng cố, đầu tư mạnh mẽ hơn sau đại dịch. Chính phủ tăng cường hợp tác quốc tế, chia sẻ kinh nghiệm và đóng góp tích cực cho nỗ lực chống dịch toàn cầu. Công tác nghiên cứu, sản xuất vắc-xin trong nước được thúc đẩy, nâng cao năng lực tự chủ quốc gia về y tế dự phòng. Bài học kinh nghiệm quan trọng từ công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 là cần xây dựng hệ thống y tế vững mạnh, dự phòng tốt và nâng cao năng lực ứng phó tình huống y tế công cộng. Việt Nam được cộng đồng quốc tế ghi nhận là điểm sáng trong ứng phó và kiểm soát dịch bệnh; một trong những dấu ấn nổi bật trong nhiệm kỳ 2021 - 2026 của Chính phủ.

b) Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; phòng, chống dịch bệnh; bảo đảm thuốc, vắc-xin, vật tư, trang thiết bị y tế

Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc, bảo đảm sức khỏe Nhân dân luôn là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo sát sao. Với mục tiêu nâng cao hơn nữa chất lượng công tác khám, chữa bệnh, kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, bảo đảm thuốc, vắc-xin, vật tư, trang thiết bị y tế, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý, ban hành các văn bản cụ thể hóa các chủ trương, định hướng phát triển ngành y tế trung và dài hạn. Đã trình Quốc hội thông qua Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Dược và Luật Dược (sửa đổi), Luật Bảo hiểm y tế; tiếp tục hoàn thiện các dự án Luật Phòng bệnh, Luật Dân số, Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi), Luật Thiết bị y tế, Luật Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác (sửa đổi). Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới; Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến 2050¹⁴⁹... Trong nhiệm kỳ, các chỉ tiêu chủ yếu lĩnh vực y tế đều đạt và vượt kế hoạch¹⁵⁰;

¹⁴⁸ Quyết định số 779/QĐ-TTg ngày 26/5/2021

¹⁴⁹ Quyết định số: 201/QĐ-TTg ngày 27/02/2024, 281/QĐ-TTg ngày 05/4/2024, 1576/QĐ-TTg ngày 16/12/2024

¹⁵⁰ Theo Báo cáo giám sát toàn cầu về thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân do WHO và WB thực hiện năm 2023, chỉ số bao phủ dịch vụ y tế thiết yếu của Việt Nam đạt 68/100 điểm (tăng 31 điểm so với năm 2000), bằng với trung bình toàn cầu (68 điểm) và cao hơn so mức trung bình của khu vực Đông Nam Á (62 điểm). Xu hướng cải thiện các chỉ số sức khỏe cơ bản của Việt Nam được đánh giá khá bền vững, ngay cả trong giai đoạn chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19. Số bác sĩ/vận dân

các chỉ số sức khỏe của Việt Nam cải thiện rõ rệt qua các năm, nhiều chỉ số vượt trội so với nhiều quốc gia tương đồng.

Nhằm thể chế hóa quan điểm của Đảng về công chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo hoàn thiện, trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu y tế dự phòng, y tế cơ sở bảo đảm đáp ứng yêu cầu nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người Việt Nam; phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng; bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe; xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập theo phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh; y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng; trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035.

Hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh không ngừng được củng cố và phát triển¹⁵¹. Chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh ở tất cả các tuyến chuyên môn kỹ thuật được nâng cao. Mạng lưới bệnh viện vệ tinh được mở rộng, giảm tải cho tuyến trung ương; hình thành, phát triển hệ thống khám, chữa bệnh từ xa, kết nối bệnh viện tuyến trên với hơn 1.500 cơ sở khám, chữa bệnh trên toàn quốc; đã ứng dụng và làm chủ được những kỹ thuật cao trong lĩnh vực y khoa¹⁵², nhiều chuyên ngành, lĩnh vực do bác sĩ Việt Nam chuyển giao kỹ thuật. Đội ngũ nhân lực y tế ngày càng được tăng cường về số lượng và chất lượng; hệ thống đào tạo nhân lực y tế phát triển mạnh mẽ cả công lập và ngoài công lập, mở rộng các chuyên ngành đào tạo. Chất lượng nhân lực y tế tuyến dưới, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được chú trọng nâng cao thông qua dự án Thí điểm đưa Bác sĩ trẻ tình nguyện về công tác tại vùng khó khăn¹⁵³. Các tỉnh, thành phố đã triển khai Sổ sức khỏe điện tử, tiếp tục triển khai Bệnh án điện tử để bảo đảm hoàn thành trên toàn quốc trước ngày 30/9/2025; nhiều bệnh viện ứng dụng AI và hỗ trợ điều trị từ xa, thực hiện thanh toán dịch vụ y tế không dùng tiền mặt. Tỷ lệ người dân hài lòng với dịch vụ y tế ngày càng được cải thiện qua các năm.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được thực hiện hiệu quả; y tế dự phòng gắn với y tế cơ sở tiếp tục được tăng cường. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc triển khai Kế hoạch phòng, chống bệnh truyền nhiễm trên phạm vi cả nước và tại các khu vực. Năng lực giám sát, phát hiện,

năm 2024 là 14 (chỉ tiêu giai đoạn là 10 bác sĩ); số giường bệnh/vạn dân năm 2024 đạt 34 (chỉ tiêu giai đoạn là 30 giường bệnh); tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế năm 2024 đạt 94,29% (chỉ tiêu giai đoạn là 95%).

¹⁵¹ Số lượng bệnh viện tăng lên từ 1.162 bệnh viện năm 2011 lên 1.665 bệnh viện năm 2024, trong đó có 384 bệnh viện ngoài công lập.

¹⁵² Như ghép tạng, ghép đa tạng trên một người bệnh, can thiệp tim bào thai, các kỹ thuật can thiệp tim mạch; thụ tinh trong ống nghiệm; ghép tế bào gốc; kỹ thuật mổ cột sống có sử dụng Robot; kỹ thuật cấy tim nhân tạo; sử dụng tế bào gốc tạo máu tự thân trong điều trị ung thư...

¹⁵³ Từ năm 2021 đến nay, đã tiếp nhận, đào tạo 449 bác sĩ chuyên khoa cấp I cho 143 huyện khó khăn, biên giới, hải đảo; bàn giao 150 bác sĩ công tác tại 85 huyện khó khăn, biên giới thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung bộ, đồng bằng sông Cửu Long

chẩn đoán và ứng phó giải quyết dịch bệnh, đảm bảo an ninh y tế được nâng cao; ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh nguy hiểm lây lan trong cộng đồng. Công tác tiêm chủng mở rộng tiếp tục được triển khai hiệu quả tại 100% xã, phường trong cả nước trên cơ sở các chỉ đạo của Chính phủ về việc bố trí NSTW để đảm bảo kinh phí¹⁵⁴; thực hiện tiêm chủng miễn phí cho trẻ em và phụ nữ có thai với 12 loại vắc xin, tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ luôn đạt ở mức cao (trên 90%), từng bước đưa vắc xin mới vào Chương trình tiêm chủng mở rộng. Mạng lưới y tế cơ sở được đầu tư về cơ sở vật chất, nhân lực đã phát huy vai trò quan trọng trong triển khai các hoạt động y tế dự phòng và phòng, chống dịch¹⁵⁵. Tiềm năng, thế mạnh của y dược cổ truyền được phát huy; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại¹⁵⁶; hình thành một số vùng trồng dược liệu lớn trên cả nước¹⁵⁷.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong công tác mua sắm, đấu thầu, thanh quyết toán bảo hiểm y tế, cấp phép lưu hành thuốc, thiết bị, vật tư y tế¹⁵⁸, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; tăng cường kiểm soát giá thuốc; phòng, chống thuốc giả, mỹ phẩm giả. Theo đó, công tác quản lý thuốc được đẩy mạnh từ khâu cấp giấy đăng lý lưu hành, quản lý giá thuốc đến kiểm tra giám sát chất lượng thuốc¹⁵⁹. Thủ tục cấp giấy đăng ký lưu hành cho thuốc mới, thuốc công nghệ cao, vắc xin, thuốc hiếm, biệt dược gốc, sinh phẩm tương tự đầu tiên sản xuất trong nước được rút ngắn; quy mô thị trường dược phẩm ngày càng tăng¹⁶⁰. Tỷ lệ sử dụng thuốc sản xuất trong nước tại các cơ sở y tế tăng đều qua các năm cả về số lượng và giá trị sử dụng¹⁶¹. Đấu thầu thuốc tập trung cấp quốc gia và địa phương được đẩy mạnh; nhiều thiết bị công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới đã được cấp phép lưu hành tại các cơ sở y tế. Chính phủ đã phê duyệt cơ chế, giải pháp xử lý dứt điểm khó khăn, vướng mắc tại Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Bệnh viện Bạch Mai và Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

¹⁵⁴ Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 10/7/2023, Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024

¹⁵⁵ 100% trạm y tế xã tiêm chủng mở rộng, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm. Mở rộng quản lý và điều trị HIV/AIDS tại cộng đồng, kiểm soát tỷ lệ nhiễm HIV tại cộng đồng duy trì dưới mức 0,3%; quản lý bệnh không lây nhiễm tại 90,3% trạm y tế xã, phường, tỷ lệ phụ nữ được khám thai theo quy định đạt 80%, tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh tăng lên 80,1%, 80-85% các trường đã tổ chức quản lý, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh.

¹⁵⁶ Cả nước có 65 bệnh viện y học cổ truyền công lập tuyến trung ương và tuyến tỉnh; 69% các bệnh viện hiện đại thành lập khoa y dược cổ truyền; 78,2% trạm y tế xã khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền.

¹⁵⁷ Lạng Sơn phát triển hồi (30.000ha) tại các Văn Quan, Văn Lãng, Bắc Sơn, Bình Gia; Quảng Ninh phát triển ba kích (120ha) tại Hoành Bồ, Ba Chẽ, Hồi (2850 ha) tại Bình Liêu, Hải Hà; Năm Linh Chi (115ha) tại các Đông Triều, Hoành Bồ, Ba Chẽ; tỉnh Thái Bình trồng Ngưu tất (90ha), Hòe (20ha) tại Hưng Hà, ngoài ra còn phát triển bồ công anh, nghệ vàng, sachi; Yên Bái khai thác tự nhiên các loại sơn tra (3.500ha); nuôi trồng 1.500ha sơn tra, quế (56.522ha), thảo quả (1.740ha), đinh lăng (46ha)...

¹⁵⁸ Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ

¹⁵⁹ Năm 2024, Bộ Y tế thực hiện cấp, gia hạn cho 13.504 thuốc theo quy định của Luật Dược năm 2016, bằng tổng số lượng thuốc đã được cấp, gia hạn trong 05 năm gần đây.

¹⁶⁰ Số cơ sở sản xuất thuốc trong nước đến năm 2024 là 240 nhà máy; sản xuất đáp ứng trên 70% nhu cầu thị trường về số lượng và chiếm tỷ lệ 47% về giá trị, tăng trưởng sản xuất thuốc trong nước đạt 12-15% hàng năm. Số nhà máy được đầu tư hiện đại, đáp ứng các nguyên tắc tiêu chuẩn cao là 21 nhà máy, trong đó 17 nhà máy đáp ứng GMP-EU và tương đương, 04 nhà máy đáp ứng PIC/s-GMP.

¹⁶¹ Giá trị sử dụng thuốc tăng từ 15,6 - 18,9% (từ năm 2016) tăng lên đến gần 30% năm 2024.

và chỉ đạo khẩn trương hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2025¹⁶². Thủ tướng Chính phủ thường xuyên chỉ đạo các địa phương chủ động triển khai giám sát các mối nguy ô nhiễm thực phẩm, bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng, chống ngộ độc thực phẩm, đặc biệt trong dịp cao điểm như Tết Nguyên đán, mùa hè, Trung thu...; tăng cường thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm¹⁶³.

Mạng lưới dịch vụ dân số được mở rộng, chất lượng nâng cao, chú trọng đến các nhóm đặc thù¹⁶⁴. Chất lượng dân số được cải thiện về nhiều mặt¹⁶⁵. Cơ cấu dân số có sự chuyển dịch tích cực hơn gắn với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và yêu cầu phát triển KTXH, quốc phòng, an ninh. Trên cơ sở bám sát các chủ trương của Đảng, Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh số 07/2025/UBTVQH15 về sửa đổi, bổ sung Điều 10 của Pháp lệnh Dân số nhằm khắc phục tình trạng chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng, tránh để mức sinh giảm quá thấp, không đạt mức sinh thay thế, tránh gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trong tương lai; đồng thời, tập trung hoàn thiện dự thảo Luật Dân số, trình Quốc hội thông qua; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 15/8/2024 tăng cường thực hiện công tác dân số trong tình hình mới¹⁶⁶.

c) Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ

Về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo. Chính phủ luôn xác định giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt quá trình phát triển của đất nước. Với tinh thần đổi mới mạnh mẽ về tư duy, nhận thức và hành động, thực sự coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, Chính phủ đã ban hành CTHĐ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế¹⁶⁷. Tập trung chỉ đạo hoàn thiện, trình Quốc hội thông qua Luật Nhà giáo, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, Luật

¹⁶² Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 13/02/2025.

¹⁶³ Giai đoạn 2021 - 2024, trung bình mỗi năm toàn ngành y tế kiểm tra 346.787 cơ sở, phát hiện 31.799 cơ sở vi phạm, xử lý 9.036 cơ sở vi phạm với số tiền phạt hơn 44,6 tỷ đồng.

¹⁶⁴ Người khuyết tật, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số.

¹⁶⁵ Tuổi thọ trung bình tăng lên qua các năm, đạt 74,7 tuổi năm 2024. So với các nước trong ASEAN, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam chỉ đứng sau Singapore (83 tuổi), Brunei (78 tuổi) và Thái Lan (76 tuổi). Dân số trung bình của Việt Nam năm 2024 là 101,1 triệu người, đứng thứ 3 Đông Nam Á, thứ 8 châu Á và thứ 16 trên thế giới, mỗi năm tăng thêm bình quân 850 nghìn người.

¹⁶⁶ Từ năm 2022 đến nay, mức sinh đã giảm dưới mức sinh thay thế, giảm từ 2,11 con/phụ nữ năm 2021 xuống mức 1,91 con/phụ nữ năm 2024.

¹⁶⁷ Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ

Giáo dục đại học (sửa đổi), Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) nhằm thực hiện mục tiêu tăng cường nguồn lực, quyết tâm phát triển giáo dục toàn diện, công bằng và hội nhập. Đồng thời, xây dựng, trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá và phát triển giáo dục và đào tạo với định hướng hiện đại hóa, phát triển bứt phá về quy mô, chất lượng và hiệu quả, khẳng định đầu tư cho phát triển giáo dục là đầu tư phát triển bền vững.

Nhằm cụ thể hóa các giải pháp bảo đảm mục tiêu xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân công bằng, hiện đại, tiên tiến ngang tầm khu vực, tạo bước chuyển mạnh mẽ về chất lượng, mở rộng cơ hội học tập và đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển đất nước, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiều chiến lược, quy hoạch, đề án với tầm nhìn lâu dài mang tính định hướng, như: Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, Đề án Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo, Đề án Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao¹⁶⁸...

Đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách thể hiện vai trò điều hành chủ động, linh hoạt, quyết liệt, toàn diện của Chính phủ giải quyết các vấn đề căn cơ và các vấn đề phát sinh từ thực tiễn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nổi bật như: thích ứng an toàn, linh hoạt với đại dịch COVID-19 và phục hồi hoạt động dạy học; thí điểm Chương trình giáo dục mầm non mới; đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và công tác thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh đại học, cao đẳng sư phạm, giáo dục nghề nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển lĩnh vực mới nổi, quan trọng như đường sắt tốc độ cao, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, điện toán đám mây, AI, bán dẫn; đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; phụ cấp ưu đãi cho nhà giáo; tự chủ đại học; hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số, sinh viên sư phạm; quy định về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, cơ sở vật chất đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông...

Bên cạnh đó, Chính phủ đã chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong việc lựa chọn sách giáo khoa, cải tiến kỳ thi quốc gia, điều chỉnh chính sách nhân sự... Các chỉ đạo, điều hành mang tính chiến lược dài hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, từng bước khắc phục khoảng cách chất lượng giáo dục giữa các vùng miền, tình trạng thiếu giáo viên, thiếu cơ sở vật chất, thiếu thiết bị dạy học, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa; tình trạng học lệch, học thêm, áp lực thi cử..., tạo cơ

¹⁶⁸ Các Quyết định số: 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024, 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021, 452/QĐ-TTg ngày 27/02/2025, 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023, 403/QĐ-TTg ngày 25/02/2025, 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022, 1600/QĐ-TTg ngày 19/12/2024, 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ

sở cho sự chuyên biến tích cực và những kết quả quan trọng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo từ năm 2021 đến nay¹⁶⁹. Hiệu quả và tính công bằng của hệ thống giáo dục của Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá cao khi đạt được thành tích vượt trội so với mức độ phát triển kinh tế¹⁷⁰.

Chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên ngày càng được chú trọng. Công tác phổ cập và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non tiếp tục được quan tâm, nhất là sự chuẩn bị tốt hơn cho liên thông mầm non với tiểu học so với giai đoạn trước¹⁷¹. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được triển khai hiệu quả; hoàn thành chu trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa ở tất cả các cấp học trên phạm vi cả nước. Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết giám sát chuyên đề thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Giáo dục STEM trong chương trình giáo dục phổ thông được tích cực đẩy mạnh nhằm xây dựng nền tảng cho nguồn nhân lực chất lượng cao có tư duy khoa học và năng lực sáng tạo. Hệ thống chương trình giáo dục thường xuyên tiếp tục được xây dựng, ban hành¹⁷²; các khóa học tại trung tâm học tập cộng đồng đã tăng cơ hội học tập cho nhiều đối tượng. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục tập trung chỉ đạo xây dựng các mô hình học tập, xã hội học tập, học tập suốt đời; Đề án đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; triển khai dạy học 2 buổi/ngày; khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm. Mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được củng cố, mở rộng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của người dân; các địa phương rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục có quy mô nhỏ theo hướng thành lập trường liên cấp, liên xã. Chính phủ đã

¹⁶⁹ Cơ bản đạt và vượt các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 - 2025 tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28,88% vào năm 2025 (tăng 5,18% so với năm 2020); tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ năm 2025 ước đạt 34,6% (tăng 6,4% so với năm 2020) và trẻ mẫu giáo ước đạt 93,6% (tăng 1,2% so với năm 2020). Công tác xóa mù chữ, kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở các mức độ đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, tỷ lệ người biết chữ ước đạt 99,2% (tăng 4,2% so với năm 2020). Về cơ sở vật chất, tỷ lệ kiên cố hóa trường học từ mầm non đến trung học phổ thông ước đạt 95% năm 2025, vượt mục tiêu 80% giai đoạn 2021-2025. Chỉ số Chất lượng đào tạo nghề của Việt Nam trong bộ chỉ số GCI có bước nhảy vọt, năm 2023 đạt vị trí thứ 27, vượt xa mục tiêu tăng 40-50 bậc. So với giai đoạn 2016 - 2021, đây là sự cải thiện vị trí rõ rệt và vượt bậc, cho thấy chất lượng đào tạo nghề đã tiệm cận, bắt kịp với trình độ của các nước phát triển.

¹⁷⁰ Theo kết quả Chương trình Đánh giá học sinh quốc tế (PISA) chu kỳ 2022 do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) công bố, học sinh Việt Nam có năng lực ở cả ba lĩnh vực Toán, Đọc và Khoa học đều vượt mức trung bình của các nước, xếp hạng cao trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là các tỷ lệ như học sinh có hoàn cảnh khó khăn đạt thành tích cao trong môn Toán, học sinh cảm thấy mình thuộc về trường học, học sinh dễ dàng kết bạn.

¹⁷¹ Năm học 2023 - 2024, tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đã tăng 8,1%, tỷ lệ huy động trẻ mầm non tăng 5,2%, tỷ lệ giáo viên/lớp tăng 0,03 giáo viên/lớp so với năm học 2020 - 2021. Tỷ lệ trẻ em nhà trẻ được học 2 buổi/ngày đạt 99,5%; trẻ em nhà trẻ được tổ chức ăn bán trú đạt 97,8%; trẻ mẫu giáo được học 2 buổi/ngày đạt 99,2%, trẻ mẫu giáo được tổ chức ăn bán trú đạt 94,9%. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm ở hầu hết các độ tuổi, cụ thể: suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở nhà trẻ là 1,0% và mẫu giáo là 1,3%; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở nhà trẻ là 1,6% và mẫu giáo là 1,8%; tỷ lệ thừa cân, béo phì ở trẻ nhà trẻ là 1,1% và trẻ mẫu giáo là 2,9%.

¹⁷² Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Chương trình xóa mù chữ, Chương trình đáp ứng yêu cầu người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ, các chương trình nâng cao năng lực nghề nghiệp.

trình Quốc hội thông qua Nghị quyết về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị quyết về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi, bảo đảm cơ hội được tiếp cận giáo dục bình đẳng và công bằng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục được đẩy mạnh. Số lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo được kiểm định tăng cao so với giai đoạn 2016 - 2021¹⁷³. Việc đổi mới hình thức và phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo được thực hiện ở tất cả các cấp học theo hướng phối hợp đánh giá quá trình với đánh giá tổng kết, tự đánh giá với đánh giá của nhà trường, gia đình và của xã hội. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông giai đoạn 2021 - 2025 cơ bản được giữ ổn định theo hướng đánh giá kết quả học tập của người học, lấy kết quả thi để xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông; các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp có thể sử dụng kết quả để tuyển sinh, giúp tiết kiệm nguồn lực xã hội, đánh giá đúng năng lực của thí sinh, minh bạch hơn về nguồn và chất lượng nguồn tuyển. Kết quả thi học sinh giỏi quốc gia phản ánh khách quan chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi của địa phương, tác động đến phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của các trường phổ thông, nhất là trường trung học phổ thông chuyên. Từ năm 2021 đến nay, các đoàn học sinh tham dự Hội thi Khoa học kỹ thuật quốc tế và Olympic quốc tế và khu vực đạt nhiều thành tích nổi trội, tiếp tục khẳng định vị thế và năng lực hội nhập quốc tế của giáo dục Việt Nam¹⁷⁴.

Cơ chế, chính sách cho người dạy, người học và cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn tiếp tục được hoàn thiện¹⁷⁵; chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi được nâng cao, gia tăng học sinh vùng dân tộc, miền núi đến trường, giảm đáng kể tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng và nâng tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông cao hơn trước. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, xóa mù chữ được duy trì, đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018¹⁷⁶. Chính phủ đã ban hành các chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ bán trú ở vùng khó khăn và học sinh, học viên bán trú; tích cực chỉ đạo triển khai chủ trương của Bộ Chính trị tại

¹⁷³ Về giáo dục mầm non: có 40.684 cơ sở hoàn thành tự đánh giá (đạt 98%); 24.899 cơ sở hoàn thành đánh giá ngoài (đạt 60%). Về giáo dục nghề nghiệp: hầu hết các cơ sở đã hoàn thành tự đánh giá; 134 cơ sở và 211 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đạt chất lượng kiểm định; một số trường chất lượng cao hoàn thành việc đánh giá ngoài và được công nhận chất lượng theo tiêu chuẩn nước ngoài. Về giáo dục đại học: có 197 cơ sở giáo dục đại học, 11 trường cao đẳng sư phạm được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn trong nước, 12 cơ sở giáo dục đại học được đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài; 2.451 chương trình đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn trong nước và 670 chương trình đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn nước ngoài.

¹⁷⁴ Tính đến tháng 5/2025, đoàn Việt Nam đạt 49 Huy chương Vàng, 57 Huy chương Bạc, 45 Huy chương Đồng và 12 Bằng khen với tỉ lệ 100% số học sinh tham gia dự thi đạt giải.

¹⁷⁵ Nghị định số: 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025, 96/2025/NĐ-CP ngày 29/4/2025

¹⁷⁶ 100% các tỉnh, thành phố duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1.

Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 về xây dựng trường học cho các xã biên giới¹⁷⁷. Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú tiếp tục được củng cố, phát triển. Công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số ngày càng được chú trọng, tập trung vào các ngành nghề phù hợp với nhu cầu thị trường. Công tác giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật được quan tâm hơn, đảm bảo quyền lợi của trẻ khuyết tật và mục tiêu công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục.

Công tác xã hội và tư vấn tâm lý trong trường học được triển khai đồng bộ, hình thành mạng lưới hỗ trợ học sinh. Cảnh quan, môi trường giáo dục từng bước được cải thiện, an toàn, thân thiện, dân chủ, kỷ cương, tạo sự chuyển biến trong xây dựng văn hóa học đường. Công tác phòng, chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội, tội phạm và vi phạm pháp luật được chú trọng lồng ghép với giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng tự bảo vệ. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thông qua các phong trào thi đua. Công tác giáo dục thể chất, thể thao trường học được tăng cường; chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh và ý thức, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của học sinh, sinh viên được nâng lên¹⁷⁸.

Các hoạt động quản lý, dạy và học, tuyển sinh, kết nối thị trường lao động được tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, tạo điểm nhấn nổi bật và khác biệt so với các giai đoạn trước¹⁷⁹. Chương trình Sóng và máy tính cho em được Thủ tướng Chính phủ phát động đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội với hơn 01 triệu máy tính bảng được cam kết hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, góp phần giải quyết bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, đặc biệt là trước những tác động chưa từng có của đại dịch COVID-19. Việc đổi mới phương pháp dạy học đã được thực hiện ở 100% cơ sở giáo dục, được điều chỉnh theo hướng đa dạng, phù hợp với năng lực của học sinh, phương tiện dạy học, xây dựng bài giảng điện tử, ứng dụng trên nền tảng công nghệ, khai thác tư liệu trực tuyến mang lại hiệu quả thiết thực. Đã hoàn thành thí điểm Học bạ số bậc tiểu học tại tất cả các địa phương, tiếp tục mở rộng triển khai thí điểm đối với bậc giáo dục phổ thông và dự kiến triển khai chính thức trong năm học 2025 - 2026. Chính phủ đã ban hành chính sách hỗ trợ tiền học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, nhằm giảm gánh nặng tài chính, khuyến khích, thu hút nhân lực ngành giáo dục đào tạo¹⁸⁰. Các đề án, chương trình đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được triển

¹⁷⁷ Các Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025, 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025

¹⁷⁸ Giai đoạn 2021 - 2025, số lượng trung tâm giáo dục quốc phòng, an ninh tăng thêm 08 so với giai đoạn 2016 - 2021, nâng tổng số 45 trung tâm, 87 cơ sở giáo dục đại học tự chủ dạy môn học. Trung bình mỗi năm có trên 18 triệu học sinh phổ thông, hơn 02 triệu sinh viên được trang bị kiến thức quốc phòng, an ninh, 100% học sinh, sinh viên được học nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh theo quy định.

¹⁷⁹ 97,43% cơ sở giáo dục phổ thông áp dụng hệ thống quản trị số và 96% học sinh, nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ định danh. Tỷ lệ đăng ký trực tuyến đối với các thủ tục trọng yếu như đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển đại học đạt trên 93% và thanh toán trực tuyến thành công trên 96% từ năm 2022, sử dụng dữ liệu dân cư thay thế giấy xác nhận truyền thống. Thủ tục công nhận văn bằng nước ngoài cũng đã được cung cấp DVCTT toàn trình từ cuối năm 2024.

¹⁸⁰ Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ..

khai hiệu quả, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới¹⁸¹. Công tác chuẩn hóa và phát triển đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được chú trọng, nhất là đối với các ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, khu vực, quốc tế¹⁸². Hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo đã được mở rộng với hơn 100 quốc gia, vùng lãnh thổ và nhiều tổ chức quốc tế uy tín¹⁸³.

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm, chú trọng. Chính phủ đã ban hành CTHĐ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới với các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể¹⁸⁴. Bên cạnh đó, các chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng người có tài năng, chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học trong nước và quốc tế tiếp tục được hoàn thiện với nhiều cơ chế thuận lợi về điều kiện làm việc, chế độ bồi dưỡng, đãi ngộ trong khu vực công và khu vực tư¹⁸⁵. Chất lượng giáo dục đại học ngày càng được nâng cao, các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam được xếp hạng cao trên các bảng xếp hạng uy tín quốc tế¹⁸⁶. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập được rà soát và sắp xếp lại. Việt Nam đã có những bước thăng hạng trên các bảng xếp hạng quốc tế về chất lượng đào tạo nghề, cho thấy năng lực đã tiệm cận, bắt kịp với trình độ của các nước phát triển¹⁸⁷.

Việc gắn kết giữa cơ sở giáo dục, đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động được đẩy mạnh; nhiều hình thức hợp tác được triển khai như đào tạo theo hợp đồng, thí điểm hội đồng kỹ năng ngành... Hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trong giáo dục nghề nghiệp và đại học được chú trọng¹⁸⁸, nâng cao tỉ lệ sinh viên

¹⁸¹ Các địa phương đã tuyển dụng được hơn 62.000 giáo viên. Tính đến hết kỳ I năm học 2024 - 2025, cấp học mầm non, phổ thông cả nước có 1.260.306 giáo viên; tỷ lệ giáo viên mầm non đạt chuẩn trình độ đào tạo là 98,3% (tăng 10,6% so với năm học trước). Hoàn thành các chuyên đề bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tỷ lệ giảng viên đại học có trình độ tiến sĩ đạt 34,4%, học hàm phó giáo sư và giáo sư lần lượt là 6,15 % và 0,79%.

¹⁸² Có 24.371 lượt nhà giáo được bồi dưỡng ở trong nước, 780 nhà giáo được bồi dưỡng ở nước ngoài.

¹⁸³ Giai đoạn 2021 - 2025, đã ký kết, triển khai hiệu quả 63 Điều ước, Thỏa thuận quốc tế với 39 quốc gia, vùng lãnh thổ. Hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và các nước mang lại hàng nghìn học bổng Hiệp định hằng năm với số lượng chỉ tiêu học bổng từ 3 đến 1.000 chỉ tiêu. Giai đoạn 2021 - 2024, Chính phủ đã cử 2.400 du học sinh học tại 15 nước theo Hiệp định/Thỏa thuận hợp tác, bao gồm 372 Tiến sĩ, 568 Thạc sĩ.

¹⁸⁴ Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ

¹⁸⁵ Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số: 1127/QĐ-TTg ngày 27/7/2021, 2204/QĐ-TTg ngày 12/12/2022

¹⁸⁶ Năm 2024, 06 cơ sở giáo dục đại học trong Bảng xếp hạng các Đại học tốt nhất thế giới của Quacquarelli Symonds (QS); 17 cơ sở giáo dục đại học trong Bảng xếp hạng hàng đầu châu Á của QS, trong đó, 4 cơ sở giáo dục đại học nằm trong top 200; 09 cơ sở giáo dục đại học trong bảng xếp hạng đại học tốt nhất thế giới của Tổ chức Times Higher Education (THE), trong đó có 04 cơ sở giáo dục đại học nằm trong top 1.000; 13 cơ sở giáo dục đại học trong Bảng xếp hạng tầm ảnh hưởng của THE.

¹⁸⁷ Đoàn tham dự 02 kỳ thi kỹ năng nghề thế giới năm 2022 đạt 02 huy chương bạc, năm 2024 đoạt 01 huy chương đồng, 03 chứng chỉ kỹ năng nghề xuất sắc

¹⁸⁸ Đưa nội dung khởi nghiệp vào giảng dạy, xây dựng không gian chung, tổ chức các cuộc thi; 100 % đại học, cao đẳng, trung cấp và các Sở GDĐT đã ban hành kế hoạch triển khai hoạt động khởi nghiệp sáng tạo; 100/250 cơ sở giáo dục đại học thành lập Trung tâm hỗ trợ HSSV khởi nghiệp.

tốt nghiệp khởi nghiệp (cao nhất đạt 8%, gấp 4 lần so với năm 2014). Quá trình chuyển giao khoa học công nghệ của các nhóm nghiên cứu mạnh trong các cơ sở giáo dục đại học đã thu hút đầu tư của các doanh nghiệp cho phát triển các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu trong trường đại học, đặc biệt đối với các trường đại học thuộc khối kỹ thuật¹⁸⁹. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành và chỉ đạo triển khai đồng bộ nhiều đề án quan trọng nhằm phát triển nhân lực cho các ngành công nghệ cao với các cơ chế, chính sách nổi bật hỗ trợ tài chính, thu hút trí thức, đầu tư hạ tầng đào tạo và nghiên cứu, hợp tác quốc tế; thể hiện cách tiếp cận toàn diện và chiến lược, nỗ lực mạnh mẽ nhằm giải quyết bài toán nguồn nhân lực chất lượng cao trong kỷ nguyên số¹⁹⁰; quy mô đào tạo các ngành STEM trong giáo dục đại học tăng đáng kể.

Về thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ. Xác định phát triển HHCN, ĐMST là “yêu cầu sống còn” để phát triển nhanh, bền vững và hội nhập thành công, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dành nhiều thời gian, tập trung chỉ đạo triển khai mạnh mẽ, đồng bộ công tác này. Chính phủ đã kịp thời ban hành CTHĐ với các giải pháp đồng bộ, quyết liệt, các nhiệm vụ được lượng hóa, thúc đẩy mạnh mẽ ĐMST, ứng dụng khoa học, công nghệ từ trung ương đến địa phương để triển khai Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển KHCN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST & CDS) quốc gia, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển KHCN, ĐMST & CDS quốc gia¹⁹¹.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tập trung chỉ đạo xây dựng, trình Quốc hội thông qua Luật KHCN & ĐMST, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi), Luật Công nghiệp công nghệ số; chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện, trình Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Chuyển đổi số để kịp thời đáp ứng những yêu cầu cấp bách từ thực tiễn. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển KHCN, ĐMST đến năm 2030 với quyết tâm thúc đẩy KHCN, ĐMST phát triển vững chắc, thực sự trở thành động

¹⁸⁹ Các phòng thí nghiệm do Toshiba, Samsung tài trợ tại Trường Đại học Công nghệ và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội; thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp Nhật Bản lên đến 7 triệu USD cho phát triển phòng thí nghiệm phát triển năng lượng sạch sản xuất Biodiegen...

¹⁹⁰ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số: 374/QĐ-TTg ngày 19/02/2025 phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0 đến năm 2030; 1017/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 phê duyệt Chương trình Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050; 1002/QĐ-TTg ngày 24/5/2025 phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng tới năm 2045.

¹⁹¹ Các Nghị quyết số: 71/NQ-CP ngày 01/4/2025, 03/NQ-CP ngày 09/01/2025; Quyết định số 709/QĐ-TTg ngày 23/7/2024.

lực tăng trưởng, đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao¹⁹²...

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, cơ chế thu hút các nguồn lực, tập đoàn công nghệ, chuyên gia đầu ngành trong nước và quốc tế, phục vụ phát triển KH&CN, ĐMST quốc gia. Chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ blockchain đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 mở ra không gian phát triển mới cho công nghiệp công nghệ số¹⁹³. Xác lập định hướng rõ về việc chuyển từ một quốc gia chủ yếu sử dụng công nghệ lõi sang làm chủ các công nghệ chiến lược có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế và an ninh quốc gia, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược của Việt Nam để thiết lập căn cứ xây dựng các chính sách quan trọng, cấp thiết đối với công nghệ chiến lược¹⁹⁴. Công tác quản lý nhà nước về năng lượng nguyên tử (NLNT), an toàn bức xạ và hạt nhân tại Việt Nam tiếp tục được triển khai đồng bộ, phục vụ phát triển KTXH. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư điện hạt nhân Ninh Thuận tại Kỳ họp thứ 8; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển, ứng dụng NLNT thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; hoạt động nghiên cứu, ứng dụng NLNT phục vụ phát triển KTXH bước đầu đạt được kết quả tích cực¹⁹⁵.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo thường xuyên, liên tục công tác xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển KH&CN, hỗ trợ phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, phát triển doanh nghiệp, tổ chức KH&CN, hệ thống ĐMST quốc gia¹⁹⁶. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển mạnh mẽ, tạo ra một thể hệ doanh nghiệp mới kinh doanh dựa trên tài sản trí tuệ và đủ năng lực tiếp cận thị trường toàn cầu¹⁹⁷. Năm 2025, thứ hạng của Việt Nam trong bảng xếp

¹⁹² Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ

¹⁹³ Các Quyết định số: 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024, 1236/QĐ-TTg ngày 22/10/2024

¹⁹⁴ Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ

¹⁹⁵ Chẩn đoán, khám, chữa bệnh sử dụng các trang thiết bị, kỹ thuật chẩn đoán và điều trị hiện đại bằng y học hạt nhân; sản xuất được 45 ca thuốc với 24.225 mCi thuốc Vinatom FDG (tăng gấp hai lần so với cùng kỳ năm 2024); tăng năng suất sản xuất thuốc phóng xạ, chọn tạo giống cây trồng đột biến trong nông nghiệp, ứng dụng công nghệ hạt nhân trong các lĩnh vực công nghiệp, tài nguyên và môi trường, chế biến đất hiếm. Đầu tư, ứng dụng các trang thiết bị bức xạ soi chiếu an ninh - hải quan (máy gia tốc soi container tại một số sân bay, cảng biển, cửa khẩu) giúp đẩy mạnh thông quan, kiểm soát an ninh, xuất nhập khẩu hàng hóa.

¹⁹⁶ Cả nước có hơn 800 tổ chức trung gian của thị trường KH&CN, gồm 22 sàn giao dịch công nghệ, 63 trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, trung tâm thông tin KH&CN; 06 khu công nghệ cao; 08 công viên phần mềm; 186 tổ chức cung cấp dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; 01 tổ chức giám định sở hữu công nghiệp; 274 doanh nghiệp thẩm định giá, 69 cơ sở ươm tạo công nghệ; 28 tổ chức thúc đẩy kinh doanh; 196 không gian làm việc chung, 50 trung tâm chuyển giao công nghệ thuộc các viện nghiên cứu, trường đại học và các loại hình tổ chức khác; 01 sàn giao dịch công nghệ vùng Duyên hải Bắc Bộ. Thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, Trung tâm Đổi mới sáng tạo về Internet vạn vật, một số cơ sở ươm tạo doanh nghiệp...

¹⁹⁷ Đến nay, hệ sinh thái KNST Việt Nam có khoảng gần 4.000 doanh nghiệp trải rộng trên nhiều lĩnh vực; hơn 300 tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, hơn 208 quỹ đầu tư trong nước và quốc tế

hạng chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu xếp thứ 55 thế giới (tăng 04 bậc so với năm 2020), duy trì vị trí thứ 5 tại khu vực Đông Nam Á¹⁹⁸. Theo Báo cáo Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu, Việt Nam là quốc gia có những tiến bộ vượt bậc liên tục về đổi mới sáng tạo trong nhiều năm qua. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2024 của Việt Nam xếp thứ 44/133 quốc gia và nền kinh tế, tăng 2 bậc so với năm 2023. Trong 14 năm qua, Việt Nam luôn có kết quả đổi mới sáng tạo cao hơn so với mức độ phát triển, cho thấy hiệu quả trong việc chuyển các nguồn lực đầu vào thành kết quả đầu ra đổi mới sáng tạo. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập¹⁹⁹; số lượng các doanh nghiệp KH&CN được cấp Giấy chứng nhận tăng mạnh trong thời gian gần đây. Hoạt động của các sàn giao dịch công nghệ đi vào chiều sâu, số lượng và quy mô giao dịch tăng lên; ứng dụng KHCN, ĐMST & CDS đã diễn ra mạnh mẽ, đồng bộ tại các bộ, cơ quan, đạt nhiều kết quả trên các lĩnh vực²⁰⁰.

d) Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa; phát triển công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa, thể dục, thể thao

Từ năm 2021 đến nay, công tác chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đạt nhiều kết quả quan trọng; chuyển biến trong nhận thức, tư duy từ “làm văn hóa” sang “quản lý nhà nước về văn hóa”. Nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã đạt nhiều kết quả tích cực. Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035; chỉ đạo quyết liệt việc hoàn thiện, trình Bộ Chính trị phê duyệt Đề án quốc tế hóa văn hóa đậm đà bản sắc Việt Nam và dân tộc hóa văn hóa quốc tế, Nghị quyết về chấn hưng và phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới với mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, là sức mạnh nội sinh cho phát triển bền vững đất nước; lan tỏa văn hóa Việt Nam ra thế giới và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xây dựng và triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045, Chương trình tổng thể về phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2023 - 2025, Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, các chiến lược bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, phát triển công nghiệp văn hóa theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày

¹⁹⁸ Theo báo cáo “Chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu năm 2025” do StartupBlink công bố, TP. Hồ Chí Minh lần đầu tiên lọt vào top 5 hệ sinh thái khởi nghiệp Đông Nam Á, giữ vị trí 110 toàn cầu - cao nhất từ trước đến nay; Hà Nội tăng 9 bậc, xếp thứ 148, Đà Nẵng tăng 130 bậc, xếp thứ 766.

¹⁹⁹ Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13/3/2024

²⁰⁰ *Lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp*: làm chủ thiết kế, chế tạo thành công dây chuyền khai thác chế biến than, xử lý chất thải rắn, máy biến áp công suất lớn; tạo ra nhiều giống cây trồng mới năng suất cao, kháng bệnh và chống chịu với điều kiện không thuận lợi; *Lĩnh vực y - dược*: sản xuất nhiều loại vắc xin, làm chủ các kỹ thuật tiên tiến, công nghệ y học hiện đại như: ghép tạng tim, gan, thận, phổi, tụy - thận (đa tạng), thụ tinh nhân tạo, ứng dụng tế bào gốc, kỹ thuật sinh học phân tử...; *Lĩnh vực tài chính - ngân hàng*: phát triển dịch vụ, sản phẩm mới (chatbot, phân tích dữ liệu, chống gian lận), xác thực sinh trắc học bằng vân tay, khuôn mặt, blockchain, phát triển hệ thống cửa khẩu số...; *Lĩnh vực an ninh - quốc phòng*: làm chủ các hệ thống kỹ thuật nghiệp vụ phòng, chống tội phạm, nâng cao hiệu quả khai thác, làm chủ vũ khí, trang bị kỹ thuật mới, tạo ra nhiều sản phẩm đáp ứng yêu cầu tác chiến mới; *Lĩnh vực giáo dục*: triển khai sâu rộng phần mềm quản lý trường học, học bạ điện tử, học trực tuyến...

09/6/2024 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững²⁰¹. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy, hình thành các sản phẩm văn hóa, du lịch hấp dẫn²⁰². Các hoạt động phát triển không gian sáng tạo, số hóa di sản, triển lãm, tổ chức trại sáng tác, giao lưu mỹ thuật, nhiếp ảnh đã giúp lưu giữ giá trị văn hóa lâu dài. Trong chuỗi các hoạt động, kỷ niệm chào mừng 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 02/9, Triển lãm 80 năm hành trình Độc lập - Tự do - Hạnh phúc tại Trung tâm Triển lãm Quốc gia với quy mô lớn nhất từ trước đến nay được tổ chức thành công, thu hút sự quan tâm đặc biệt với hơn 5 triệu lượt khách tham quan trong thời gian ngắn; nhiều chương trình nghệ thuật đặc biệt kết hợp các giá trị truyền thống và hiện đại đã góp phần lan tỏa mạnh mẽ tình yêu nước, niềm tự hào dân tộc.

Thủ tướng Chính phủ tích cực chỉ đạo triển khai các giải pháp phát triển các ngành công nghiệp văn hóa bảo đảm khai thác tối đa, hiệu quả tiềm năng, lợi thế, đóng góp tích cực cho tăng trưởng, phát triển KTXH; yêu cầu văn hóa đáp ứng được các yếu tố: sáng tạo, bản sắc, độc đáo, chuyên nghiệp, lành mạnh, cạnh tranh, bền vững trên nền tảng dân tộc, khoa học, đại chúng²⁰³. Đồng thời, phê duyệt Quy hoạch, Chiến lược phát triển thể dục, thể thao tầm nhìn đến năm 2045, tập trung đầu tư hạ tầng thông tin, trung tâm huấn luyện, nâng tầm thể thao đỉnh cao. Chú trọng tới đầu tư phát triển các môn thể thao Olympic, thể thao thành tích cao tiếp tục đạt được nhiều kết quả nổi bật, tiến bộ hơn so với thời gian trước, thành tích thi đấu của các môn thể thao trọng điểm, có thế mạnh tại các kỳ Đại hội thể thao và các giải thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới đã có sự khởi sắc rõ rệt²⁰⁴. Cuộc vận động Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, phong trào thể thao quần chúng được thúc đẩy; các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian được khôi phục.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các giải pháp đồng bộ và tích cực chỉ đạo triển khai các chương trình kích cầu, phát triển sản phẩm du lịch mới,

²⁰¹ Quyết định số: 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021, 515/QĐ-TTg ngày 15/5/2023, 991/QĐ-TTg ngày 20/09/2024

²⁰² Thủ tướng Chính phủ xếp hạng 25 di tích quốc gia đặc biệt (trong tổng số 143 di tích), 111 di tích quốc gia (trong tổng số 3.662 di tích), đưa 358 di sản văn hoá phi vật thể vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Hệ thống bảo tàng Việt Nam hiện có 207 bảo tàng lưu giữ, phát huy giá trị trên 4 triệu hiện vật, 112 bảo vật quốc gia/327 hiện vật, nhóm hiện vật là bảo vật quốc gia được công nhận.

²⁰³ Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 29/8/2024. Giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đóng góp ước bình quân đạt 1,059 triệu tỷ đồng (44 tỷ USD). Bình quân 5 năm tốc độ tăng trưởng về số lượng các cơ sở kinh tế hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa ước đạt 7,2%/năm. Lực lượng lao động thuộc các ngành công nghiệp văn hóa bình quân 5 năm tăng 7,4%.

²⁰⁴ Một số vận động viên các môn thể thao Olympic: bắn súng, thể dục dụng cụ, bơi lội, cử tạ, cầu lông... đạt trình độ hàng đầu châu Á và thế giới. Bóng đá tiếp tục đạt nhiều thành tích, lần đầu tiên đội tuyển Futsal nữ giành chức vô địch Đông Nam Á năm 2024. Việt Nam đăng cai tổ chức thành công SEA Games 31 năm 2022 trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp; giành HCV bóng đá nam lần đầu sau 60 năm. SEA Games 32 năm 2023, Việt Nam dẫn đầu đoàn thể thao nước ngoài với kết quả xuất sắc (lần thứ 2 liên tiếp đội tuyển bóng đá nam giành huy chương vàng). Năm 2023, lần đầu tiên Đội tuyển bóng đá nữ dự World Cup. Bóng chuyền nữ đoạt huy chương thế giới năm 2024 và tiếp tục vô địch châu Á. Phong trào thể dục thể thao người khuyết tật giành được nhiều thành tích cao.

nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng hệ sinh thái liên ngành để phục hồi và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững, hiệu quả... Một số đề án, chính sách nổi bật thúc đẩy phát triển du lịch được thực thi như: du lịch nông thôn, du lịch thông minh, miễn thị thực cho một số nước²⁰⁵... Các hoạt động quảng bá hình ảnh đất nước thông qua sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch quy mô quốc tế được đẩy mạnh. Việt Nam đã cải thiện tích cực năng lực cạnh tranh phát triển du lịch; khách du lịch quốc tế đến Việt Nam qua các năm tăng mạnh so với giai đoạn trước, góp phần hiện thực hóa mục tiêu du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp vào sự phát triển KTXH đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị²⁰⁶.

đ) Công tác bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

Trong nhiệm kỳ, chính sách an sinh xã hội luôn được các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện kịp thời, hiệu quả; hệ thống an sinh xã hội ngày càng tiến bộ, đảm bảo tốt hơn quyền lợi của Nhân dân và tiếp tục là trụ cột vững chắc cho ổn định chính trị, an toàn xã hội và phát triển bền vững đất nước. Chính phủ đã ban hành CTHĐ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới với các nhiệm vụ, giải pháp toàn diện, bao trùm; trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm xã hội và chỉ đạo kịp thời ban hành các văn bản quy định chi tiết. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành, chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sỹ trên tinh thần xây dựng cộng đồng “hiếu nghĩa - tri ân”, lan tỏa đạo lý tốt đẹp trong xã hội; ban hành Kế hoạch tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ và xác định danh tính hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin đến năm 2030 và những năm tiếp theo; hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ²⁰⁷.

Chính phủ cơ bản đã hoàn thành 8/8 chỉ tiêu chủ yếu thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội tại Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025²⁰⁸. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời

²⁰⁵ Nghị quyết số: 82/NQ-CP ngày 18/5/2023, 11/NQ-CP ngày 15/01/2025; các Quyết định số: 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022, 509/QĐ TTg ngày 13/6/2024, 382/QĐ-TTg ngày 21/02/2025, Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/02/2024

²⁰⁶ Giai đoạn 2021 - 2024, ngành du lịch đón 33,7 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 359,5 triệu lượt khách nội địa; tổng thu đạt 2.193 nghìn tỷ đồng. Năm 2025, mục tiêu đón ít nhất 25 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 150 triệu lượt khách nội địa, tổng thu khoảng 980 - 1.050 nghìn tỷ đồng. Việt Nam tiếp tục được vinh danh tại Giải thưởng Du lịch Thế giới ở các hạng mục: Điểm đến hàng đầu châu Á, Điểm đến di sản, điểm đến thiên nhiên hàng đầu châu Á.

²⁰⁷ Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 14/9/2021, 21/2024/QĐ-TTg. Đến hết tháng 8/2025, cả nước đã hỗ trợ 39.981 căn nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sỹ.

²⁰⁸ Tỷ lệ đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đạt 100%. Tỷ lệ người dân bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, thiếu đói được trợ giúp đột xuất kịp thời, không người dân nào bị đói đạt 100%. Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời, Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời: khoảng 91%. Tỷ lệ người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy: 99,7%, kế hoạch 76% (đạt 131,2%). Tỷ lệ nạn nhân bị mua bán có nhu cầu được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật (đạt 100%).

kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050²⁰⁹; công tác quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội tiếp tục được kiện toàn²¹⁰. Các chính sách, chương trình, đề án trợ giúp xã hội, công tác trợ giúp khẩn cấp được các bộ, cơ quan, địa phương triển khai kịp thời, hiệu quả. Đẩy mạnh triển khai công tác phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. Phát triển đội ngũ những người làm công tác xã hội chuyên nghiệp trợ giúp, chăm sóc người yếu thế, dễ bị tổn thương trên địa bàn. Tỷ lệ, mức độ bao phủ, phạm vi dịch vụ, mức chi trả BHYT ngày càng mở rộng²¹¹. Các chính sách BHXH, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ, kịp thời, minh bạch, đúng đối tượng. Quyền và lợi ích trong thụ hưởng chính sách BHXH gia tăng, nhất là việc giảm điều kiện thời gian đóng BHXH, mở rộng cơ hội an sinh cho người lao động. Với tinh thần chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ và sự chung tay giúp đỡ của người dân, doanh nghiệp; các bộ, cơ quan, địa phương đã tích cực đẩy mạnh triển khai và hoàn thành cơ bản mục tiêu Phong trào thi đua xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025 chỉ trong vòng 20 tháng và về đích sớm 05 năm 04 tháng so với mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thể hiện sâu sắc “ý Đảng, lòng dân”, “tình dân tộc, nghĩa đồng bào” của Nhân dân ta²¹².

Công tác dân tộc được chỉ đạo thực hiện với các chính sách đầu tư hạ tầng, giáo dục, y tế, sinh kế, nhà ở, nước sạch, bảo tồn văn hóa dân tộc, lồng ghép cùng các chính sách an sinh đã góp phần quan trọng vào xóa đói giảm nghèo, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các vùng miền, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030²¹³; kịp thời ban hành và triển khai hiệu quả các chính sách tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Chính phủ quyết định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội²¹⁴; đến nay, cả nước đã hoàn thành 35.631/100.000 căn (đạt 35,63%); khởi công 26 dự án với quy mô 23.561 căn²¹⁵. Công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, chăm sóc bà

²⁰⁹ Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 16/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ

²¹⁰ Cả nước đã thành lập được 425 cơ sở trợ giúp xã hội (195 cơ sở công lập, 230 cơ sở ngoài công lập) đáp ứng nhu cầu trợ giúp xã hội cho 30% đối tượng. Mạng lưới các cơ sở bảo trợ xã hội đã tiếp nhận, nuôi dưỡng và chăm sóc nhiều nhóm đối tượng, trong đó, người lớn và trẻ em khuyết tật, người tâm thần là 46,5%, trẻ em mồ côi và bị bỏ rơi là 19,3%, người già cô đơn là 10,3%, trẻ em và người lớn nhiễm HIV/AIDS là 1,4%.

²¹¹ Năm 2024, 94,29% dân số (hơn 95,5 triệu người) tham gia BHYT. Việt Nam được đánh giá là một trong số ít nước trên thế giới có danh mục thuốc toàn diện và mở rộng so với mức phí đóng BHYT (1.037 hoạt chất, thuốc hóa dược, sinh phẩm, 229 thuốc đông y, thuốc từ dược liệu, 349 vị thuốc cổ truyền). Quỹ BHYT bao phủ thanh toán gần 20.000 chế phẩm thuốc thương mại trên thị trường.

²¹² Chúng ta đã cơ bản hoàn thành trước thời hạn 5 năm 4 tháng mục tiêu của Trung ương khóa XIII về xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước với việc xây dựng mới và sửa chữa 334.234 căn nhà.

²¹³ Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023

²¹⁴ Nghị quyết số 155/NQ-CP ngày 01/6/2025

²¹⁵ Từ 2021 đến nay, cả nước có 692 dự án nhà ở xã hội được triển khai với quy mô 633.559 căn, trong đó: 142 dự án hoàn thành với 93.793 căn; 139 dự án đã khởi công xây dựng với 125.714 căn; 411 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư với 414.052 căn.

mẹ và trẻ em, bình đẳng giới được chú trọng và đạt nhiều kết quả tích cực²¹⁶. Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, xác định rõ mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể nhằm tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo cơ hội cho cả phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong mọi lĩnh vực. Các mô hình thúc đẩy bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới từng bước phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng. Công tác quản lý nhà nước về thanh niên giai đoạn 2021 - 2026 đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần phát huy tiềm năng to lớn của thế hệ trẻ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển thị trường lao động; tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động; hình thành thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại, bền vững và hội nhập²¹⁷. Chỉ đạo thực hiện cải cách tiền lương theo lộ trình phù hợp, từng bước, thận trọng, chắc chắn, hiệu quả; thực hiện đầy đủ các cải cách chính sách tiền lương khu vực doanh nghiệp, 4/6 nội dung cải cách chính sách tiền lương khu vực công; điều chỉnh mức lương cơ sở tăng 30% - mức cao nhất từ trước tới nay, bổ sung Quỹ tiền thưởng hằng năm bằng 10% tổng mức lương cơ bản của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị; điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội²¹⁸.

e) Đẩy mạnh thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận của xã hội

Xác định công tác thông tin, truyền thông là nhiệm vụ quan trọng đối với việc tăng cường niềm tin của Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội trong thực hiện

²¹⁶ Cả nước hiện có gần 17 triệu người cao tuổi; trong đó, hơn 2,5 triệu người cao tuổi đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng; 1,2 triệu người cao tuổi hưởng trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng; khoảng 2 triệu người hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; khoảng 10 nghìn người đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội; 95% người cao tuổi có thẻ BHYT, 32% người cao tuổi được lập hồ sơ quản lý theo dõi sức khỏe ban đầu; 100% người cao tuổi khi tham gia giao thông công cộng được miễn giảm giá vé.

- Các chỉ tiêu về giảm tử vong trẻ em dưới 5 tuổi và dưới 1 tuổi đều vượt mức kế hoạch. Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi giảm còn 16,9% vào năm 2024 (năm 2025 ước giảm còn 16,6%); tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 01 tuổi giảm còn 11,3% vào năm 2024 (năm 2025 ước giảm còn 11,0%); tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng/tuổi) giảm còn 10,4% vào năm 2024; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi (chiều cao/tuổi) giảm còn 18,1% vào năm 2024 (năm 2025 ước giảm còn 17%); tổ chức chiến dịch bổ sung vitamin A và tẩy giun cho trẻ em trên toàn quốc; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 01 tuổi đạt trên 90%.

- Trên 80% số phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ thai nghén. Tỷ lệ đẻ tại cơ sở y tế đạt mức bao phủ phổ cập và có đến 96% cuộc đẻ có nhân viên y tế đã được đào tạo đỡ. Các hoạt động chăm sóc trong tuần đầu sau sinh cũng bao phủ được hơn 70% số bà mẹ và trẻ sơ sinh.

- Đến hết năm 2024, tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em đạt 65% (năm 2021 là 55%, mục tiêu đến năm 2025 là 65%); tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng dân số trẻ em giảm từ 6,9% năm 2021 xuống còn 3,1% năm 2024 (mục tiêu đến năm 2025 là 5%)

²¹⁷ Đến hết năm 2024, cả nước có 51,87 triệu người có việc làm, tăng 2,8 triệu người so với năm 2021; trong đó, khu vực thành thị là 19,9 triệu người (38,37%), nông thôn là 31,97 triệu người (61,63 %). Giai đoạn 2021 - 2024, tốc độ tăng trưởng việc làm bình quân tăng 1,9%/năm, khoảng hơn 930 người mỗi năm. Năm 2024, cả nước có khoảng 1,057 triệu người trong độ tuổi lao động thất nghiệp, chiếm tỷ lệ 2,24%, giảm 0,96% so với năm 2021 (3,2%). Số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,84 triệu người. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,84%, giảm 1,26% so với năm 2021 (3,1%).

²¹⁸ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024

các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác truyền thông, đặc biệt là truyền thông chính sách²¹⁹. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 hướng đến việc chuyển đổi toàn diện hoạt động báo chí sang môi trường số nhằm nâng cao vai trò, vị thế và sức cạnh tranh của báo chí Việt Nam trong kỷ nguyên số.

Trên cơ sở các kết quả chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, công tác truyền thông ngày càng chuyển biến rõ nét, có độ bao phủ rộng khắp, phản ánh được những vấn đề mang tầm quốc gia, ghi nhận ý kiến đề xuất về các giải pháp mang tính liên vùng và kinh nghiệm tham chiếu của các nước; bảo đảm chính xác, kịp thời, sinh động, hấp dẫn, có chiều sâu; nâng cao năng lực tiếp cận, phát huy hiệu quả vai trò định hướng, dẫn dắt thông tin. Báo chí và các phương tiện truyền thông được xác định là kênh thông tin chủ lực để phổ biến chính sách, tạo sự đồng thuận xã hội và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách. Các tuyến thông tin trọng điểm được tổ chức bài bản, hệ thống. Dịch vụ truyền hình đối ngoại quốc gia được chỉ đạo triển khai nhằm tích cực lan tỏa thông tin chính thống của Việt Nam ra cộng đồng quốc tế²²⁰. Hoạt động truyền thông được đẩy mạnh trên cả ba phương diện: nội dung, hình thức và nền tảng công nghệ.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tập trung chỉ đạo tăng cường công tác thông tin, truyền thông, nhất là thông tin, truyền thông về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trên các lĩnh vực. Tuyên truyền đậm nét về các sự kiện lớn của đất nước, các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước như: các chuyến thăm cấp cao của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước ra nước ngoài; tiếp đón các nguyên thủ, lãnh đạo cấp cao, tổ chức quốc tế đến Việt Nam; các hội nghị, diễn đàn quốc tế tổ chức tại Việt Nam... Truyền thông chính sách trở thành điểm nhấn nổi bật trong nhiệm kỳ, khẳng định vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự thay đổi mạnh mẽ về nhận thức và hành vi của người dân trong việc tuân thủ pháp luật.

Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương ngày càng chủ động, linh hoạt trong thực hiện công tác truyền thông, quan tâm tình hình thông tin về ngành, lĩnh vực quản lý; cung cấp thông tin chính thức, nhất là trước một số vấn đề báo chí, dư luận xã hội đang quan tâm, đặt vấn đề. Sự minh bạch và chủ động cung cấp thông tin đã góp phần củng cố niềm tin, sự đồng thuận của nhân dân. Công tác đấu tranh ngăn chặn hiệu quả thông tin xấu, độc được thực hiện thường xuyên, liên tục với hiệu quả ngày càng được nâng cao; xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng quyền tự do ngôn luận, vi phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, tăng cường xử lý về quảng cáo sai sự thật trên không gian mạng.

²¹⁹ Các Chỉ thị số: 07/CT-TTg ngày 21/3/2023, 12/CT-TTg ngày 12/5/2021, 09/CT-TTg ngày 31/3/2021, Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

²²⁰ Quyết định số 747/QĐ-TTg ngày 11/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ

9. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Trước bối cảnh biến đổi khí hậu trở thành thách thức toàn cầu, tác động ngày càng mạnh mẽ đến các mục tiêu phát triển bền vững, an ninh lương thực và sức khỏe con người; cạnh tranh địa chính trị xung quanh các nguồn tài nguyên chiến lược như đất hiếm, dầu khí, tài nguyên nước trên thế giới trở nên gay gắt hơn; kinh tế thế giới đang dần chuyển sang kinh tế xanh, năng lượng tái tạo, trong đó năng lượng mặt trời và gió chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu năng lượng toàn cầu, hơn 150 quốc gia tham gia cam kết phát thải ròng bằng 0 vào giữa thế kỷ; thỏa thuận tại COP26, COP27, COP28 thúc đẩy tài chính khí hậu và bảo vệ rừng; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tập trung chỉ đạo, hoàn thiện hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên để trở thành thành nguồn lực quan trọng cho phát triển đất nước.

Đã trình Quốc hội khóa XV thông qua Luật Đất đai; lập và trình Quốc hội phê duyệt quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, ban hành CTHĐ thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia với nhiều nội dung mới, mang tính đột phá, tạo cơ sở pháp lý giải quyết cơ bản vướng mắc trong quản lý, sử dụng tài nguyên đất đai²²¹; báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội kết quả thực hiện Nghị quyết về: chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên của Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất là đất khác. Đồng thời, ban hành 10 Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai ngay sau khi Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024²²²; phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia cho các tỉnh, thành phố Trung ương; đề xuất điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) cấp quốc gia và điều chỉnh phân bổ một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; đo đạc, chỉnh lý lập bản đồ địa chính khi sắp xếp ĐVHC các cấp; bổ sung, hoàn thiện chế tài xử lý vi phạm, phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực đất đai.

Chính sách, hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên nước được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện kịp thời, đạt những kết quả quan trọng²²³; Chính phủ đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025; triển khai Đề án đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050²²⁴; ban hành, điều chỉnh, bổ sung 11 quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông lớn để tài nguyên nước từng bước được điều hòa, phân phối hợp lý, phát huy vai trò quan trọng của tài nguyên

²²¹ Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 05/09/2022 của Chính phủ

²²² Sớm hơn 5 tháng so với hiệu lực ban đầu Quốc hội thông qua

²²³ Đã trình cấp thẩm quyền ban hành và ban hành 23 văn bản, gồm: 01 Luật Tài nguyên nước 2023, 01 Kết luận của Bộ Chính trị; 05 Nghị định quy định chi tiết các nội dung cụ thể Luật Tài nguyên nước

²²⁴ Các Quyết định số: 432/QĐ-TTg ngày 24/3/2021, 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của TTg

nước cho khai thác, sử dụng công bằng; bước đầu hình thành cơ chế, chính sách để triển khai, khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước; tuân theo quy hoạch tổng hợp lưu vực sông, đáp ứng nhu cầu phát triển KTXH.

Công tác điều tra cơ bản, quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên môi trường được chú trọng²²⁵, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 93 khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia thuộc 10 loại khoáng sản; quy định cụ thể về tọa độ, diện tích, tài nguyên, thời gian của các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Đây là cơ sở quan trọng để các địa phương quản lý, triển khai các dự án phát triển KTXH trong thời gian dự trữ, phát huy tối đa nguồn lực, nhất là đất đai trong khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia. Công tác khoanh định, công bố khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ để làm cơ sở pháp lý cho việc cấp phép hoạt động khoáng sản đã đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về khoáng sản, giải quyết việc làm cho một bộ phận người lao động.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050²²⁶; phê duyệt Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030²²⁷. Các ngành kinh tế biển đóng góp quan trọng trong tổng thể nền kinh tế, thu nhập bình quân/người các địa phương ven biển đạt khoảng 97 triệu đồng, cao hơn bình quân cả nước. Kinh tế biển, đảo chuyển biến căn bản, hình thành tuyến phòng thủ vững chắc bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia đối với các vùng biển, các đảo, quần đảo của Việt Nam.

Công tác phòng, chống thiên tai được đặc biệt quan tâm, Chính phủ đã ban hành quy định: hướng dẫn Luật Phòng chống thiên tai, quỹ phòng chống thiên tai; chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật²²⁸; hoàn thiện bộ máy tổ chức, khuôn khổ pháp lý và các chính sách ưu tiên nâng cao năng lực phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Thủ tướng Chính phủ ban hành: Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025²²⁹; Đề án bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030. Qua đó đã chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, lấy phòng ngừa làm chính; theo dõi chặt chẽ diễn biến lũ, bão, công trình và kịp thời xử lý các sự cố xảy ra đảm bảo an toàn hệ thống đê điều, nhất là các tuyến đê từ cấp III đến cấp đặc biệt. Nhờ vậy, mặc dù thiên tai trong những năm gần đây diễn ra phức tạp và bất thường hơn nhưng thiệt hại về người và tài sản đã giảm đáng kể so với giai đoạn trước²³⁰.

²²⁵ Đã hoàn thành lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 cho 70% diện tích phần đất liền lãnh thổ Việt Nam và ở tỷ lệ 1:500.000 đối với khoảng 40% tổng diện tích vùng biển Việt Nam

²²⁶ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ

²²⁷ Quyết định số 28/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ

²²⁸ Nghị định số: 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021, 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021, 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025

²²⁹ Quyết định số: 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021, 342/QĐ-TTg ngày 15/3/2022

²³⁰ Năm 2021 - 2022, thiên tai diễn biến phức tạp, cực đoan trái quy luật đã làm 283 người chết, mất tích; 395 người bị thương; thiệt hại kinh tế ước khoảng 24.649 tỷ đồng.

Năm 2024, tình hình thiên tai diễn biến phức tạp, bất thường gây thiệt hại lớn về người, tài sản, cơ sở hạ tầng²³¹... đặc biệt là bão số 3 (Yagi) và mưa lũ sau bão gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản cho 26 tỉnh, thành phố phía Bắc, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời ban hành nhiều văn bản, quyết sách nhanh chóng ở những thời khắc “*có tính quyết định sống còn*” để chỉ đạo các cấp, ngành, địa phương ứng phó kịp thời, hiệu quả với bão, lũ lụt...; ngay sau bão, tiếp tục tập trung chỉ đạo, triển khai các biện pháp giúp các địa phương bị thiệt hại nhanh chóng ổn định đời sống người dân, phục hồi sản xuất nông nghiệp.

10. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; chú trọng công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Trong nhiệm kỳ, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ công tác phòng, chống, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được triển khai toàn diện với tinh thần “*không có vùng cấm, không có ngoại lệ*”. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xây dựng các báo cáo, Đề án trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phê duyệt Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản”²³²; tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng; ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030²³³. Các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử đã chủ động phối hợp thường xuyên, chặt chẽ hơn, tập trung thanh tra đột xuất vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, qua đó đã đạt được những kết quả nhất định về phòng chống tham nhũng; những vụ có dấu hiệu tham nhũng do cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện được khởi tố, điều tra theo quy định pháp luật²³⁴.

Thực hiện Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án “Sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định triển khai Đề án. Tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật Thanh tra năm 2025 (sửa đổi) và chỉ đạo xây dựng, ban hành các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật²³⁵, tiếp tục rà soát dự thảo 02 Luật sửa đổi 04 Luật²³⁶ và 01 dự thảo Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 37/2023/UBTVQH15 ngày 06/9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình Quốc hội trong thời gian tới. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Định hướng chương trình thanh tra,

²³¹ 09 trận bão, 01 áp thấp nhiệt đới, 233 trận mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất, 266 trận đông lạnh, sét, mưa đá, 363 trận sạt lở và hạn hán, xâm nhập mặn tại đồng bằng sông Cửu Long, 422 trận động đất, 02 đợt rét hại, 18 đợt gió mạnh trên biển, 17 đợt nắng nóng...

²³² Quyết định số 390/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

²³³ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023

²³⁴ Trong kỳ báo cáo, tổng số vụ việc tham nhũng phát hiện là 352 vụ việc, 531 người; trong đó: hoạt động kiểm tra nội bộ phát hiện 93 vụ việc, 102 người; qua hoạt động thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 162 vụ việc, 297 người; qua giải quyết khiếu nại, tố cáo phát hiện 97 vụ việc, 132 người liên quan đến tham nhũng.

²³⁵ Nghị định số: 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023, 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024

²³⁶ Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng

trong đó chỉ đạo hoạt động thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển KTXH; tăng cường thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ được giao, tập trung vào các ngành, lĩnh vực, địa phương phát sinh nhiều vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, các công trình, dự án chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, hiệu quả thấp, gây thất thoát, lãng phí lớn để có cơ chế, chính sách giải quyết dứt điểm²³⁷. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng kết luận thanh tra, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra; xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật đối với tập thể, cá nhân vi phạm.

Thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư - Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị tiếp tục chỉ đạo Thanh tra Chính phủ, các cơ quan liên quan²³⁸. Kết quả công tác thanh tra, phòng chống tiêu cực, tham nhũng 5 năm qua cho thấy sự chuyển biến rõ nét, nhiều vụ án tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp được phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm minh, có tác dụng răn đe, ngăn chặn, từng bước đẩy lùi hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng²³⁹.

Trong nhiệm kỳ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ coi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên; yêu cầu các bộ, ngành, địa phương quán triệt, thực hiện đồng bộ các giải pháp theo chỉ đạo của Bộ Chính trị²⁴⁰ và các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; chấn chỉnh tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác này; kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài, bảo đảm an ninh, trật tự, không để xảy ra “điểm nóng”²⁴¹. Chính phủ đã ban hành quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh²⁴²; chỉ đạo Thanh tra Chính phủ nâng cấp, mở rộng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo, đáp ứng yêu cầu

²³⁷ Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính tiến hành rà soát hơn 2.800 dự án đầu tư khó khăn, vướng mắc, tồn đọng kéo dài, đề xuất đưa vào diện Ban Chỉ đạo Trung ương theo dõi, chỉ đạo.

²³⁸ Nghị quyết số: 121/NQ-CP ngày 11/9/2022, 115/NQ-CP ngày 05/9/2022. Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 29/8/2022; CV: 304/TB-VPCP ngày 02/8/2023, 318/TB-VPCP ngày 10/8/2023, 673/TTg-CN ngày 05/9/2024...

²³⁹ Toàn ngành thanh tra triển khai 32.484 cuộc thanh tra hành chính, 752.164 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; phát hiện vi phạm về kinh tế 703.477 tỷ đồng (tăng 62,3% so với cùng kỳ), 19.618 ha đất (tăng 134% so với cùng kỳ); kiến nghị xem xét, xử lý hành chính 16.426 tập thể, 34.420 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra xem xét, xử lý 1.762 vụ việc (tăng 258,8% so với cùng kỳ), 1.266 đối tượng (tăng 80,6% so với cùng kỳ).

²⁴⁰ Kết luận số 107-KL/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

²⁴¹ Cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã tiếp 1.524.586 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với 1.228.831 vụ việc; 13.168 đoàn đông người; tiếp nhận 1.835.001 đơn; có 1.509.376 đơn đủ điều kiện xử lý với 122.573 vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; đã giải quyết 103.694/122.573 vụ việc, đạt 84,6%. Qua giải quyết khiếu nại, tố cáo đã kiến nghị thu hồi cho nhà nước 282,6 tỷ đồng, 187,9 ha đất; trả lại cho tổ chức, cá nhân 803,4 tỷ đồng, 44,3 ha đất; kiến nghị xử lý 2.333 người; chuyển cơ quan điều tra 124 vụ việc (tăng 300% so với cùng kỳ), 140 đối tượng.

²⁴² Nghị định số 55/2022/ND-CP ngày 23/8/2022

kết nối dữ liệu trên phạm vi toàn quốc; xây dựng và triển khai Mô hình tiếp công dân trực tuyến.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kết luận số 107-KL/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh; triển khai Kế hoạch phối hợp tổ chức tiếp công dân phục vụ Đại hội Đảng các cấp, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo rà soát, kiểm tra, tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài, trực tiếp chỉ đạo giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp. Đặc biệt, thực hiện Kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm về việc giải quyết khiếu nại tố cáo kéo dài, vượt cấp lên Trung ương²⁴³, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quy chế làm việc và Kế hoạch của Tổ công tác để chỉ đạo trực tiếp, kiểm tra, rà soát, giải quyết tại các địa phương có nhiều vụ việc phức tạp, có nguy cơ trở thành “điểm nóng”²⁴⁴; đến nay đã cơ bản giải quyết xong 226/226 vụ việc.

11. Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để phát triển đất nước

Chính phủ quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quân sự, quốc phòng; chỉ đạo theo dõi sát tình hình thế giới, khu vực, nghiên cứu, đánh giá, phân tích, dự báo và kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước các đối sách chiến lược, xử lý đúng đắn, linh hoạt, hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ, nhất là vấn đề chủ quyền biên giới, biển đảo, vùng trời, không gian mạng; ứng phó hiệu quả những tác động từ các cuộc xung đột quân sự tại một số điểm nóng trên thế giới, sự điều chỉnh của các nước lớn, ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột “từ sớm, từ xa”, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Chính phủ chỉ đạo bộ, cơ quan liên quan phối hợp nghiên cứu lý luận, tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI để tham mưu cấp thẩm quyền trình Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII ban hành Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới²⁴⁵, trình Bộ Chính trị ban hành Kết luận về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh kết hợp phát triển KTXH trên hướng chiến lược phía Tây, Tây Nam của Tổ quốc²⁴⁶. Chỉ đạo xây dựng quy hoạch tổng thể bố trí chiến lược quốc phòng, công trình quốc phòng, khu quân sự; phê duyệt

²⁴³ Thông báo số 142-TB/VPTW ngày 20/3/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng

²⁴⁴ Quyết định số 44/QĐ-TTg ngày 28/3/2025; Tổ công tác đã trực tiếp làm việc, chỉ đạo 13/18 địa phương xử lý 23/29 vụ việc theo kế hoạch.

²⁴⁵ Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023

²⁴⁶ Kết luận số: 10-KL/TW ngày 08/7/2021, 55-KL/TW ngày 10/5/2023

Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045²⁴⁷; triển khai hiệu quả Đề án Xây dựng điểm dân cư liên kề chốt dân quân biên giới, đồn, trạm biên phòng, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp khu vực phòng thủ, giữ vững an ninh chính trị địa bàn biên giới.

Chính phủ chỉ đạo quyết liệt triển khai cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về mục tiêu xây dựng quân đội nhân dân “*tin, gọn, mạnh*”; sơ kết, tổng kết ban hành các chỉ thị, nghị quyết, đề án về tổ chức quân đội trong tình hình mới phù hợp với đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân với cơ cấu, quân số hợp lý, bảo đảm cân đối, đồng bộ giữa các thành phần lực lượng, sức mạnh tổng hợp, trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu; trình Bộ Chính trị thông qua Đề án tiếp tục sắp xếp tổ chức quân sự địa phương phù hợp với mô hình CQDP 2 cấp, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình mới²⁴⁸; tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật lĩnh vực quân sự, quốc phòng, trình Quốc hội xem xét, thông qua 08 dự án luật²⁴⁹, ban hành theo thẩm quyền 22 nghị định, 06 quyết định quy phạm pháp luật; đẩy mạnh xây dựng các mô hình dân quân tự vệ, các hải đội và dân quân thường trực; chủ động đấu tranh, tuyên truyền, xua đuổi tàu thuyền nước ngoài vi phạm vùng biển Việt Nam theo cấp độ phù hợp. Thực hiện nghiêm kết luận của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2030²⁵⁰; triển khai hiệu quả hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, nhiều lần cử lực lượng, phương tiện tham gia hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo triển khai đồng bộ, quyết liệt, bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, sự kiện chính trị, văn hóa, đối ngoại quan trọng của đất nước, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Việt Nam. Chủ động nắm chắc tình hình, phòng ngừa, ngăn chặn ý đồ của các thế lực thù địch, phản động, chống đối lợi dụng các vấn đề nhạy cảm, phức tạp để chống Đảng, Nhà nước, gây mất an ninh trật tự; xây dựng “thế trận lòng dân”, giữ vững thế chủ động chiến lược, không để bị động, bất ngờ, không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập nội địa; bảo đảm vững chắc an ninh chính trị nội bộ, an ninh trên các địa bàn trọng điểm và các lĩnh vực, nhất là an ninh kinh tế, an ninh dân tộc, tôn giáo, thông tin, truyền thông, an ninh mạng, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo triển khai quyết liệt; xử lý theo thẩm quyền và tham mưu cấp có thẩm quyền các giải pháp cơ bản, chiến lược trong công tác phòng ngừa, ngăn

²⁴⁷ Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 05/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ

²⁴⁸ Đến nay, tổ chức quân đội cơ bản được điều chỉnh theo hướng tin, gọn, mạnh, phù hợp với đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân

²⁴⁹ Luật Phòng thủ dân sự; Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự; Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; Luật Phòng không nhân dân; Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam (sửa đổi); Luật Tình trạng khẩn cấp; Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp quốc, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng...

²⁵⁰ Kết luận số 53-KL/TW ngày 28/4/2023 của Bộ Chính trị

chặn tội phạm tham nhũng, kinh tế, phục vụ nhiệm vụ phát triển KTXH; xây dựng Công an cấp xã, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, đưa Công an gần dân, sát dân để phục vụ. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, yêu cầu phát động nhiều cao điểm trấn áp các loại tội phạm (ma túy, cho vay nặng lãi, sản xuất, buôn bán, tàng trữ hàng giả, hàng kém chất lượng...); chỉ đạo triển khai tổng thể các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông, khắc phục ùn tắc, kéo giảm tai nạn giao thông, phòng cháy, chữa cháy; điều tra, khám phá có hiệu quả nhiều vụ án về tội phạm sử dụng công nghệ cao, các vụ án về tội phạm ma túy có yếu tố nước ngoài, hoạt động xuyên quốc gia.

12. Chủ động, tích cực, sáng tạo, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế, uy tín và vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế

Trong bối cảnh cục diện thế giới chuyển biến nhanh, phức tạp, quán triệt, triển khai nghiêm túc các nghị quyết, kết luận, chỉ thị quan trọng của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã nỗ lực, quyết liệt, chỉ đạo, điều hành thực hiện hiệu quả đường lối đối ngoại của Đại hội XIII của Đảng, chủ động, kịp thời ban hành các CTHĐ của Chính phủ tổ chức thực hiện hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Chính phủ đã tham mưu, trình cấp thẩm quyền, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành 17 Nghị quyết, kết luận, chỉ thị về các vấn đề đối ngoại quan trọng²⁵¹, đặc biệt là Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và việc cụ thể hóa đường lối đối ngoại Đại hội XIII thành các chương trình, kế hoạch cụ thể đã góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thu hút các nguồn lực và tranh thủ các điều kiện từ bên ngoài phục vụ phát triển đất nước.

Các hoạt động đối ngoại, nhất là đối ngoại cấp cao được triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả trên các trụ cột, các kênh đối ngoại và các khu vực, “*đạt nhiều kết quả, thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, trở thành một điểm sáng đầy ấn tượng trong toàn bộ những thành tựu chung của đất nước*”²⁵². Nhiệm kỳ vừa qua, Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với 05 nước, đưa tổng số nước có quan hệ ngoại giao lên 194 nước; nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện với 10 nước, Đối tác chiến lược với 05 nước và thiết lập quan hệ Đối tác toàn diện với 04 nước, Đối tác chiến lược theo lĩnh vực với 05 nước, đưa tổng số Đối tác chiến lược toàn diện, Đối tác chiến lược, Đối tác toàn diện của Việt Nam lên 38 nước, làm sâu sắc hơn các quan hệ đối tác đã thiết lập bằng các nội dung hợp tác

²⁵¹ Như: Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 09/01/2023 của Bộ Chính trị về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII; Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới; Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới; Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2025 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030...

²⁵² Gần 340 hoạt động song phương, đa phương quan trọng diễn ra; 78 chuyến thăm các của lãnh đạo chủ chốt; đón 96 đoàn thăm Việt Nam; 107 cuộc điện đàm cấp cao; tổ chức 04 hội nghị đa phương quy mô lớn tại Việt Nam (Hội nghị thượng đỉnh Diễn đàn đối tác vì Tăng trưởng xanh và mục tiêu toàn cầu-P4G, Diễn đàn tương lai ASEAN 2024, 2025; BCH Liên minh Nghị viện Pháp ngữ 2025)

thực chất, hiệu quả; hơn 500 thoả thuận hợp tác được ký kết trên nhiều lĩnh vực, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển của đất nước; khẳng định sự coi trọng, tin cậy cao của các nước đối với vị thế, uy tín, giá trị chiến lược của Việt Nam, mở ra nhiều thời cơ chiến lược để ta khai thác các cơ hội hợp tác, đổi mới mô hình tăng trưởng, hiện thực hóa tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2030 và 2045.

Công tác đối ngoại đa phương được đẩy mạnh và nâng tầm, đạt nhiều kết quả quan trọng. Ta đảm nhiệm thành công các vị trí, vai trò quan trọng tại các diễn đàn đa phương; chủ động, tích cực đề xuất các sáng kiến, ý tưởng hợp tác, nhất là trong khuôn khổ ASEAN, Liên hợp quốc²⁵³; lần đầu tiên tham gia 09 cơ chế quan trọng của UNESCO; mở rộng việc triển khai các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc, cứu trợ, cứu nạn...; tham gia chủ động, tích cực vào quá trình định hình và phát triển của các cơ chế hợp tác Mê Công, các sáng kiến hợp tác, liên kết kinh tế quốc tế; đóng góp thiết thực vào quá trình xây dựng Cộng đồng và vai trò trung tâm của ASEAN; đăng cai tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế quan trọng; tích cực vận động ứng cử làm thành viên của nhiều cơ chế đa phương quan trọng từ nay đến 2040. Xây dựng, hoàn thiện bộ cơ sở pháp lý vững chắc để bảo vệ các lợi ích chính đáng, tìm kiếm các giải pháp giải quyết vấn đề phân định biển và duy trì các kênh đàm phán, hợp tác với các nước có liên quan; góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; đấu tranh với các hoạt động xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ; duy trì đường biên giới hòa bình, hợp tác, phát triển; ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh phi truyền thống.

Công tác ngoại giao kinh tế tiếp tục được triển khai chủ động, quyết liệt, toàn diện, hiệu quả, thực chất, bám sát Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư, có sự chuyển biến mạnh mẽ về tư duy, nhận thức và hành động. Ngoại giao kinh tế tiếp tục được thể chế hóa, hệ thống hóa bài bản, có sự đồng thuận, vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương và sự tham gia tích cực của doanh nghiệp. Nội dung về hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trở thành trọng tâm của các hoạt động đối ngoại, nhất là đối ngoại cấp cao, khai thác hiệu quả các lĩnh vực hợp tác truyền thống, mở rộng các thị trường, lĩnh vực mới, tiềm năng; thu hút sự chuyển dịch đầu tư từ các nước, nhất là FDI chất lượng cao, ODA thế hệ mới, công nghệ cao, tài chính xanh; thúc đẩy đàm phán FTA với các thị trường tiềm năng, nâng tổng số FTA Việt Nam đã ký kết và tham gia lên 17. Các hình thức ngoại giao mới như ngoại giao y tế, môi trường, nông nghiệp, công nghệ được đẩy mạnh. Ngoại giao KHCN trở thành một trong những trọng tâm được ưu tiên thúc đẩy, có kết quả cụ thể, thực chất, bám sát nhu cầu trong nước và hiện thực hóa các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Bên cạnh đó, ngoại giao y tế, ngoại giao vắc-xin đã đóng vai trò quyết định vào công tác phòng chống dịch COVID-19.

²⁵³ Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc về Ngày quốc tế về phòng chống dịch bệnh 27/12 và Ngày quốc tế về vui chơi 11/6, Nghị quyết của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và quyền con người và về kỷ niệm 75 năm Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế và 30 năm Tuyên bố và CTHĐ Viên...; đăng cai tổ chức Diễn đàn Tương lai ASEAN lần thứ nhất và thứ hai (2024 và 2025), thúc đẩy thành lập Trung tâm ASEAN ứng phó với các tình huống y tế khẩn cấp và dịch bệnh mới nổi. Công ước Tội phạm mạng dự kiến ký tại Hà Nội vào tháng 10/2025 lấy tên Công ước Hà Nội

Công tác ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại được quan tâm, chỉ đạo triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao “sức mạnh mềm” quốc gia. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030; chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động phong phú với sự tham gia của các bộ, ngành, địa phương, tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị, tin cậy lẫn nhau với các đối tác; triển khai hiệu quả Đề án “Tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nhà văn hóa kiệt xuất” với nhiều hình thức phong phú. Vận động thành công UNESCO ghi danh thêm 24 danh hiệu, di sản, nâng tổng số danh hiệu UNESCO lên 73²⁵⁴ và hiện đang tích cực triển khai nhiều hồ sơ quan trọng khác. Nội dung, phương thức thực hiện công tác thông tin đối ngoại ngày càng được đổi mới, đa dạng, có điểm nhấn, bám sát tinh thần Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị, góp phần tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực, đồng thời tiếp tục phản bác thông tin xuyên tạc, sai sự thật.

Công tác người Việt Nam ở nước ngoài, bảo hộ công dân đạt nhiều kết quả thực chất; các quy định của pháp luật tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào; không ngừng đổi mới phương thức tổ chức, triển khai hoạt động với nội dung đa dạng, phong phú, tăng tính lan tỏa, hấp dẫn, vừa thể hiện sự quan tâm, chăm lo của Đảng và Nhà nước, vừa thu hút sự gắn kết, hướng về quê hương của bà con kiều bào, đóng góp nguồn lực quan trọng cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; hỗ trợ kiều bào ổn định cuộc sống ở các địa bàn khó khăn; bảo đảm an toàn tính mạng, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công dân Việt Nam ở nước ngoài, nhất là tại các địa bàn xảy ra xung đột như Ucraina, Trung Đông, châu Phi²⁵⁵...

13. Về việc chấp hành sự giám sát của Quốc hội

Chấp hành nghiêm các chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đồng chí Tổng Bí thư và Lãnh đạo chủ chốt; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định việc tổ chức triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, khẩn trương, bài bản, khoa học. Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương luôn phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Đảng trong việc sơ kết, tổng kết các chủ trương, chính sách; xây dựng và hoàn thiện các đề án, báo cáo trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tham dự đầy đủ các hội nghị quán triệt các nghị quyết của Đảng; kịp thời tổ chức thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chấp hành nghiêm sự giám sát của Quốc hội và báo cáo đầy đủ với Quốc hội, triển khai kịp thời các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Lãnh đạo Chính phủ và các thành viên Chính phủ dự đầy đủ các phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Kỳ họp Quốc hội, chủ động, tích cực làm việc, kịp thời giải trình, cung cấp thông tin về những vấn đề Quốc hội, cử tri quan tâm. Thực hiện đầy đủ các quy định về phối hợp công tác

²⁵⁴ Vượt mục tiêu đạt 60 danh hiệu vào năm 2030

²⁵⁵ Tiến hành báo hộ: 17.960 công dân (năm 2021), 21.024 công dân (năm 2022), 17.225 công dân (năm 2023), 16.000 công dân (năm 2024). Đưa trên 200.000 công dân về nước trong 2 năm dịch Covid-19

trong việc chuẩn bị nội dung, xây dựng và thực hiện chương trình các kỳ họp, các phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định.

Trong nhiệm kỳ qua, Chính phủ đã trình Quốc hội tại các kỳ họp hàng trăm báo cáo, tờ trình đề Quốc hội cho ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Trên cơ sở các nghị quyết, luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết, chương trình, kế hoạch hành động, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên tất cả các lĩnh vực KTXH, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Thủ tướng Chính phủ, các thành viên Chính phủ đã chỉ đạo tổ chức phục vụ tốt các hoạt động giám sát chuyên đề của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Chính phủ, các bộ, ngành nghiêm túc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và một số Nghị quyết trong nhiệm kỳ khóa XIV đối với các lĩnh vực: kế hoạch và đầu tư, ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, văn hóa, thể thao và du lịch, tư pháp, thực hiện các chương trình MTQG, đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông...

Tại các Kỳ họp Quốc hội khóa XV, các thành viên Chính phủ đã trả lời 1.252 câu hỏi chất vấn trực tiếp và 373 phiếu chất vấn của đại biểu Quốc hội; trả lời, giải quyết 1.899 kiến nghị của cử tri với tinh thần trách nhiệm cao, nghiêm túc, cầu thị, thẳng thắn, cam kết giải quyết khắc phục hạn chế, bất cập. Chấp hành nghiêm chế độ báo cáo Quốc hội về tình hình KTXH tại các kỳ họp, tiếp xúc cử tri theo quy định. Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan của Quốc hội và Chính phủ ngày càng được tăng cường; đại diện cơ quan liên quan của Quốc hội được mời dự phiên họp thường kỳ hằng tháng, hội nghị của Chính phủ, đóng góp ý kiến cho công tác quản lý, điều hành của Chính phủ.

Chính phủ chấp hành nghiêm chế độ báo cáo, trình Chủ tịch nước các văn bản theo quy định về các vấn đề KTXH, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, quốc tịch, đặc xá, thi đua khen thưởng, ký kết các điều ước quốc tế, phong hàm, cấp, danh hiệu theo quy định của pháp luật.

14. Về phối hợp công tác của Chính phủ với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan tư pháp

Công tác phối hợp giữa Chính phủ với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng thực chất và hiệu quả; Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ký Nghị quyết liên tịch về công tác phối hợp²⁵⁶, huy động toàn dân, đoàn viên, hội viên chung sức thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH. Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan tiếp tục phối hợp, tạo điều kiện để Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc tổ chức vận động, tập hợp nhân sĩ, trí thức, cá nhân tiêu biểu, chuyên

²⁵⁶ Nghị quyết liên tịch số 01/2023/NQLT-CP-ĐCTUBTUMTTQVN ngày 10/10/2023.

gia, nhà khoa học trên các lĩnh vực tham gia các hoạt động của Mặt trận; tuyên truyền, vận động người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam.

Chính phủ, các bộ, ngành, CQDP tích cực phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xây dựng, hoàn thiện đề án, chương trình triển khai các nhiệm vụ Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị; phối hợp thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giải quyết tranh chấp lao động, ngừng việc tập thể. Thủ tướng Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã chủ trì tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Chính phủ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Theo đó, việc thực hiện Quy chế được đánh giá chủ động, tích cực, nghiêm túc, hiệu quả; nội dung phối hợp được chặt chẽ, toàn diện, thiết thực với những vấn đề cụ thể như: nhà ở cho người lao động, các thiết chế văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao, các hoạt động chăm lo, nâng cao đời sống người lao động.

Lãnh đạo Chính phủ đã chủ trì gặp mặt nữ trí thức tiêu biểu nhân dịp ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3 hằng năm. Chính phủ ban hành CTHĐ thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới²⁵⁷; Lãnh đạo Chính phủ thường xuyên đi công tác địa phương động viên, thăm hỏi công nhân, nông dân, người lao động; lắng nghe ý kiến, nắm bắt phản ánh của cử tri để chỉ đạo, xử lý kịp thời.

Chính phủ đã chỉ đạo, phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh triển khai tích cực nhiều hoạt động thiết thực, phát huy tinh thần đoàn kết, niềm tự hào dân tộc, khát vọng vươn lên, vai trò, trách nhiệm của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền tạo điều kiện cho Đoàn và thanh niên phát triển đúng vị trí, vai trò, tầm quan trọng; xử lý kịp thời các kiến nghị, đề xuất. Thủ tướng Chính phủ chủ trì Hội nghị đối thoại với thanh niên toàn quốc nhân dịp Tháng thanh niên hằng năm; đề nghị Ban Chấp hành Trung ương Đoàn tập trung triển khai 3 phong trào thanh niên: Phong trào học tập công nghệ thông tin; Phong trào học tập ngoại ngữ; Phong trào giữ gìn vệ sinh môi trường.

Chính phủ tiếp tục tăng cường phối hợp công tác với các cơ quan tư pháp, thực hiện hiệu quả Quy chế phối hợp công tác với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Thường xuyên trao đổi thông tin, phối hợp xử lý các nội dung liên quan đến các vụ án kinh tế, tham nhũng nghiêm trọng, được dư luận xã hội quan tâm, việc thực hiện các chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm, phòng, chống mua bán người, phòng chống rửa tiền, tệ nạn ma túy, mại dâm; tham gia đàm phán, đóng góp ý kiến đối với các văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp...

²⁵⁷ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 11/05/2024.

Các địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Tỉnh ủy, Thành ủy, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và chấp hành nghiêm túc sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố và các tổ chức thành viên theo quy định, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, kết luận, giám sát, chất vấn của Hội đồng nhân dân, giải trình làm rõ những vấn đề đại biểu quan tâm, nâng cao hiệu quả công tác tiếp xúc cử tri, trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri và giải quyết đơn thư của công dân.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong suốt nhiệm kỳ 2021 - 2026, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và Nhân dân, chấp hành nghiêm sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của Quốc hội; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và giải quyết công việc đúng phạm vi thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế làm việc của Chính phủ. Chính phủ giữ vững đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn với tinh thần đột phá, dám nghĩ, dám làm, đổi mới, sáng tạo, kiên định, quyết tâm hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư, sự ủng hộ, giám sát của Quốc hội, sự đóng góp to lớn, bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cộng đồng doanh nghiệp, sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, toàn diện với nhiều dấu ấn nổi bật, củng cố niềm tin vững chắc vào những giá trị truyền thống, bản lĩnh, khí phách, ý chí, tinh thần vượt khó, vươn lên của dân tộc ta. Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó; trong đó, đạt và vượt nhiều chỉ tiêu Quốc hội giao. Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức khá cao so với khu vực và thế giới, GDP bình quân giai đoạn 2021 - 2025 ước khoảng 6,3%/năm (cao hơn so với giai đoạn 2016 - 2020 là 5,99%/năm), phấn đấu năm 2025 tăng từ 8,0% trở lên; năng suất lao động tăng bình quân 5,1%/năm, đóng góp của các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 47%. Quy mô GDP từ 346 tỷ USD năm 2020, dự kiến tăng lên trên 510 tỷ USD năm 2025, gấp 1,48 lần so với năm 2020, xếp thứ 32 thế giới; GDP bình quân đầu người gấp 1,4 lần, tăng từ 3.552 USD lên khoảng 5.000 USD. Thu nhập quốc dân bình quân đầu người tăng từ 3.400 USD lên khoảng 4.750 USD năm 2025, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; quy mô thương mại xếp thứ 20 thế giới. Lam phát liên tục được kiểm soát, thị trường tiền tệ, ngoại tệ duy trì ổn định, góp phần gia tăng hệ số tín nhiệm quốc gia của Việt Nam.

Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đồng bộ, thiết thực. Chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng lên. Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân được quan tâm, thực hiện tốt. Khoa học, công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo có những tiến bộ vượt bậc. Chủ động thích ứng và ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu, thiên tai, bão, lũ, giảm thiểu thiệt hại cho người dân và nền kinh tế. Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều kết quả quan trọng, góp

phần nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường, chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái và ý chí kiên cường của Nhân dân được phát huy mạnh mẽ, khẳng định sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tính ưu việt, bản chất tốt đẹp của chế độ ta, dân tộc ta và niềm tin tưởng tuyệt đối của nhân dân vào Đảng, Nhà nước.

V. TỒN TẠI HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Về tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được là cơ bản, việc thực hiện công tác nhiệm kỳ còn những hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau:

- Công tác dự báo, nắm tình hình, phản ứng chính sách đối với một số vấn đề phát sinh, cấp bách còn bị động; một số giải pháp đề ra có trọng tâm nhưng chưa được tổ chức thực hiện quyết liệt, chưa đáp ứng kịp thời, nhanh chóng đối với các yêu cầu của thực tiễn.

- Việc chuẩn bị một số hồ sơ dự án, dự thảo văn bản pháp luật trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa đáp ứng yêu cầu chất lượng nên chưa được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua hoặc bổ sung vào Chương trình. Còn tình trạng bổ sung một số dự án, dự thảo không theo Chương trình tổng thể hoặc bổ sung sát thời điểm tổ chức kỳ họp, phiên họp của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chưa được khắc phục triệt để việc chậm ban hành, nợ đọng văn bản quy định chi tiết. Một số chính sách, pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu, chưa theo kịp với tình hình thực tiễn; còn tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo trong một số văn bản pháp luật; việc áp dụng pháp luật đôi khi thiếu thống nhất. Công tác theo dõi thi hành pháp luật chưa thực sự hiệu quả. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở một số nơi còn dàn trải, hình thức, chưa linh hoạt theo sát các vấn đề dư luận xã hội quan tâm. Công tác thi hành án dân sự còn tình trạng vi phạm, sai sót. Hoạt động của một số tổ chức hành nghề hỗ trợ tư pháp chưa hiệu quả...

- Việc xây dựng, thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chưa nghiêm; vẫn còn nhiệm vụ, đề án, văn bản chậm, quá hạn mặc dù đã đôn đốc nhiều lần. Việc chấp hành Quy chế làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính tại một số cơ quan, đơn vị có lúc còn chưa; còn nhiều trường hợp chưa tuân thủ yêu cầu về hồ sơ, văn bản trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tham dự các cuộc họp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ không đúng quy định.

- Ổn định kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc, chất lượng tăng trưởng cải thiện còn chậm, cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu chưa có nhiều thay đổi đáng kể. Chất lượng, hiệu quả, năng lực tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Cơ cấu thị trường tài chính còn bất cập, nhu cầu vốn trung dài hạn của nền kinh tế phụ thuộc chủ yếu vào kênh tín dụng ngân hàng trong khi nguồn vốn của hệ thống ngân hàng chủ yếu là ngắn hạn, làm gia tăng rủi ro kỳ hạn, rủi ro tín dụng và khiến tỷ lệ tín dụng/GDP liên tục tăng cao, các tổ chức quốc tế, tổ chức xếp hạng tín nhiệm liên tục cảnh báo rủi ro bất ổn tài chính

đối với Việt Nam. Các động lực tăng trưởng truyền thống tuy đã phát huy hiệu quả nhưng chưa đạt kỳ vọng; giải ngân vốn đầu tư công còn thấp; xuất khẩu còn phụ thuộc nhiều vào FDI và chịu ảnh hưởng từ bên ngoài. Phát triển nông nghiệp vẫn còn những yếu tố thiếu bền vững, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Liên kết giữa sản xuất - phân phối - tiêu dùng chưa thật sự bền chặt. Chuyển dịch cơ cấu ngành dịch vụ chưa hợp lý. Việc sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước còn khó khăn, vướng mắc.

- Phát triển kinh tế vùng chưa thực sự tương xứng với tiềm năng, tác động lan tỏa và liên kết của các vùng kinh tế trọng điểm với các vùng lân cận còn thấp, các liên kết nội vùng còn bất cập.

- Thị trường tài chính, tiền tệ chịu nhiều áp lực từ biến động phức tạp của thị trường quốc tế; thị trường bất động sản phục hồi còn chậm. Kỷ luật, kỷ cương quản lý tài nguyên, đất đai, công sản, đầu tư xây dựng cơ bản còn bị buông lỏng ở một số nơi.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường tại các đô thị, các khu, cụm công nghiệp, làng nghề còn chậm được xử lý; chất lượng không khí tại các đô thị giảm. Tình trạng xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển diễn ra nghiêm trọng ở một số địa phương chưa được khắc phục kịp thời.

- Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo. Tình hình an ninh, trật tự trên một số địa bàn; tội phạm ma túy, công nghệ cao, lừa đảo qua mạng, tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả... diễn biến phức tạp.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- *Nguyên nhân khách quan:*

- + Tình hình thế giới biến động nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều diễn biến chưa có tiền lệ, vượt dự báo, tạo áp lực lớn lên công tác chỉ đạo, điều hành.

- + Nước ta vẫn là nước đang phát triển, nền kinh tế đang chuyển đổi, quy mô còn khiêm tốn; có độ mở lớn trong khi năng lực nội tại còn thấp, sức chống chịu với các cú sốc bên ngoài và tính cạnh tranh chưa cao. Nhiều vấn đề quan trọng trong cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng là những vấn đề phức tạp, đòi hỏi thực hiện trong dài hạn. Những tồn tại, yếu kém của nền kinh tế kéo dài từ lâu bộc lộ rõ hơn trong điều kiện khó khăn.

- + Việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị là việc khó, phức tạp và được thực hiện trên quy mô lớn, thời gian gấp nên còn phát sinh những vấn đề chưa đồng bộ, lúng túng ở một số nơi trong thời gian đầu. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy là tương đối lớn, do đó các công tác liên quan như bố trí cán bộ, xử lý tài sản công... cần có nguồn lực, thời gian để thực hiện.

- + Số lượng nhiệm vụ lập pháp gia tăng hằng năm để kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và yêu cầu thực tiễn; thực hiện chủ trương đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng "luật chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền

của Quốc hội, không luật hóa các nội dung của nghị định, thông tư” dẫn đến số lượng VBQPPL dưới luật phải ban hành tăng theo tương ứng; nhiều luật, nghị quyết thông qua có hiệu lực rất sớm hoặc có hiệu lực ngay từ ngày được thông qua nên không đủ thời gian xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết.

- *Nguyên nhân chủ quan:*

+ Nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan tham mưu xây dựng thể chế, chính sách theo từng ngành, lĩnh vực còn một số hạn chế, chưa quyết tâm, quyết liệt. Quy định của các luật chuyên ngành còn chồng chéo, dẫn tới sự giao thoa trong chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cần nhiều thời gian, nguồn lực để rà soát, sửa đổi, hoàn thiện.

+ Công tác phối hợp xử lý công việc giữa các bộ, ngành, địa phương có lúc còn thiếu chặt chẽ, chưa quyết liệt, đồng bộ. Một số trường hợp trách nhiệm chưa cao, thiếu chủ động trong trao đổi, giải trình dẫn đến tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu thống nhất nên kéo dài thời gian xử lý công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều bộ, cơ quan.

+ Tư duy xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trong một bộ phận cán bộ, công chức chưa được đổi mới, chưa theo kịp với yêu cầu của thực tiễn. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa đồng đều, nhất là năng lực phát hiện vấn đề, tham mưu, đề xuất các biện pháp giải quyết chưa theo kịp với sự thay đổi nhanh chóng của tình hình thực tế, tốc độ phát triển của khoa học; công nghệ.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, quán triệt nghiêm, triển khai quyết liệt, kịp thời, đồng bộ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, sự vào cuộc với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị; phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn Đảng, toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, “trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt”; tự lực, tự cường, khát vọng, nỗ lực vươn lên theo phương châm “nguồn lực bắt nguồn từ tư duy, tầm nhìn; động lực bắt nguồn từ đổi mới, sáng tạo; sức mạnh bắt nguồn từ Nhân dân, doanh nghiệp”. Kiên định, bản lĩnh, không lung lay, dao động trước thách thức, khó khăn.

Hai là, nắm chắc, theo dõi sát tình hình thực tiễn, có giải pháp ứng phó, phản ứng chính sách kịp thời, chủ động, linh hoạt, hiệu quả đối với các vấn đề mới phát sinh. Trong chỉ đạo, điều hành, phải có tư duy đột phá, tầm nhìn chiến lược, nghĩ sâu, làm lớn, vượt qua giới hạn bản thân; “suy nghĩ phải chín, tư tưởng phải thông, quyết tâm phải cao, nỗ lực phải lớn, hành động phải quyết liệt”; coi trọng thời gian, trí tuệ; quyết đoán, đúng thời điểm, đúng địa điểm; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tổ chức thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, “làm việc nào dứt việc đó”; phân công bảo đảm “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả”, bố trí nguồn lực hợp lý.

Ba là, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ đến kết quả cuối cùng. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Thường

xuyên rà soát, đánh giá, nâng cao năng lực cán bộ; khen thưởng kịp thời, xử lý kỷ luật nghiêm minh. Kiên quyết khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong xử lý công việc, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Bốn là, tích cực, chủ động giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, địa phương. Kịp thời tổng kết, đánh giá, rút ra những bài học kinh nghiệm, nhất là đối với những mô hình hay, cách làm hiệu quả để phát huy, nhân rộng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ về lý luận, năng lực chuyên môn và kiến thức thực tiễn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Năm là, làm tốt công tác đối ngoại, hội nhập, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài, sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế. Thực hiện hiệu quả công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

Thời gian tới, dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, khó khăn, thách thức nhiều hơn thời cơ, thuận lợi. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; nguy cơ kinh tế thế giới tăng trưởng chậm kéo dài. Sự phát triển bùng nổ của các công nghệ mới tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội. An ninh phi truyền thống ngày càng bất định, khó dự báo, tác động nhiều mặt, ảnh hưởng nghiêm trọng tới ổn định, phát triển bền vững.

Ở trong nước, sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên một tầm cao mới. Nhiều quyết sách mang tính lịch sử về sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp ĐVHC từ Trung ương đến địa phương, tổ chức mô hình CQĐP 2 cấp đã tạo không gian phát triển mới; tháo gỡ các điểm nghẽn; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế trong tình hình. Tuy nhiên, nền kinh tế còn nhiều điểm nghẽn phải giải quyết như: năng lực sản xuất, tính tự chủ của nền kinh tế chưa cao; tốc độ già hóa dân số nhanh, còn chênh lệch giàu - nghèo, chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên; các vấn đề an ninh phi truyền thống khác...

Năm 2026 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm tiến hành Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; năm đầu quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội, trong đó có Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026 - 2030 và Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021 - 2030; năm tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Để hiện thực hóa mục tiêu Chiến lược đặt ra đến năm 2030 (kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng) là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045 (kỷ niệm 100 năm thành lập nước) trở thành nước phát triển, thu nhập cao; Chính phủ tiếp tục kế thừa những kinh nghiệm, thành quả đã đạt được qua các nhiệm kỳ, khẩn trương khắc phục hiệu quả những mặt còn hạn chế, bất cập; đổi mới tư duy,

hành động quyết liệt hơn, hiệu quả hơn, vượt qua mọi khó khăn, biến thách thức thành cơ hội, tận dụng tối đa thành tựu của cuộc Cách mạng 4.0 và xu hướng dịch chuyển đầu tư, thương mại thế giới; phát huy hơn nữa tinh thần đoàn kết, chung sức đồng lòng của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao và niềm tin, khát vọng vươn lên mạnh mẽ, kiên quyết không lùi bước trước khó khăn, thách thức để đưa đất nước phát triển hơn nữa, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch năm 2025, tạo đà, tạo lực, tạo thế, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện Kế hoạch 5 năm, Chiến lược 10 năm tới; trong đó tập trung vào một số phương hướng, nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức sắp xếp, tinh gọn bộ máy, CQĐP 2 cấp; đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân; nâng cao năng lực quản trị xã hội

- Tích cực, chủ động đóng góp hiệu quả hoàn thiện dự thảo Báo cáo chính trị và dự thảo CTHĐ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV; trong đó thúc đẩy 03 trụ cột: xây dựng nền dân chủ XHCN, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân; xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, giám sát của Nhân dân.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017, các Kết luận số của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác; sắp xếp kiện toàn cơ cấu tổ chức của tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm cấp trung gian, phù hợp với quan điểm, nguyên tắc Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương đã phê duyệt, gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu mới. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức lại, đẩy mạnh tự chủ đơn vị SNCL, đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao năng lực thực thi của các cấp, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của địa phương. Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa trung ương, địa phương và cơ sở với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; trung ương tập trung hoàn thiện thể chế, giữ vai trò kiến tạo phát triển; mở rộng quyền tự quyết, tự chịu trách nhiệm và tổ chức thực hiện cho các địa phương.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phát hiện, thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị SNCL. Ban hành cơ chế, pháp luật cụ thể, minh bạch để bảo vệ, khuyến khích cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không vụ lợi; khắc phục tình trạng sợ sai, sợ trách nhiệm.

- Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tác phong, lề lối làm việc theo hướng khoa học, chuyên nghiệp với phương châm “Bộ máy tinh gọn - Dữ liệu kết nối - Quản trị thông minh”. Xây dựng nhanh nền hành chính hiện đại dựa trên chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu. Phương thức quản lý nhà nước chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; giảm tối đa rủi ro pháp lý đối với người dân và doanh nghiệp.

2. Tập trung hoàn thiện thể chế, pháp luật, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển

- Tiếp tục bám sát và triển khai hiệu quả chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025. Nâng cao chất lượng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập quốc tế, bảo đảm tính ổn định, đồng thời có độ mở phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Từ năm 2026, tập trung tổ chức thực hiện các quy định liên quan đến đầu tư kinh doanh, bảo đảm thông thoáng, thuận lợi, cạnh tranh quốc tế.

- Rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các VBQPPL đồng thời với Hiến pháp năm 2013 sửa đổi. Phân công, phân định rõ quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, đặc thù, đặc biệt cho các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế...

- Pháp điển hóa hệ thống pháp luật; tích hợp tất cả các quy định sửa đổi, bổ sung vào các đạo luật gốc để chuẩn hóa, đơn giản hóa hệ thống pháp luật. Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp; cải thiện chất lượng cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia, đẩy mạnh phát triển hệ thống dịch vụ pháp lý, các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án; xây dựng mạng lưới, nâng cao hiệu quả của hệ thống hỗ trợ tư pháp, trợ giúp, hỗ trợ pháp lý.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng để khu vực tư nhân tiếp cận mọi cơ hội, nguồn lực, nhất là về vốn, đất đai, tài nguyên. Chủ động phòng ngừa, nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp quốc tế. Phân đấu đến năm 2030, xếp hạng môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam thuộc nhóm 3 quốc gia hàng đầu của ASEAN và nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới.

- Cắt giảm, đơn giản hóa mạnh mẽ TTHC, chi phí tuân thủ; xóa bỏ triệt để cơ chế “xin - cho”, các rào cản, quy định không phù hợp, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

3. Tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng gắn với kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế

- Phối hợp đồng bộ, hài hòa chính sách tiền tệ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác. Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; tăng cường quản lý, giám sát thị trường vàng. Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng, nâng cao chất lượng tín dụng; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng. Đẩy mạnh phát

triển thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng; hạn chế tối đa phát sinh các TCTD yếu kém, ngăn ngừa tình trạng sở hữu chéo; chỉ đạo các TCTD cơ cấu lại, xử lý nợ xấu theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

- Thực hiện chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm. Quản lý chặt chẽ thu, chi NSNN, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; tăng cường quản lý, chống thất thu, chuyên giá, gian lận thương mại; tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực trong quản lý, sử dụng NSNN. Hoàn thiện cơ chế điều hành giá các mặt hàng thiết yếu theo hướng minh bạch, linh hoạt, tiệm cận cơ chế thị trường.

- Tập trung tháo gỡ những rào cản, khó khăn, vướng mắc thị trường vốn, thị trường tài chính, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản. Huy động và sử dụng nguồn lực theo phương thức đối tác công - tư, mô hình “lãnh đạo công - quản trị tư”, “đầu tư công - quản lý tư”, “đầu tư tư - sử dụng công”...; nguồn lực trong nhân dân để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho nền kinh tế.

- Khai thác hiệu quả các thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới, đẩy mạnh xuất khẩu. Tăng cường năng lực phòng vệ thương mại. Triển khai các giải pháp thu hút hiệu quả đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài; nhất là các dự án gắn với chuyển giao công nghệ, quản lý tiên tiến, hiện đại.

4. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới; đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh. Nâng cao năng lực sản xuất một số ngành công nghiệp chiến lược, nền tảng, mũi nhọn, công nghiệp mới nổi, công nghiệp hỗ trợ..., tiến tới tự lực, tự chủ, tự cường về khoa học công nghệ, tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Hình thành, phát triển một số cụm liên kết ngành, công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao phù hợp với lợi thế của từng vùng, địa phương; tạo điều kiện phát triển công nghiệp tại khu vực nông thôn, miền núi.

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao; ưu tiên phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh. Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ đạt bình quân trên 9,5%/năm. Xây dựng, phát triển thương hiệu du lịch quốc gia đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Mở rộng phạm vi miễn thị thực nhập cảnh theo cả quốc gia và đối tượng. Phấn đấu đến năm 2030, thu hút 45 - 50 triệu lượt khách du lịch quốc tế; tổng thu du lịch khoảng 13-14% GDP.

- Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ, kích cầu tiêu dùng, phát triển thị trường trong nước; khuyến khích lưu thông hàng Việt Nam chất lượng cao và sản phẩm OCOP. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; khai thác có hiệu quả các FTA, các liên kết kinh tế mới. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển mạnh sang xuất khẩu chính ngạch, đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu.

- Hiện đại hóa hệ sinh thái dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, vận tải... Có cơ chế, chính sách ưu đãi để phát triển các trung tâm logistics lớn; phát triển mạnh vận tải biển quốc tế, dịch vụ viễn thông, dịch vụ số, bưu chính. Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, việc làm, môi trường...

- Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển vùng sản xuất tập trung, chuyên canh hàng hóa lớn, năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng cao, các sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia, địa phương, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng. Phát triển mạnh kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải. Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt bình quân trên 3,5%/năm; tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt bình quân trên 5%/năm.

- Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Thực hiện và nhân rộng các mô hình hiệu quả trong Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030”. Duy trì ổn định độ che phủ rừng; chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khai thác hiệu quả nguồn lợi thủy, hải sản. Tiếp tục mở rộng, thành lập mới các khu bảo tồn biển, ven biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi các hệ sinh thái biển.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án cơ cấu lại DNNN giai đoạn 2021 - 2025. Đổi mới cách thức đánh giá, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp có vốn nhà nước gắn với quản trị doanh nghiệp theo các nguyên tắc, chuẩn mực tiên tiến với tinh thần “*thể chế thông thoáng, hạ tầng thông suốt, quản trị thông minh*”. Hoàn thiện các văn bản pháp luật làm cơ sở để triển khai cơ cấu lại, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả DNNN và chuyển đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần giai đoạn 2026 - 2030; Đề án Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN. Trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về phát triển kinh tế nhà nước; tổ chức triển khai sau khi Nghị quyết được ban hành.

- Tập trung triển khai hiệu quả kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị. Xây dựng, triển khai hiệu quả Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, công nghệ cao, công nghiệp mới nổi. Tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho doanh nghiệp tư nhân trong nước trong tiếp cận vốn, đất đai, các chính sách ưu đãi và nguồn lực khác. Hình thành một số tập đoàn kinh tế lớn, hàng đầu, đủ nguồn nhân lực, năng lực quản trị hiện đại, tiếp cận, chuyển giao và làm chủ được công nghệ trong đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng lớn, chiến lược đối với phát triển đất nước.

- Xây dựng và thực thi cơ chế, chính sách đột phá, ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, các cơ sở nghiên cứu và phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, chip bán dẫn, AI, công nghệ hạt nhân, năng lượng nguyên tử, không gian vũ trụ. Xây dựng, áp dụng cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát đối với một số dự án KHCN, ĐMST & CDS; từng bước nhân rộng các chính sách đã phát huy hiệu

quả. Gắn kết khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, khoa học lý luận chính trị để giải quyết các vấn đề lớn, quan trọng của đất nước.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số, sản xuất thông minh, thương mại điện tử, tiêu dùng trên môi trường số. Ứng dụng công nghệ số, AI trong quản lý, điều hành của Đảng, Nhà nước; phát triển trợ lý ảo, thực hiện hiệu quả Đề án 06.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, trong đó gắn kết chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp và viện nghiên cứu, trường đại học. Thúc đẩy phát triển mạnh hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Đổi mới cơ chế đánh giá khoa học và định giá công nghệ. Bảo đảm quyền chủ động của nhà khoa học trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ.

- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo hộ, thực thi phát triển và khai thác tài sản trí tuệ. Tăng cường liên kết và phát huy hiệu quả các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước, mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam.

5. Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại ngang tầm khu vực và thế giới, tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá và phát triển giáo dục. Xây dựng, trình Quốc hội Chương trình MTQG hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030. Thực hiện chủ trương miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông công lập ngay từ năm học 2025 - 2026.

- Chuyển mạnh giáo dục phổ thông từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, kỹ năng và phẩm chất người học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người dạy và người học. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả. Khuyến khích phát triển mô hình trường học mới: trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc. Thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá, đầu tư phát triển các đại học quốc gia, đại học vùng và cơ sở giáo dục đại học trọng điểm ngang tầm các nước tiên tiến. Nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học. Phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới.

- Tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, nhất là cán bộ quản lý, các ngành mũi nhọn về khoa học cơ bản, quản trị thông minh, các lĩnh vực mới nổi như AI, an ninh mạng, chuỗi khối, điện tử, chip bán dẫn, công nghệ lượng tử, sinh học, môi trường, năng lượng (bao gồm cả NLNT), vật liệu tiên tiến, rô-bốt và tự động hóa, không gian vũ trụ, không gian biển công trình ngầm, vận hành đường sắt đô thị, tốc độ cao...

- Phát triển và nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên các cấp. Chú trọng phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các

nhóm đối tượng yếu thế. Hiện đại hóa hạ tầng giáo dục, đào tạo; hoàn thành kiên cố hóa trường, lớp học, xây dựng các trường nội trú và nơi ở của giáo viên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

- Tập trung nguồn lực cho hạ tầng chiến lược, công trình trọng điểm; giai đoạn 2026 - 2030, xây dựng khoảng 2.000 km đường bộ cao tốc, hoàn thành mục tiêu đến năm 2030 cả nước có 5.000 km đường bộ cao tốc; hoàn thành đường ven biển. Nâng cấp một số tuyến quốc lộ quan trọng kết nối các đầu mối vận tải lớn; nối thông đường Hồ Chí Minh; mở rộng các tuyến kết nối cửa ngõ Thủ đô Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh. Ưu tiên phát triển các cảng biển trọng điểm kết hợp trung chuyển quốc tế. Thu hút đầu tư một số cảng biển đầu mối tiềm năng. Cải tạo, nâng cấp kỹ thuật đồng bộ các tuyến đường thủy nội địa chính có mật độ vận tải cao; phát triển hệ thống cảng thủy nội địa trên các hành lang vận tải thủy chính, khu vực đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao trong giai đoạn mới, bảo đảm an ninh năng lượng; phát triển đồng bộ, đa dạng hoá các loại hình nguồn điện, cơ cấu hợp lý, an toàn hệ thống, giá thành hợp lý. Đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới để phát triển tổng thể hệ sinh thái công nghiệp năng lượng. Đầu tư một số nhà máy điện hạt nhân với quy mô phù hợp, công nghệ mới, an toàn.

- Phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, nhất là tại các đô thị lớn. Ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng giao thông, đường vành đai, các dự án thoát nước, xử lý nước thải, chống ngập, phát triển giao thông công cộng đô thị; đến năm 2030, hoàn thành khoảng 100 km đường sắt đô thị tại Hà Nội và 100 km tại TP. Hồ Chí Minh. Khai thác hiệu quả không gian ngầm.

- Xây dựng hạ tầng số, phát triển các nền tảng số quốc gia, tiện ích kỹ thuật số thiết yếu đáp ứng được yêu cầu Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Xây dựng các khu công nghệ thông tin tập trung đồng bộ, hiện đại. Phát triển đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu lớn kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, khai thác, phục vụ hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế liên kết vùng. Hoàn thành rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Đẩy nhanh hình thành, phát triển các hành lang kinh tế ưu tiên, hành lang kinh tế thế hệ mới. Khai thác hiệu quả không gian phát triển mới phù hợp với hệ thống hành chính sau sắp xếp lại các địa phương.

- Phát triển đột phá dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí, các khoáng sản biển, công nghiệp ven biển, các ngành kinh tế biển mới. Xây dựng các trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường trọng điểm. Phát triển đội tàu vận tải biển, ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ, tham gia sâu

vào các chuỗi cung ứng vận tải, từng bước gia tăng, chiếm lĩnh thị phần quốc tế. Phát triển kinh tế tại các đảo kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển.

- Xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa, phát triển kinh tế nông thôn, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2035, xây dựng các mô hình phân bố dân cư phù hợp với đặc thù của từng vùng, miền. Đến năm 2030, số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%, phấn đấu 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; thu nhập cư dân nông thôn cao hơn 2,5 - 3 lần so với năm 2020.

7. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân

- Phát triển mạnh công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, sáng tạo, đa dạng, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc; trình Bộ Chính trị Đề án quốc tế hóa văn hóa đậm đà bản sắc Việt Nam và dân tộc hóa văn hóa quốc tế, Nghị quyết về chấn hưng và phát triển văn hóa trong kỷ nguyên mới. Tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước. Triển khai hiệu quả chương trình MTQG về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2030.

- Phát triển toàn diện con người Việt Nam về đạo đức, nhân cách, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ; thể lực, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, xã hội văn minh. Hoàn thiện, hiện đại hoá mô hình tổ chức, phương thức quản lý phát triển xã hội; bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích nhằm tạo sự đồng thuận, ổn định xã hội. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được thụ hưởng thành quả của đổi mới, phát triển toàn diện, được sống hạnh phúc trong môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn, không ai bị bỏ lại phía sau...

- Thực hiện các giải pháp đột phá phát triển văn học nghệ thuật, tinh hoa của văn hóa dân tộc trong kỷ nguyên mới; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu vốn bản sắc văn hóa dân tộc. Đẩy mạnh truyền thông, quảng bá nền văn hóa, các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể đặc thù, đặc trưng của Việt Nam có sức cạnh tranh quốc tế gắn với phát triển du lịch. Xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong môi trường số, tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với thời đại số trong phát triển xã hội số.

- Hoàn thiện hệ thống thiết chế thể thao ở cơ sở, tăng cường giáo dục thể chất và thể thao trường học, đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng. Tiếp tục phát triển thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp gắn với đổi mới cơ chế quản lý để xây dựng kinh tế thể thao năng động, hiệu quả. Xây dựng các công trình văn hóa, thể thao ngang tầm khu vực và quốc tế, biểu tượng thời đại Hồ Chí Minh.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc, khám, chữa bệnh và bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Tổ chức triển khai hiệu quả sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, kiểm soát tốt dịch bệnh. Tiếp tục thực hiện các giải

pháp nhằm giảm tử vong mẹ, tử vong trẻ em, thực hiện tốt công tác bảo vệ trẻ em; xây dựng môi trường gia đình, nhà trường, xã hội an toàn, lành mạnh, thân thiện, bảo đảm cho trẻ em có cơ hội phát triển về thể chất, tinh thần, nhân cách, tài năng, trí tuệ. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển. Tổ chức lại, củng cố và nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng; bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm...

- Thực hiện miễn viện phí, bảo hiểm y tế toàn dân; bảo đảm mọi người dân trên cả nước được khám sức khỏe định kỳ ít nhất mỗi năm một lần, phần đầu ti lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95% dân số. Nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế. Ưu tiên phát triển công nghiệp dược, dược liệu và thiết bị y tế trong nước. Phát triển toàn diện y dược cổ truyền, tăng cường kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại.

- Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về tầm vóc, tuổi thọ, thể chất và tinh thần. Xây dựng khung chính sách quốc gia về già hóa dân số; duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới. Hiện đại hóa và nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu, quản lý lao động, việc làm; tạo việc làm bền vững.

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, toàn diện, hiện đại, thích ứng linh hoạt, có khả năng phòng ngừa, hạn chế và khắc phục rủi ro. Chú trọng phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, bao phủ được toàn bộ lực lượng lao động; nâng cao hiệu quả chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng, đền ơn đáp nghĩa người có công với cách mạng; chính sách an sinh đối với các đối tượng yếu thế, trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Thực hiện hiệu quả các chương trình MTQG. Tiếp tục khuyến khích trí thức trẻ, thanh niên tham gia phát triển nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện tốt các chính sách tôn giáo, tín ngưỡng. Thúc đẩy công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Quan tâm, tạo môi trường lành mạnh, thuận lợi để trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức; tăng cường bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi. Tăng cường công tác phòng, chống tệ nạn xã hội; triển khai Chương trình MTQG phòng, chống ma túy đến năm 2030.

8. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

- Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Giảm phát thải khí nhà kính,

ưu tiên sử dụng năng lượng sạch, phân đầu đưa mức phát thải ròng của quốc gia về “0” vào năm 2050. Phát triển hạ tầng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; giảm thiểu chất thải nhựa. Thực hiện đồng bộ các giải pháp xử lý cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị và nông thôn, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông... Tăng cường đầu tư hệ thống quan trắc, cảnh báo ô nhiễm môi trường. Phát triển thị trường tín chỉ các-bon, nhất là từ rừng và lúa chất lượng cao.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, đất đai, tài nguyên biển, đất hiếm ở một số vùng trọng điểm. Phát triển thị trường, đẩy mạnh thương mại hóa quyền sử dụng đất. Quản lý bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học. Tiếp tục mở rộng, thành lập mới các khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn cho các đập, hồ chứa. Thúc đẩy, bảo vệ lợi ích của quốc gia trong quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới.

- Xây dựng Luật Biến đổi khí hậu, tạo hành lang pháp lý toàn diện ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; củng cố hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định giai đoạn 2026 - 2035. Thực hiện hiệu quả chương trình phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

9. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường hòa bình, ổn định phát triển đất nước

- Tăng cường công tác nắm bắt, phân tích, dự báo tình hình, nhất là việc điều chỉnh chính sách của các nước lớn để kịp thời tham mưu chiến lược “từ sớm, từ xa” với Đảng, Nhà nước các chủ trương, chính sách phù hợp giữ vững chủ quyền, quyền chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển KTXH. Thực hiện nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, trên các hướng, tuyến. Đẩy mạnh hiện đại hóa quân đội, phát triển khoa học công nghệ quân sự, trang bị công nghệ cao. Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức quân sự ở địa phương “tinh - gọn - mạnh”.

- Bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, xử lý hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo, không để xảy ra các “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự. Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ. Kiên quyết đấu tranh trấn áp các loại tội phạm nhằm kéo giảm tội phạm bền vững, nhất là tội phạm lừa đảo, chiếm đoạt tài sản sử dụng công nghệ cao, không gian mạng... Bảo đảm an ninh an toàn các sự kiện lớn, quan trọng của đất nước và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Kịp thời phát hiện, chủ động xử lý có hiệu quả các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ...

- Đến năm 2030, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang, làm nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh,

bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tăng cường đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ trong nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, gắn kết chặt chẽ và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia. Nâng cao năng lực tác chiến bảo vệ Tổ quốc, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu.

- Tăng cường công tác đối ngoại quốc phòng, an ninh, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ xung đột, chiến tranh, mất an ninh; chủ động về chiến lược trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Thực hiện tốt nhiệm vụ tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc; nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm họa, khắc phục hậu quả chiến tranh, rà phá bom mìn, vật nổ, xử lý chất độc hóa học, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Phòng, chống hiệu quả các loại tội phạm xuyên biên giới, tội phạm quốc tế, tạo vành đai an ninh để bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc cả trong và ngoài lãnh thổ, biên giới hành chính quốc gia.

10. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là ngoại giao kinh tế; phát huy vai trò, vị thế, uy tín của Việt Nam để xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh, thịnh vượng

- Thực hiện hiệu quả đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV; thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá. Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác nghiên cứu và dự báo chiến lược. Tiếp tục thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước láng giềng, các nước lớn và đối tác quan trọng. Triển khai hiệu quả chương trình đối ngoại cấp cao hằng năm; nâng cấp, nâng tầm các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện.

- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả, trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện các cam kết, thỏa thuận, FTA đã ký kết, tiếp tục mở rộng có chọn lọc các FTA mới, cũng như sửa đổi, nâng cấp các FTA đã ký kết nhằm phù hợp với thực tiễn thương mại quốc tế cũng như giúp Việt Nam ứng phó tốt hơn với các thách thức trong tương lai. Chủ động tham gia các sáng kiến, khuôn khổ liên kết kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương, phát huy vai trò thành viên chủ động, tích cực, có trách nhiệm tại các cơ chế đa phương, nhất là ASEAN, Tiểu vùng Mê Công, Liên Hợp quốc, các khuôn khổ hợp tác tại châu Á - Thái Bình Dương. Chủ động phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt trong những vấn đề và cơ chế quan trọng, chiến lược, định hình các cơ chế, khung khổ luật pháp quốc tế, các quy tắc trong các lĩnh vực mới...

- Đổi mới mạnh mẽ, kịp thời, sáng tạo công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao văn hóa. Triển khai toàn diện, hiệu quả công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân. Khuyến khích và tạo điều kiện để người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn và phát huy bản sắc, văn hóa và tiếng Việt, cống hiến, đóng góp tích cực vào xây dựng và phát triển đất nước.

11. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Thực hiện đầy đủ, toàn diện Kết luận của Tổng Bí thư tại các Phiên họp Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm. Quyết liệt triển khai công tác phòng, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công, tài sản quốc gia. Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế chống tham nhũng, tiêu cực; kịp thời khắc phục những bất cập, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện để ngăn ngừa hiệu quả tham nhũng, tiêu cực.

- Thực hiện nghiêm kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công theo Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023, 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị. Đẩy mạnh công tác giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra. Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện đề án Phương án tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại một số tỉnh, thành phố. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Hoàn thiện và thực hiện nghiêm các quy định về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Thực hiện có hiệu quả Kết luận số 107-KL/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, nhất là các vụ việc khiếu kiện đông người, các vụ việc liên quan đến nhân sự Đại hội Đảng bộ các cấp. Tập trung, rà soát, xử lý, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo vượt cấp.

12. Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, tạo động lực, truyền cảm hứng, đồng thuận xã hội; đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, định hướng thông tin sai lệch

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông, đổi mới cách thức truyền thông, nhất là về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị; định hướng quan trọng về phát triển KTXH, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác chuẩn bị tổ chức đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội XIV của Đảng và các sự kiện lớn, quan trọng của đất nước; các hoạt động của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Phát hiện, khuyến khích, biểu dương những tổ chức, cá nhân tiêu biểu, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cách làm mới, hiệu quả trong thực hiện công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, chăm lo đời sống Nhân dân...; phát huy tinh thần yêu nước, khát vọng cống hiến, tạo khí thế, niềm tin, truyền cảm hứng tích cực cho toàn xã hội.

Đẩy mạnh cung cấp thông tin chính thống cho báo chí, chủ động nắm bắt, xử lý các vấn đề xã hội, người dân quan tâm, kịp thời thông tin phản hồi, thực hiện cơ chế phát ngôn. Tăng cường đấu tranh, kịp thời phản bác quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, thông tin xấu, độc, không đúng sự thật; chỉnh hướng thông tin sai lệch, định hướng dư luận xã hội.

Trên đây là Báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ 2021 - 2026 của Chính phủ. Chính phủ nhận thức rằng, những kết quả chủ yếu đạt được, những ưu điểm, hạn chế và bài học kinh nghiệm được đánh giá, rút ra cũng như một số kiến nghị về phương hướng, nhiệm vụ thời gian tới không chỉ là tổng kết, kiểm điểm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong nhiệm kỳ, mà còn là cơ sở để Chính phủ nhiệm kỳ tới và các cơ quan trong hệ thống hành chính, chính quyền các cấp nghiên cứu, tham khảo trong công tác chỉ đạo, điều hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, các PTTg;
- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, đơn vị: CN, ĐMDN, HC, KGVX, KTTH, NC, NN, PL, QHĐP, QHQT, TCCV, TKBT, KSTT, V.I, Công TTĐT;
- Lưu: VT, TH (2). 15

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**



Trần Văn Sơn



Phụ lục I

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG, KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT, KẾT LUẬN, QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ, BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

(Kèm theo Báo cáo số 776 /BC-CP ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Số/Ký hiệu	Ngày văn bản	Trích yếu
I. Nghị quyết của Chính phủ			
1	60/NQ-CP	26/08/2025	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 158-KL/TW của Bộ Chính trị về xây dựng công nghiệp an ninh trong kỷ nguyên phát triển, vươn mình của dân tộc
2	249/NQ-CP	22/08/2025	Nghị quyết ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 189/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về một số cơ chế chính sách đặc biệt đầu tư xây dựng Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận
3	193/NQ-CP	27/06/2025	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Quy định số 189-QĐ/TW ngày 8/10/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong quản lý sử dụng tài chính, tài sản công
4	155/NQ-CP	01/06/2025	Nghị quyết ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội
5	153/NQ-CP	31/05/2025	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59/NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới
6	140/NQ-CP	17/05/2025	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới
7	139/NQ-CP	17/05/2025	Nghị quyết ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân
8	138/NQ-CP	16/05/2025	Nghị quyết ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân
9	30/NQ-CP	15/05/2025	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 14/8/2024 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Mỹ đến năm 2030

10	122/NQ-CP	08/05/2025	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường
11	114/NQ-CP	29/04/2025	Nghị quyết ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035
12	106/NQ-CP	23/04/2025	Nghị quyết ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam
13	93/NQ-CP	16/04/2025	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 132-KL/TW ngày 18/3/2025 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường nâng cao hiệu quả công tác phòng chống và kiểm soát ma túy
14	76/NQ-CP	10/04/2025	Nghị quyết ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 1313/NQ-UBTVQH15 ngày 25/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông từ năm 2009 đến hết năm 2023
15	71/NQ-CP	01/04/2025	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
16	51/NQ-CP	18/03/2025	Nghị định ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế
17	50/NQ-CP	13/03/2025	Nghị quyết ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phòng, chống ma túy đến năm 2030
18	3/NQ-CP	09/01/2025	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
19	1/NQ-CP	02/01/2025	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 21/5/2024 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế
20	259/NQ-CP	31/12/2024	Nghị quyết ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Thông báo 47-TB/TW ngày 15/11/2024 của Bộ Chính trị về xây dựng trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam

21	255/NQ-CP	31/12/2024	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 1157/NQ-UBTVQH15 ngày 28/8/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023
22	241/NQ-CP	19/12/2024	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 937/NQ-UBTVQH 15 ngày 13/12/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề thực hiện chính sách pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021
23	209/NQ-CP	28/10/2024	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn vệ sinh lao động trong tình hình mới
24	169/NQ-CP	30/09/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 79-KL/TW ngày 13/5/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
25	38/NQ-CP	20/08/2024	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 24/4/2024 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 23/7/2015 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển ngành dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 và một số định hướng cho giai đoạn mới
26	111/NQ-CP	22/07/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
27	107/NQ-CP	09/07/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới
28	31/NQ-CP	02/07/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ đến năm 2030 thực hiện Kết luận số 71-KL/TW ngày 16/2/2024 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ giải pháp lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII của Đảng
29	98/NQ-CP	26/06/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

30	25/NQ-CP	20/06/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 13/7/2023 của Bộ Chính trị về bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng
31	94/NQ-CP	19/06/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc
32	24/NQ-CP	07/06/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới
33	20/NQ-CP	16/05/2024	Nghị quyết ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 18/4/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới
34	69/NQ-CP	11/05/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới
35	68/NQ-CP	09/05/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới
36	66/NQ-CP	09/05/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới
37	52/NQ-CP	22/04/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động và Kế hoạch của Chính phủ triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 10/4/2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định và phát triển bền vững ngành thủy sản
38	47/NQ-CP	15/04/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ đến năm 2030 thực hiện Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới
39	38/NQ-CP	02/04/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

40	32/NQ-CP	20/03/2024	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18/9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông
41	29/NQ-CP	08/03/2024	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng
42	225/NQ-CP	31/12/2023	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới
43	220/NQ-CP	22/12/2023	Nghị quyết ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Thông báo số 23-TB/TW ngày 28/12/2022 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của Bộ Chính trị về chủ trương xử lý Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy
44	218/NQ-CP	18/12/2023	Nghị quyết ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị quyết số 99/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về Giám sát chuyên đề việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng
45	37/NQ-CP	07/12/2023	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 53-KL/TW ngày 28/4/2023 của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo
46	189/NQ-CP	16/11/2023	Nghị quyết ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới
47	31/NQ-CP	03/11/2023	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 55-KL/TW ngày 10/5/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường quốc phòng an ninh kết hợp với phát triển kinh tế xã hội trên hướng chiến lược phía Tây của Tổ quốc
48	178/NQ-CP	31/10/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
49	176/NQ-CP	30/10/2023	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 09/7/2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 67-KL/TW về xây dựng và phát triển Thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

50	162/NQ-CP	04/10/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
51	149/NQ-CP	21/09/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới
52	99/NQ-CP	10/07/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”
53	90/NQ-CP	16/06/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
54	87/NQ-CP	02/06/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển TP. Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
55	77/NQ-CP	12/05/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới
56	45/NQ-CP	31/03/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
57	37/NQ-CP	17/03/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về đất đai
58	28/NQ-CP	01/03/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/8/2022 của Bộ Chính trị về phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo
59	26/NQ-CP	27/02/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, Nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

60	21/NQ-CP	20/02/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn 2022 - 2026 thực hiện Chỉ thị Số 15-CT/TW ngày 10/8 năm 2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước năm 2030
61	5/NQ-CP	14/02/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới
62	14/NQ-CP	08/02/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
63	12/NQ-CP	07/02/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
64	9/NQ-CP	02/02/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới
65	3/NQ-CP	19/01/2023	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26/01/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo
66	171/NQ-CP	31/12/2022	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong tình hình mới
67	168/NQ-CP	29/12/2022	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
68	33/NQ-CP	30/11/2022	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 10-KL/TW ngày 08/7/2021 của Bộ Chính trị về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế xã hội trên hướng chiến lược Tây Nam của Tổ quốc
69	154/NQ-CP	23/11/2022	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

70	152/NQ-CP	15/11/2022	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
71	148/NQ-CP	11/11/2022	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
72	115/NQ-CP	05/09/2022	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025
73	96/NQ-CP	01/08/2022	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
74	88/NQ-CP	22/07/2022	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
75	78/NQ-CP	18/06/2022	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
76	54/NQ-CP	12/04/2022	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025
77	42/NQ-CP	21/03/2022	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
78	30/NQ-CP	11/03/2022	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”
79	169/NQ-CP	31/12/2021	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chỉ thị số 45-CT/TW và Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2021 - 2026

80	160/NQ-CP	22/12/2021	Nghị quyết ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030
81	99/NQ-CP	30/08/2021	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025
82	98/NQ-CP	30/08/2021	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
83	50/NQ-CP	20/05/2021	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng
84	13/NQ-CP	03/02/2021	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
85	6/NQ-CP	21/01/2021	Nghị quyết ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị

II. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1	1745/QĐ-TTg	15/08/2025	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới
2	1669/QĐ-TTg	05/08/2025	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 156-KL/TW ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW
3	1560/QĐ-TTg	18/07/2025	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới
4	525/QĐ-TTg	06/03/2025	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 5/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030

5	247/QĐ-TTg	06/02/2025	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về đổi mới phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030
6	1703/QĐ-TTg	31/12/2024	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030
7	1680/QĐ-TTg	28/12/2024	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới
8	1280/QĐ-TTg	28/10/2024	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 86-KL/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về phát triển nền Y học cổ truyền Việt Nam và Hội đông y Việt Nam trong giai đoạn mới
9	1183/QĐ-TTg	14/10/2024	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc
10	927/QĐ-TTg	30/08/2024	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội
11	918/QĐ-TTg	27/08/2024	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV về cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội
12	714/QĐ-TTg	26/07/2024	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị
13	709/QĐ-TTg	23/07/2024	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
14	700/QĐ-TTg	19/07/2024	Quyết định ban hành Danh mục nhiệm vụ triển khai Kế hoạch số 13-KH/TW ngày 28/11/2022 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
15	693/QĐ-TTg	17/07/2024	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

16	281/QĐ-TTg	05/04/2024	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới
17	895/QĐ-TTg	26/07/2023	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 44-KL/TW ngày 14/11/2022 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 08/6/2010 của Ban Bí thư khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong tình hình mới
18	426/QĐ-TTg	21/04/2023	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới
19	1595/QĐ-TTg	23/12/2022	Quyết định ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
20	1046/QĐ-TTg	06/09/2022	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị
21	497/QĐ-TTg	21/04/2022	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn
22	2114/QĐ-TTg	16/12/2021	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV
23	2074/QĐ-TTg	10/12/2021	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới giai đoạn 2021 - 2030
24	1983/QĐ-TTg	24/11/2021	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020
25	1944/QĐ-TTg	18/11/2021	Quyết định ban hành Chương trình thực hiện Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị (Khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030

26	1630/QĐ-TTg	28/09/2021	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW
27	1492/QĐ-TTg	10/09/2021	Quyết định ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 02-KL/TW ngày 18/5/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Phòng cháy chữa cháy
28	984/QĐ-TTg	23/06/2021	Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về đổi mới sắp xếp phát triển công ty nông lâm nghiệp

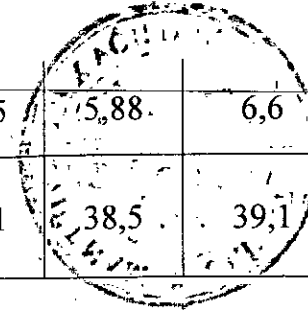


Phụ lục II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Kèm theo Báo cáo số 76/BC-CP ngày 13 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)

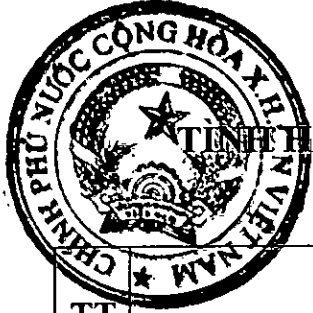
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2016 - 2020	Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025	Thực hiện từng năm					Ước thực hiện giai đoạn 2021 - 2025	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu 2021 - 2025
					Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ước thực hiện năm 2025		
A	Chỉ tiêu kinh tế										
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	6,25	6,5-7	2,56	8,02	5,05	7,09	8,3 - 8,5	6,2	Đạt
2	GDP bình quân đầu người	USD	3.552	4.700-5.000	3.717	4.109	4.284,5	4.700	5.000	5.000	Đạt
3	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo	% GDP	23,95	Trên 25	24,62	24,76	23,88	24,43	24,69		Đạt
4	Tỉ trọng giá trị tăng thêm kinh tế số trong GDP đến năm cuối kỳ	% GDP		Gần 14							
5	Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GDP bình quân giai đoạn 2021 - 2025	% GDP	3,45	3,7	2,5	3,1	2,8	3,1	3,7	3,1-3,2	
6	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng	%	46,04	Khoảng 45	36,03					35,30-46,09	



7	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân	%	6,1	Trên 6,5	4,6	4,8	3,65	5,88	6,6	4,36-4,69	
8	Tỉ lệ đô thị hóa (Tỷ lệ dân số thành thị trong tổng dân số cả nước)	%	36,8	Khoảng 45	37,1	37,6	38,1	38,5	39,1	39,1	
B Chỉ tiêu xã hội											
1	Tuổi thọ trung bình tính đến năm cuối kỳ	Tuổi	73,7	Khoảng 74,5	73,6	73,6	74,5	74,7	74,8	74,8	
	<i>Trong đó: thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu</i>	Năm		Tối thiểu 67							
2	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	33,1	Khoảng 25	29,1	27,5	26,9	26,4	25,8	25,8	
3	Tỉ lệ lao động qua đào tạo	%	64,5	70	66,0	67,0	68	69		68	
	<i>Trong đó: tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	24,1	28-30	26,1	26,4	27,2	28,4	29,2	29,2	
4	Tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi khu vực thành thị	%	3,89	Dưới 4	4,33	2,82	2,75	2,53	2,5	2,5	
5	Số bác sĩ/1 vạn dân XHMT	Bác sĩ	9,81	10	11,1	11,5	12,5	14	15	12,5	
6	Số giường bệnh/1 vạn dân XHMT	Giường bệnh	31	30	30,8	31	32	34	34,5	32	
7	Tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế	% dân số	90,85	95	91,01	92,04	93,35	94,29	95,16	93,31	
8	Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm bình quân trên năm	Điểm %/năm	1,1	Duy trì mức giảm 1-1,5	0,4		0,8	1,1	0,8-1	1,0	

9	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	62,4	Tối thiểu 80	65,5	71,4	78	80	79,3	78	
	Trong đó, tỉ lệ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%	0,2	10	0,76	1,8	3			3	
C	Chỉ tiêu môi trường										
1	Tỉ lệ được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh dân cư thành thị	%	91,4	95-100	92,8	93-94	96				
2	Tỉ lệ hộ được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh dân cư nông thôn	%	96,2	93-95	97,0	551	57			-	
3	Tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	-	90	94,71	96,23	92	97,26	95	91,3	
4	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	89	92	91	91	92	Khoảng 92	94	91,3	
5	Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	%	-	100	-	85,52	-				
6	Tỷ lệ che phủ rừng	%	42	Ổn định 42	42,02	42,02	42			42	

¹ Tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 đã đổi thành mục tiêu “Tỉ lệ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn”, đến năm 2023 đạt 80%.



Phụ lục III

TỈNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 776/BC-CP ngày 13 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ước 2025	Ước giai đoạn 2021 - 2025	Đánh giá
1	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	6,5%/năm	4,6%	4,8%	3,65%	5,88%	6,6%	5,24%	Có khả năng hoàn thành
2	Tốc độ tăng năng suất lao động ngành công nghiệp chế biến, chế tạo	6,5 - 7%/năm	6,24%	3,06%	1,99%	5,56%			Có khả năng hoàn thành
3	Tốc độ tăng NSLĐ của các vùng kinh tế trọng điểm	> 6,5%/năm							Có khả năng hoàn thành
-	Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ		6,2%	7,7%	4,4%				Đang cập nhật
-	Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung		4,2%	5,6%	0,8%				Đang cập nhật
-	Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam		1,3%	4,1%	2,5%				Đang cập nhật
-	Vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long		8,1%	5,0%	6,3%				Đang cập nhật
4	Tốc độ tăng NSLĐ của 05 thành phố trực thuộc Trung ương	> 6,5%/năm							Có khả năng hoàn thành
-	Hà Nội		8,38%	6,48%	3,87%	4,44%	6,52%	5,94%	Đang cập nhật
-	Hải Phòng							12,85%	Đang cập nhật
-	Đà Nẵng		1,14%		4%	3,5%	8%	4,5%	Đang cập nhật
-	Thành phố Hồ Chí Minh		1,7%	5,0%	2,2%				Đang cập nhật
-	Cần Thơ		22,2%	8,1%	4,1%				Đang cập nhật

5	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào GDP	45%	43,57%					47%	Có khả năng hoàn thành
6	Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GDP	3,7%	3,4%	3,36%				3,8%	Có khả năng hoàn thành
7	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 05 năm so với GDP	32 - 34%	34,2%	33,5%	33,3%	32,1%		32,8%	Có khả năng hoàn thành
8	Nợ xấu nội bảng của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng	< 3%	1,49%	2,03%	4,93%	4,56%	4,11%		Có khả năng hoàn thành
9	Tất cả các ngân hàng thương mại (không bao gồm các ngân hàng yếu kém) áp dụng Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn.	100%	81 ngân hàng thương mại, chi nhánh NHNN đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn	85 ngân hàng thương mại, chi nhánh NHNN đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn	90 ngân hàng thương mại, chi nhánh NHNN đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn	Hầu hết các hàng thương mại đã triển khai áp dụng tỷ lệ an toàn vốn	90 TCTD triển khai áp dụng tỷ lệ an toàn vốn		Có khả năng hoàn thành
10	Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu so với GDP	≥ 85%	91,5%	54,7%	58,1%	69,1%	60%		Đang cập nhật
11	Dư nợ thị trường trái phiếu so với GDP	≥ 47%					34%		Đang cập nhật
12	Dư nợ thị trường trái phiếu doanh nghiệp so với GDP	20%	16%	12,6%	12,1%				Không hoàn thành
13	Chỉ số Chất lượng quản lý hành chính đất đai trong bộ chỉ số về Năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI)	Tăng 10 - 15 bậc so với 2019	Đang cập nhật	Đang cập nhật	Đang cập nhật	Đang cập nhật			Từ năm 2020 đến nay Diễn đàn kinh tế thế

14	Chỉ số Chất lượng đào tạo nghề trong bộ chỉ số về Năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI)	Tăng 40 - 50 bậc	Đang cập nhật	Đang cập nhật	Đang cập nhật	Đang cập nhật			giới (WEF) không công bố
15	Chỉ số Kỹ năng của sinh viên	Tăng 45 bậc so với năm 2019	Đang cập nhật	Đang cập nhật	Đang cập nhật	Đang cập nhật			Đang cập nhật
16	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ so với GDP	0,8-1%	0,42%		0,42%				Đang cập nhật
17	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	30%/năm	28,5%	29,7%	38,8%				Có khả năng hoàn thành
18	Số lượng doanh nghiệp đến hết 2025	1,5 triệu	857.551	895.876	921.372	940.078			Đang cập nhật
19	Số doanh nghiệp quy mô vừa và lớn	60.000 - 70.000	44.247	48.516					Đang cập nhật
20	Tỷ trọng của khu vực kinh tế tư nhân trong GDP (<i>Khu vực ngoài nhà nước</i>)	55%	50,2%	50,0%	50,4%				Có khả năng hoàn thành
21	Số sản phẩm quốc gia xây dựng được thương hiệu quốc tế	05 - 10							Đang cập nhật
22	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP	20%	12,9%	14,26%	16,5%	19-20%	18,72%		Có khả năng hoàn thành
23	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	10%	-	8,47%			10,09%		Có khả năng hoàn thành
24	Số lượng hợp tác xã đến hết năm 2025	35.000	27.342	29.378	31.825	33.335			Có khả năng hoàn thành

25	Số hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản	3.000	-	1.718	-	2.500			Đang cập nhật
26	Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	35%	26%	26%	21%	21%			Có khả năng hoàn thành
27	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản	7,0 - 8,0%/năm	2,9%	6,12%	4,85%				Đang cập nhật
28	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân	1 - 1,5%/năm							Đang cập nhật
29	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân khu vực dịch vụ	7 - 7,5%/năm	6,22%	4,05%	3,97%				Đang cập nhật
30	Đóng góp của du lịch trong GDP đến hết năm 2025	9 - 10% GDP							Đang cập nhật



Phụ lục IV

THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI (theo giá hiện hành)
(Kèm theo Báo cáo số 776/BC-CP ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Nguồn vốn	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2016 - 2020	Thực hiện từng năm					Ước thực hiện giai đoạn 2021-2025
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ước thực hiện năm 2025	
	TỔNG SỐ	Nghìn tỷ đồng	12.013,4	2.896,7	3.222,7	3.435,8	3.692,1	4.081,7	9.556,7
	<i>So với GDP</i>	%	34,63	34,13	33,5	33,3	32,1	31,7	32,8
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	9,82	3,34	11,25	6,61	7,46	10,55	7,81
1	Vốn đầu tư nguồn NSNN (bao gồm: vốn TPCP, bội chi NSDP, xố số kiến thiết và vốn từ nguồn thu từ tiền bán bớt cổ phần sở hữu của Nhà nước tại một số doanh nghiệp)	Nghìn tỷ đồng	1.870,9	450,4	524,3	640,1	661,3		1.580,1
	<i>So với tổng số</i>	%	15,57	15,55	16,27	18,63	17,91		16,5
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	12,78	-9,93	16,41	24,02	3,31		6,85

2	Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước	Ngìn tỷ đồng	231,8	33,9	38,7	40,6	43,4	10,4
	<i>So với tổng số</i>	%	1,93	1,17	1,20	1,18	1,18	1,16
	<i>Tốc độ tăng/giảm</i>	%	-16,28	4,78	14,1	4,80	7,05	6,41
3	Vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước	Ngìn tỷ đồng	862,3	154,3	176,1	185,6	200,5	511,9
	<i>So với tổng số</i>	%	7,18	5,33	5,47	5,40	5,4	5,36
	<i>Tốc độ tăng/giảm</i>	%	-4,49	8,15	14,12	5,39	8,03	8,73
4	Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp tư nhân	Ngìn tỷ đồng	6.686,7	1.719,4	1.868,6	1.917,5	2064,2	5.559,9
	<i>So với tổng số</i>	%	55,66	59,36	57,98	55,81	55,91	58,17
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	12,88	7,12	8,68	2,61	7,65	7,02
5	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Ngìn tỷ đồng	2.115,1	458,1	522,0	550,2	608,6	1.518,2

	<i>So với tổng số</i>	%	17,61	15,81	16,20	16,0	16,48		15,89
	<i>Tốc độ tăng/giảm</i>	%	7,18	-1,12	13,95	5,41	10,62		5,12
6	Vốn huy động khác	Nghìn tỷ đồng	246,6	80,7	93,0	101,9	114,1		276,2
	<i>So với tổng số</i>	%	2,05	2,78	2,88	2,97	3,09		2,89
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	10,0	35,3	15,3	9,6	11,97		19,68